

Ch- ong 1

Giới thiệu chung về khuyến nông

I. Khái niệm về khuyến nông

1. Định nghĩa khuyến nông

Khuyến nông là một thuật ngữ khó đ- ợc định nghĩa một cách chính xác, vì khuyến nông đ- ợc tổ chức bằng nhiều cách khác nhau, để phục vụ nhiều mục đích rộng rãi, do đó có nhiều quan niệm và định nghĩa về khuyến nông. D- ối đây là một số các quan niệm và định nghĩa về khuyến nông.

Theo nghĩa Hán – Văn, “ Khuyến” có nghĩa là khuyên ng- ời ta cố gắng sức trong công việc, còn “Khuyến nông” nghĩa là khuyên mở mang phát triển trong nông nghiệp.

Thuật ngữ “Extension” có nguồn gốc ở Anh từ những năm 1866 với nghĩa ban đầu là “Triển khai” hay “Mở rộng”. Nếu khi ghép với từ “Agriculture” thành “Agricultural Extension” thì dịch là “Khuyến nông”.

Theo B.E. Swanson và J.B. Claar; “Khuyến nông là ph- ơng pháp động, nhận thông tin có lợi tới ng- ời dân và giúp họ thu đ- ợc những kiến thức, kỹ năng và những quan điểm cần thiết nhằm sử dụng một cách có hiệu quả thông tin hoặc kỹ thuật này”.

Theo A.W.Van den Ban và H.S. Hawkins (Khuyến nông, 1988, trang 312) “Khuyến nông, khuyến lâm là một sự giao tiếp thông tin tỉnh táo nhằm giúp nông dân hình thành các ý kiến hợp lý và tạo ra các quyết định đúng đắn”

Theo D.Sim và H.A.Hilmi, (FAO Forestry paper 80, 1987, FAO, Rome). “Khuyến nông, khuyến lâm đ- ợc xem nh- một tiến trình của việc hòa nhập các kiến thức bản địa với kiến thức khoa học kỹ thuật hiện đại. Các quan điểm, kỹ năng để quyết định cái gì cần làm, cách thức làm trên cơ sở cộng đồng địa ph- ơng sử dụng các nguồn tài nguyên tại chỗ với sự trợ giúp từ bên ngoài để có khả năng v- ợt qua các trở ngại gặp phải.”

Theo Malla, (A Manual for Training Field Workers, 1989). “Khuyến nông, khuyến lâm là làm việc với nông dân, lắng nghe những khó khăn, các nhu cầu và giúp họ đi đến việc trợ giúp cho chính họ.”

Theo Falconer, (Forestry, A Review of Key Issues, Social Forestry Network Paper 40, 1987, O.D.I., London) “Khuyến nông, khuyến lâm là một tiến trình giáo dục. Các hệ thống khuyến nông thông báo, thuyết phục và kết nối con ng- ời, thúc đẩy các dòng thông tin giữa nông dân và các đối t- ượng sử dụng tài nguyên khác, các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý và các nhà lãnh đạo”.

Theo Thomas. G. Floes: “Khuyến nông là một từ tổng quát để chỉ tất cả các công việc có liên quan đến sự nghiệp phát triển nông thôn, đó là một hệ thống giáo dục ngoài nhà tr- ờng, trong đó có ng- ời già và ng- ời trẻ học bằng cách thực hành”.

Qua một số định nghĩa trên có thể tóm lược khuyến nông theo hai nghĩa như sau

Theo nghĩa hẹp: khuyến nông là một tiến trình giáo dục không chính thức mà đối tượng là nông dân. Tiến trình này đem đến cho nông dân thông tin và những lời khuyên nhằm giúp họ giải quyết những vấn đề hoặc những khó khăn trong cuộc sống. Khuyến nông hỗ trợ phát triển các hoạt động sản xuất, nâng cao hiệu quả canh tác để không ngừng cải thiện chất lượng cuộc sống của nông dân và gia đình họ.

Theo nghĩa rộng: khuyến nông là khái niệm chung để chỉ tất cả những hoạt động hỗ trợ sự nghiệp xây dựng và phát triển nông thôn.

Năm 2000, Cục khuyến lâm Việt Nam đề xuất khái niệm khuyến nông như sau: Khuyến nông là cách đào tạo và rèn luyện tay nghề cho nông dân, đồng thời giúp họ hiểu được những chủ trương, chính sách về nông nghiệp, những kiến thức về kỹ thuật, kinh nghiệm về quản lý kinh tế, những thông tin về thị trường, để họ có đủ khả năng tự giải quyết được các vấn đề của gia đình và cộng đồng nhằm đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống, nâng cao dân trí, góp phần xây dựng và phát triển nông thôn mới.

2. Tiến trình khuyến nông

2.1. Kiến thức và kỹ năng

Khuyến nông cung cấp kiến thức kỹ thuật và huấn luyện những kỹ năng khác nhau cho nông dân. Muốn phát triển có hiệu quả, nông dân cần kiến thức và kỹ năng mới. Ví dụ, cách tổ chức và quản lý trang trại như việc theo dõi ghi chép đầy đủ những khoản thu chi, cách sử dụng những loại công cụ mới, hoặc khả năng phân tích khía cạnh kinh tế của thông tin và những lời khuyên.

2.2. Những khuyến cáo kỹ thuật

Khuyến nông cung cấp thông tin và những khuyến cáo kỹ thuật giúp nông dân tự mình đưa ra quyết định và hành động. Thông tin bao gồm giá cả và thị trường của những mặt hàng họ có thể sản xuất hoặc quan tâm, hoặc ở đâu có những loài cây, con giống họ đang cần. Khuyến cáo kỹ thuật, trên cơ sở những kết quả nghiên cứu, thường tập trung vào hoạt động canh tác và những tác động cần thiết để nâng cao hiệu quả sản xuất. Tất nhiên nhiều nông dân cũng có những kiến thức và kinh nghiệm sản xuất rất có ích mà khuyến nông có thể tiếp thu và phổ biến lại cho những nông dân khác.

2.3. Tổ chức nông dân

Nông dân cần có một tổ chức để đại diện cho quyền lợi của mình và thực hiện những công việc mang tính cộng đồng. Vì vậy, cán bộ khuyến nông cần giúp họ tổ chức thành những tổ, nhóm khác nhau trên cơ sở mục đích, lợi ích chung của họ. Những tổ nhóm như vậy thường đóng vai trò đưa thông tin đến nông dân và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho công tác khuyến nông.

2.4. Động cơ và lòng tin

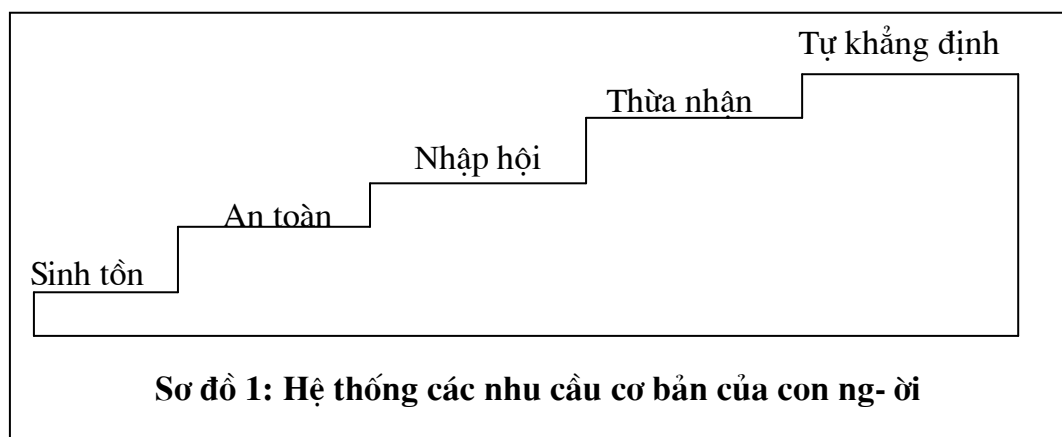
Một trong những khó khăn của tiến trình phát triển nông thôn hiện nay, là nhiều hộ nông dân phải “đơn th-ong độc mã” đối mặt với những hoàn cảnh khó khăn và cảm thấy khó có thể làm đ-ợc gì, để thay đổi cuộc sống của mình. Họ thiếu sự hỗ trợ và động viên từ bên ngoài. Có ng-ời đã vật lộn cả đời mà cũng không làm cho cuộc sống khá lên đ-ợc. Vì vậy, cán bộ khuyến nông cần đến với họ, giúp đỡ và khuyến khích họ tham gia các ch-ơng trình khuyến nông. Nh-ng điều quan trọng hơn cả là cần phải thuyết phục, động viên để họ tin t-ởng rằng họ hoàn toàn có thể tự quyết định và hành động, để cải thiện cuộc sống của chính gia đình mình.

Trong công tác khuyến nông việc tìm hiểu động cơ ng-ời dân có thể giúp ta trong hai tình huống: Khi muốn giúp họ và khi muốn họ thay đổi hành vi.

- Để giúp con ng-ời khắc phục vấn đề nào đó của họ, tr-ớc tiên ta phải tìm hiểu tại sao họ lại có hành vi nh- họ đang thực hiện? Hành động của họ có thể bộc lộ hoàn toàn vô lý đối với chúng ta, song họ có thể trở nên khôn ngoan và sáng suốt khi họ đ-ợc hiểu ra d-ới lý thuyết động cơ và nhu cầu. Một sự phân tích hệ thống các tình huống có thể cho phép chúng ta giúp họ những vấn đề mà họ cảm thấy cần phải có sự giúp đỡ thực sự.

- Khi một cán bộ khuyến nông muốn thuyết phục ng-ời này thay đổi hành vi, thực hiện một vấn đề mới, thì ngoài việc ph-ơng pháp mới phải tốt hơn, hiệu quả hơn hay sinh lợi hơn, còn phải xem xét tác động của vấn đề mới ra sao, liệu vấn đề mới đó có đáp ứng đ-ợc một trong các nhu cầu của họ hay không?

Còn đối với động cơ của cán bộ khuyến nông thì sao? Họ cũng có thể thay đổi nh- với bất cứ ai. Họ có thể cần sự an toàn của việc làm th-ờng xuyên, hoặc sự nhập hội trong quá trình gặp gỡ nhiều ng-ời, hoặc sự công nhận hay tín nhiệm của những ng-ời họ đã giúp bằng lời khuyên đúng đắn. Họ cũng có thể cần sự tự khẳng định và thoả mãn nhu cầu đó khi họ biết đã thành công trong một công tác quan trọng.



3. Triết lý của khuyến nông

Theo các tác giả Thomas, G. Floers, Pedro, B. Bueno, Lapastora và tổ chức hợp tác quốc tế vì phát triển và đoàn kết (CIDSE) đã đưa ra triết lý của khuyến nông như sau:

“Khuyến nông dựa trên quan điểm cho rằng nông dân là những người thông minh, có năng lực, rất mong muốn nhận được thông tin và kiến thức mới để phát triển sản xuất nhằm đem lại cuộc sống ấm no hạnh phúc cho gia đình, cho cá nhân và cho cộng đồng của mình”

Nông dân đã sống qua nhiều đời tại địa phương họ, trong môi trường sinh thái và môi trường xã hội của cộng đồng mình, họ có sự hiểu biết khá rõ về những yếu tố của môi trường xã hội như phong tục, tập quán, kinh nghiệm làm ăn ở địa phương. Do đó, nếu biết khơi dậy tiềm năng bằng nhiều yếu tố chủ quan và khách quan thì ước vọng của nông dân và cộng đồng nông thôn đều có thể trở thành hiện thực. Nông dân vốn sống gần thiên nhiên và sống bằng sức lao động của chính mình, nên họ có nhiều đức tính quý là sống chân thành, cởi mở, cần cù siêng năng trong lao động, nhiều người lại rất thông minh, ham học hỏi, cầu tiến bộ.

Nông dân cũng như các thành phần khác trong xã hội, đều có một sự mong muốn là đời sống vật chất và tinh thần ngày một được cải thiện. Điều yếu kém, hạn chế của nông dân là thiếu thông tin, thiếu kiến thức kỹ thuật và cũng có thể do cơ chế tổ chức, cơ chế chính sách chưa phù hợp. Do vậy, nếu khuyến nông cung cấp đầy đủ thông tin, hướng dẫn kỹ thuật, tạo ra cơ chế thông thoáng phù hợp... thì nông dân hoàn toàn có khả năng giải quyết các vấn đề của chính họ một cách thành công.

Người cán bộ khuyến nông được nhận trách nhiệm đưa thông tin, đưa các tiến bộ kỹ thuật đến nông dân. Nghiên cứu tháo gỡ những vướng mắc của dân ở nông thôn, động viên khuyến khích họ, cộng đồng họ, tự nguyện, tự chủ trong việc giải quyết các vấn đề khó khăn trong cộng đồng.

4. Mục tiêu của khuyến nông

Mục tiêu của khuyến nông là làm thay đổi cách đánh giá, cách nhận thức của nông dân trước những khó khăn trong cuộc sống, giúp họ có cái nhìn thực tế và lạc quan hơn đối với mọi vấn đề trong cuộc sống, để họ tự quyết định biện pháp vượt qua những khó khăn. Khuyến nông không chỉ nhằm những mục tiêu phát triển kinh tế, mà còn hướng tới sự phát triển toàn diện của bản thân nông dân và nâng cao chất lượng cuộc sống ở nông thôn.

Trong giai đoạn hiện nay, mục tiêu tổng quát của khuyến nông Việt Nam là phát triển nông, lâm nghiệp và nông thôn, đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm, lâm sản... ở qui mô địa phương và quốc gia, mà chủ thể là nông dân mới trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Theo Nghị định số 56 của Chính phủ ngày 24/6/2005 và Thông t- 60 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định mục tiêu của công tác khuyến nông nh- sau:

- Nâng cao nhận thức về chủ tr- ơng, chính sách, pháp luật, kiến thức, kỹ năng về khoa học kỹ thuật, quản lý, kinh doanh cho ng- ời sản xuất.

- Góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; nâng cao năng suất, chất l- ợng, hiệu quả, phát triển sản xuất theo h- ớng bền vững, tạo việc làm, tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo, góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

- Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài n- ớc tham gia khuyến nông, khuyến ng- .

5. Quan điểm của khuyến nông

Khuyến nông dựa trên quan điểm cho rằng nông dân là mục tiêu của phát triển, họ đóng vai trò trung tâm và là ng- ời thông minh, có năng lực, rất mong muốn nhận đ- ợc thông tin và kiến thức mới để phát triển sản xuất, nhằm đem lại cuộc sống ấm no hạnh phúc cho gia đình, cho cá nhân và cho cộng đồng mình.

Khuyến nông đ- ợc thực hiện ở mọi nơi (trong nhà, ngoài rừng, trên n- ơng, trong lớp học...) cùng nông dân, thông qua những cá nhân hay những nhóm hộ, xuất phát từ những nhu cầu của họ, bắt đầu từ những gì họ có để giải quyết những vấn đề của họ trên cơ sở tự lực cánh sinh

II. Vai trò và chức năng nhiệm vụ của khuyến nông

1. Sự cần thiết của công tác khuyến nông

Trong những năm gần đây, dân số trên thế giới không ngừng tăng lên theo cấp số nhân. Theo số liệu thống kê năm 1990 là 5 tỷ ng- ời, năm 1996 là 5,7 tỷ, năm 1999 hơn 6 tỷ ng- ời và năm 2006 khoảng 6,6 tỷ ng- ời. Nh- vậy, việc tất yếu sẽ diễn ra là nhu cầu về l- ợng thực, gỗ xây dựng, củi đun ... sẽ tiếp tục gia tăng nhanh chóng. Trong bối cảnh đó, vai trò của ngành nông, lâm nghiệp ngày càng đ- ợc đề cao, không những h- ớng đến sản xuất bền vững, chú trọng bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển nông thôn và nông dân. Các nhà nông, lâm nghiệp làm việc ngày càng gần gũi hơn với các cộng đồng nông thôn để quản lý có hiệu quả hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Các ch- ơng trình phát triển nông thôn miền núi, lâm nghiệp xã hội, lâm nghiệp cộng đồng ... đang đ- ợc thực hiện nhiều nơi trên thế giới. Chính những sự thay đổi này đã và đang đ- a các nhà nông lâm

ng nghiệp ở các cấp khác nhau đến với vai trò của nhà khuyến nông.

Trong bối cảnh ở Việt Nam hiện nay đang có những thay đổi lớn, đó là sự chuyển đổi nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị tr- ờng, định h- ớng xã hội chủ nghĩa, với nhiều thành phần kinh tế. Với chủ tr- ơng hộ là đơn vị kinh tế tự chủ. Mặt khác, hợp tác xã kiểu

cũ ở nông thôn Việt Nam trên thực tế đã không còn tác dụng. Các hộ nông dân rất cần có một tổ chức để làm chỗ dựa, hỗ trợ cho mình trong quá trình sản xuất nông lâm nghiệp.

Ngoài ra việc phát triển nông, lâm nghiệp cũng nh- đẩy mạnh hoạt động khuyến nông ở Việt Nam, ngày càng trở lên quan trọng, đó là:

- áp lực của việc gia tăng dân số.
- Suy thoái nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi tr- ờng khí hậu.
- Gia tăng khoảng cách giữa ng- ời dân thành thị và nông thôn về mức thu nhập, giáo dục, đời sống và phúc lợi xã hội.
- Tiếp cận kiến thức và các kỹ thuật mới rất khó khăn tại nhiều vùng nông thôn, đặc biệt là vùng sâu vùng xa.
- Tiếp cận các nguồn thông tin, chính sách, pháp luật, thị tr- ờng cũng nh- điều kiện giao thông đi lại rất hạn chế đối với ng- ời nông dân nông thôn.

2. Vai trò của khuyến nông

2.1. Khuyến nông có vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển nông thôn

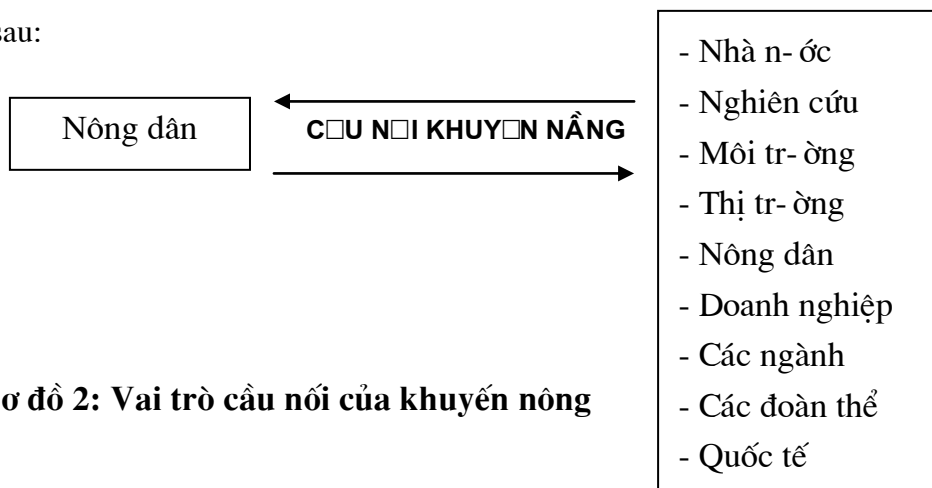
Trong điều kiện n- ớc ta hiện nay, khoảng 80% dân số sống ở khu vực nông thôn với khoảng 60% lao động xã hội để sản xuất ra những nông sản thiết yếu cung cấp cho xã hội nh- l- ơng thực, thực phẩm.. và sản xuất nông nghiệp chiếm khoảng 40% giá trị sản phẩm xã hội. Mặc dù nông thôn và nông nghiệp có vai trò lớn nh- vậy trong quá trình xây dựng và phát triển đất n- ớc, nh- ng ở nhiều vùng nông thôn mức sống và trình độ dân trí còn rất thấp, cơ sở hạ tầng yếu kém, trình độ sản xuất còn lạc hậu. Đây là những thách thức rất lớn trong phát triển nông nghiệp và nông thôn. Khuyến nông đ- ợc coi là một trong những con đ- ờng góp phần giải quyết những thách thức đó.

Nông dân luôn gắn liền với nông nghiệp, là bộ phận cốt lõi và cũng là chủ thể trong quá trình phát triển nông thôn. Phát triển nông thôn là cái đích của nhiều hoạt động khác nhau, nhằm tác động vào nhiều lĩnh vực khác nhau của nông thôn, trong đó khuyến nông là một tác nhân, một bộ phận quan trọng nhằm góp phần thúc đẩy phát triển nông thôn. Thông qua hoạt động khuyến nông, nông dân và những ng- ời bên ngoài cộng đồng có cơ hội trao đổi thông tin, học hỏi kiến thức và kinh nghiệm lẫn nhau để phát triển sản xuất và đời sống kinh tế xã hội. Đặc biệt, khuyến nông còn tạo ra cơ hội cho nông dân trong cộng đồng cùng chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm, trao đổi thông tin kiến thức và giúp đỡ, hỗ trợ nhau cùng phát triển cộng đồng địa ph- ơng.

Hiện nay nông nghiệp n- ớc ta đang đứng tr- ớc những thách thức mới, khi n- ớc ta đã chính thức gia nhập WTO. Đòi hỏi sản xuất nông nghiệp hàng hoá phải đảm bảo đủ số l- ợng, có chất l- ợng cao, giá trị kinh tế cao, có sức mạnh cạnh tranh trong khu vực và thế giới... Tất cả những vấn đề trên đã và đang đ- ợc công tác khuyến nông đóng góp công sức rất lớn.

2.2. Khuyến nông có vai trò là cầu nối

Có thể thể hiện khuyến nông là cầu nối thông tin hai chiều giữa nông dân và các đối tượng khác như sau:



Sơ đồ 2: Vai trò cầu nối của khuyến nông

* *Cầu nối với Nhà nước:* Với đất nước có trên 80 triệu dân khoảng 80% dân số sống ở nông thôn. Nhìn chung trình độ dân trí chưa cao, nên không thể mọi người nông dân hiểu được mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp. Khuyến nông có vai trò giúp nông dân nâng cao nhận thức, vận động nông dân tiếp thu và thực hiện các chính sách về nông, lâm nghiệp trong quá trình sản xuất, sao cho có hiệu quả và phù hợp với đường lối lãnh đạo của Đảng, Nhà nước. Ngược lại, thông qua cầu nối khuyến nông Đảng và Nhà nước hiểu được tâm tư, nguyện vọng của nông dân, những vấn đề bức xúc của họ trong sản xuất và đời sống, trên cơ sở đó Nhà nước hoạch định, cải tiến để thực hiện các chính sách phù hợp.

* *Cầu nối nông dân với nghiên cứu:* Những tiến bộ của khoa học kỹ thuật, công nghệ mới thường là kết quả của các cơ quan nghiên cứu khoa học. Những tiến bộ này được nông dân chọn lựa, áp dụng vào sản xuất để nâng cao năng suất lao động. Trên thực tế giữa nghiên cứu và áp dụng thường có một khâu trung gian để chuyển tải hoặc cải tiến cho phù hợp để nông dân áp dụng được. Ngược lại, những kinh nghiệm của nông dân, những đòi hỏi cũng như nhận xét, đánh giá về kỹ thuật mới của nông dân, cũng cần được phản hồi đến các nhà khoa học để họ giải quyết cho sát thực tế. Trong những trường hợp này, vai trò của khuyến nông chính là chiếc cầu nối giữa nông dân và nghiên cứu

* *Cầu nối nông dân với môi trường:* Sản xuất nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường sinh thái đang được rất nhiều quốc gia quan tâm và thực hiện. Nông nghiệp Việt Nam đang thực hiện mục tiêu sản xuất hàng hoá lại càng phải quan tâm tới môi trường, để sản xuất ra những sản phẩm nông nghiệp an toàn cho xã hội. Vì vậy, những tác động ngoại ứng của sản xuất nông nghiệp rất cần được khuyến nông cung cấp cho người sản xuất

* *Cầu nối nông dân với thị trường:* Hiện nay với một nền kinh tế mở, nông sản hàng hoá được tự do lưu thông, đặc biệt là các thị trường quốc tế, người nông dân cần phải nắm bắt được những thông tin như ở đâu cần những sản phẩm này, thị hiếu, sở thích của họ về sản phẩm ra sao,

số lượng và chất lượng sản phẩm thế nào... Những thông tin đó thông qua khuyến nông sẽ giúp cho nông dân quyết định đúng đắn kế hoạch sản xuất của mình

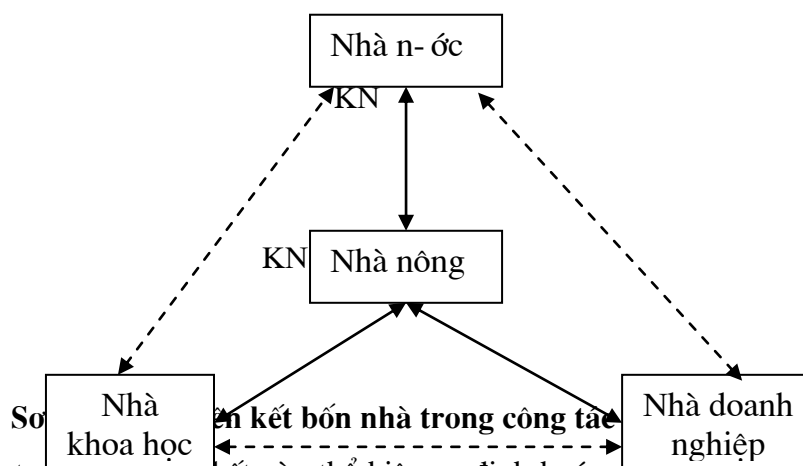
* *Cầu nối nông dân với nông dân*: Thông qua khuyến nông những người nông dân có cơ hội được tiếp xúc với nhau, trao đổi các kinh nghiệm, học tập lẫn nhau trong quá trình sản xuất, marketing tiêu thụ sản phẩm... Thông qua khuyến nông giúp nông dân tăng cường tính cộng đồng trong sản xuất thể hiện trên các mặt như cùng nhau bảo vệ môi trường sinh thái trong sạch, bền vững, cùng nhau khắc phục môi trường sống bị ô nhiễm; hỗ trợ nhau trong sản xuất và đời sống.

* *Cầu nối nông dân với các doanh nghiệp*: Các doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc giải quyết đầu vào và đầu ra cho sản xuất nông nghiệp. Thông qua khuyến nông sẽ góp phần tăng cường mối liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp điều chỉnh các hoạt động sản xuất có hiệu quả nhất.

* *Cầu nối nông dân với các tổ chức chính quyền, đoàn thể, các ngành hữu quan*: Hoạt động khuyến nông để có hiệu quả cần phải có tính cộng đồng, cần phải có sự phối hợp rất chặt chẽ của mọi cấp, mọi ngành và mọi đoàn thể.

* *Cầu nối nông dân với quốc tế*: Để có được sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, tiếp cận thị trường thế giới cần phải có vai trò của khuyến nông. Khuyến nông giúp cho nông dân nhận biết được hiện nay nên sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, thị trường tiêu thụ sản phẩm ở đâu...

* *Mối liên kết bốn nhà*: Một trong những cầu nối khuyến nông quan tâm hiện nay là mối liên kết bốn nhà trong công tác khuyến nông, nó có tác dụng nâng cao kết quả của sản xuất nông nghiệp. Đó là mối liên kết : Nhà nước - Nhà nông - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp.



- Nhà nước trong mối liên kết này thể hiện sự định hướng và kế hoạch thực hiện cho các hoạt động của các doanh nghiệp cũng như nghiên cứu của các cơ quan khoa học, các nhà khoa học. Nhà nước xây dựng các pháp chế, các tiêu chuẩn kỹ thuật...

- Các nhà khoa học cần nghiên cứu những gì đáp ứng cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp của nông dân thì nghiên cứu đó mới có ý nghĩa. Họ cần liên kết với các doanh nghiệp để thu hút

nguồn vốn phục vụ nghiên cứu và thúc đẩy nhanh đ-a tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Các nhà khoa học cũng là lực l-ợng quan trọng tham gia trực tiếp triển khai đ-a các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

- Nhà doanh nghiệp th- ờng phải phối hợp chặt chẽ với các nhà khoa học và khuyến nông trong công tác nghiên cứu cũng nh- chuyển giao kết quả tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Ngoài ra, nhà doanh nghiệp còn có vai trò giải quyết đầu vào và đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp của nông dân. Nh- giải quyết vốn, vật t- đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho nông nghiệp.

- Mọi tác động của Nhà n- ớc, nhà khoa học cũng nh- doanh nghiệp ở mối liên kết trên phải tác động đến nông dân mới thể hiện hiệu quả. Khuyến nông có vai trò cầu nối trong mối liên kết này. Nông dân là nhân tố bên trong quyết định. Khuyến nông là tác nhân bên ngoài rất quan trọng.

2.3. Vai trò của khuyến nông góp phần xoá đói giảm nghèo

Một trong những cái đích của phát triển nông nghiệp nông thôn n- ớc ta là xoá đói giảm nghèo, các ch- ơng trình, dự án về xoá đói giảm nghèo đ- ợc triển khai đều có sự đóng góp to lớn của công tác khuyến nông

3. Chức năng nhiệm vụ của khuyến nông

Do các quốc gia có những điều kiện kinh tế, chính trị - xã hội khác nhau nên họ hiểu những chức năng nhiệm vụ công tác khuyến nông có khác nhau.

** Theo Mosher, cho rằng khuyến nông có 6 nhiệm vụ:*

- 1- Giải quyết đầu vào cho nông nghiệp
- 2- Giải quyết đầu ra cho nông nghiệp
- 3- Công tác tín dụng
- 4- Đào tạo cán bộ khuyến nông, đào tạo nông dân
- 5- Lập các tổ chức xã hội và dịch vụ hỗ trợ nông dân sản xuất
- 6- Thực hiện các thí nghiệm, thẩm tra tiến bộ kỹ thuật để ứng dụng vào sản xuất.

** Theo Viện lúa quốc tế IRRI, khuyến nông có 10 nhiệm vụ*

- 1- Thu thập và truyền đạt thông tin
- 2- Phát hiện những thuận lợi, khó khăn và đề xuất các giải pháp khắc phục
- 3- Xây dựng hệ thống xã hội hỗ trợ
- 4- Lựa chọn mục tiêu khuyến nông cho trong khu vực
- 5- Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới cho nông dân
- 6- Lựa chọn ph- ơng pháp dạy phi chính quy cho ng- ời lớn tuổi.
- 7- Đánh giá và thử nghiệm các tiến bộ kỹ thuật mới
- 8- Thực hiện các hoạt động khuyến nông

9- H- ớng dẫn truyền đạt thông tin cho các khuyến nông viên cơ sở.

10- Chức năng điều hành công tác khuyến nông cho các khu vực

* ở Việt Nam n- ớc ta. Theo Nghị định 13/CP của Chính phủ ngày 2/3/1993, quy định nội dung công tác khuyến nông nh- sau:

1 - Phổ biến những tiến bộ trồng trọt, chăn nuôi, công nghệ chế biến nông, lâm, thủy sản và những kinh nghiệm điển hình tiên tiến cho nông dân.

2 - Bồi d- ỡng và phát triển kiến thức quản lý kinh tế cho nông dân để sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

3- Phối hợp với các cơ quan cung cấp cho nông dân những thông tin về thị tr- ờng giá cả nông sản để nông dân bố trí sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Trên cơ sở những quy định đó, các cơ quan khuyến nông đã và đang tập trung vào các hoạt động sau:

1- Tập huấn những tiến bộ kỹ thuật mới cho nông dân.

2- Xây dựng các mô hình trình diễn.

3- Tổ chức tham quan, hội thảo đầu bờ cho nông dân học tập kinh nghiệm lẫn nhau.

4- Tuyên truyền kiến thức và kinh nghiệm khuyến nông trên các ph- ơng tiện thông tin đại chúng.

5- Xuất bản và phát hành các ấn phẩm khuyến nông nh- sách nhỏ, tranh ảnh, tờ gấp....

6- Bồi d- ỡng kiến thức quản lý kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại.

7- Thông tin về giá cả thị tr- ờng.

8- Chuyển đổi cơ cấu sản xuất cho từng vùng để tăng tr- ờng kinh tế đồng thời duy trì môi tr- ờng sinh thái bền vững.

9- Phát triển kỹ thuật nông lâm nghiệp có sự tham gia của ng- ời dân

III. Nguyên tắc hoạt động của khuyến nông

Tại Nghị định số 56 của Chính phủ ngày 24/6/2005 đã quy định nguyên tắc hoạt động khuyến nông, khuyến ng- gồm 5 điều nh- sau:

1. Xuất phát từ nhu cầu của ng- ời sản xuất và yêu cầu phát triển nông nghiệp, thủy sản.

2. Tạo sự liên kết chặt chẽ giữa nhà quản lý, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp với ng- ời sản xuất và giữa ng- ời sản xuất với nhau.

3. Xã hội hoá hoạt động khuyến nông, khuyến ng- .

4. Dân chủ, công khai, có sự tham gia tự nguyện của ng- ời sản xuất.

5. Các hoạt động khuyến nông, khuyến ng- phải phù hợp và phục vụ chiến l- ược phát triển nông nghiệp và nông thôn; - u tiên vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng sản xuất hàng hoá phục vụ cho yêu cầu xuất khẩu.

Hiện nay hoạt động khuyến nông đang mở rộng trên phạm vi toàn quốc. Nhà nước đã và đang giành những khoản kinh phí lớn để đào tạo cán bộ khuyến nông, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho mạng lưới khuyến nông và đầu tư cho nhiều chương trình và dự án khuyến nông khác nhau. *Qua thực tế triển khai công tác khuyến nông, để hoạt động có hiệu quả có thể cụ thể hoá một số nguyên tắc khuyến nông như sau:*

1. Khuyến nông làm cùng với dân, không làm thay cho dân

Khuyến nông cùng làm với nông dân. Chỉ có bản thân người nông dân mới có thể quyết định được phương thức quản lý sử dụng trên mảnh đất, rừng của gia đình họ. Cán bộ khuyến nông không thể quyết định thay nông dân. Nông dân hoàn toàn có thể đưa ra được những quyết định đúng đắn để giải quyết những khó khăn của họ nếu họ được cung cấp đầy đủ những thông tin và những giải pháp khác nhau. Khi tự mình đưa ra quyết định, người nông dân sẽ tin vào bản thân hơn so với khi bị áp đặt. Cán bộ khuyến nông cần cung cấp thông tin và khuyến khích họ tự vạch ra quyết định để hành động.

Ví dụ: khuyến nông giúp nông dân hiểu biết nguyên nhân, cách phòng chống bệnh gà cúm, rèn luyện kỹ năng cho nông dân biết cách phòng chống bệnh gà cúm để họ chủ động trong chăn nuôi, chứ không làm thay người dân phòng chống bệnh gà cúm

2. Khuyến nông là một công việc đầy tinh thần trách nhiệm

Một mặt, khuyến nông chịu trách nhiệm trước nhà nước, là cơ quan quyết định những chính sách phát triển nông thôn cho nên phải tuân theo đường lối và chính sách của Nhà nước trong khi thực thi nhiệm vụ. Mọi chương trình, dự án khuyến nông nếu phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thì nội dung khuyến nông đó triển khai thuận lợi, có khả năng thành công. Nếu nội dung khuyến đi ngược với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thì nội dung đó rất khó thực hiện.

Ví dụ: Triển khai áp dụng tiến bộ kỹ thuật giống mía tốt vào vùng có nhà máy liên doanh mía đường sẽ có nhiều cơ hội thuận lợi thực hiện. Ngược lại, nếu triển khai nội dung khuyến nông là phát triển sản hay dâu tằm ở vùng này sẽ gặp rất nhiều khó khăn, vì trên phương diện nguồn lực chúng sẽ có sự cạnh tranh với nhau

Mặt khác, khuyến nông có trách nhiệm đáp ứng những nhu cầu của nông dân trong vùng. Điều đó có nghĩa là người nông dân có quyền đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông. Tính hiệu quả của hoạt động khuyến nông trước hết được đánh giá trên cơ sở các chủ trương của Nhà nước có được thực hiện tốt hay không. Ngoài ra, nó còn được đánh giá trên cơ sở thu nhập và cuộc sống của nông dân có phải do khuyến nông cải thiện được hay không. Do đó, các chương trình khuyến nông phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của nông dân nói riêng và nhu cầu phát triển kinh tế nông thôn nói chung. Nhiệm vụ của cán bộ khuyến nông là thỏa mãn một cách hài hòa hai nhu cầu đó.

Ví dụ: mục tiêu của Nhà nước là bảo vệ và làm tăng độ che phủ của rừng. Khi khuyến khích, hướng dẫn nông dân kỹ thuật gieo - ươm cây rừng và trồng rừng theo phương thức nông, lâm kết hợp, cán bộ khuyến nông sẽ đồng thời thỏa mãn được cả mục tiêu của Nhà nước lẫn nhu cầu của nông dân.

3. Nguyên tắc không áp đặt mệnh lệnh

Tự nguyện là nguyên tắc cơ bản của khuyến nông, nên khuyến nông không nên áp đặt mệnh lệnh. Khuyến nông không nên vì những thành tích nào đó mà vận động, hoặc gò ép các cán bộ địa phương và nông dân thực hiện, khi họ còn do dự nhận thấy việc họ làm chắc có hiệu quả.

Do đó, khi lập kế hoạch hoạt động khuyến nông cần dựa vào nhu cầu của cơ sở, phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của người dân, sát với thực tế, có tính khả thi cao.

4. Khuyến nông là nhịp cầu trao đổi thông tin hai chiều

Khuyến nông là nhịp cầu trao đổi thông tin hai chiều, đây vừa là vai trò của khuyến nông cũng vừa là một trong những nguyên tắc hoạt động của khuyến nông. Đặc biệt trong vấn đề chuyển giao kiến thức khoa học kỹ thuật giữa cơ quan nghiên cứu, Nhà nước và người nông dân. Sự thông tin hai chiều sẽ xảy ra trong một số trường hợp sau:

- *Khi xác định những vấn đề của nông dân:* Do tiếp xúc thường xuyên với nông dân, cán bộ khuyến nông có thể giúp những người làm nghiên cứu, hoạch định chính sách hiểu rõ hơn những khó khăn của nông dân như trong vấn đề quản lý sử dụng đất, rừng... Khuyến nông có thể giúp những người làm nghiên cứu tiếp xúc trực tiếp với nông dân để đảm bảo chắc chắn rằng đề xuất của mình luôn phù hợp với nhu cầu của nông dân.

- *Khi thực nghiệm những đề xuất tại hiện trường:* Một khuyến cáo mới có thể tốt trong khu vực thí nghiệm, nhưng chắc đã có hiệu quả trên đất, rừng của người nông dân. Vì vậy, mọi nghiên cứu khi được làm trên đất, rừng của nông dân luôn tạo cơ hội tốt để đánh giá đúng hiệu quả của nó và cung cấp thông tin phản hồi cho người làm nghiên cứu. Do vậy, khuyến nông cần giúp những người làm nghiên cứu tiến hành các thực nghiệm trên đất, rừng của người nông dân.

- *Khi nông dân áp dụng những đề xuất nghiên cứu:* Đôi khi người nông dân có thể phát hiện ra những vấn đề bị bỏ sót trong quá trình nghiên cứu. Những phát hiện này rất có ích nếu họ được khuyến nông phản ánh kịp thời cho người làm nghiên cứu để điều chỉnh hoặc bổ sung.

5. Khuyến nông hợp tác với những tổ chức phát triển nông thôn khác

Khuyến nông phải hợp tác chặt chẽ với những tổ chức đang cung cấp những dịch vụ cơ bản khác cho nông dân. Vì khuyến nông chỉ là một trong nhiều hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội và chính trị của sự nghiệp phát triển nông thôn. Vì cùng chung mục đích hỗ trợ nông dân, khuyến nông phải sẵn sàng phối hợp với những tổ chức khác có mặt trong địa bàn hoạt động của mình. Những tổ chức đó thường bao gồm:

- *Chính quyền địa phương*: Thông thường, chính quyền và lãnh đạo địa phương các cấp đều rất nhiệt tình và ủng hộ công tác khuyến nông. Nếu biết hợp tác và tranh thủ sự giúp đỡ của họ, khuyến nông sẽ dễ dàng tiếp cận nông dân và kết quả hoạt động cũng đạt hiệu quả cao hơn.

- *Các tổ chức dịch vụ*: Những cơ quan cung cấp tín dụng hoặc những loại dịch vụ khác nhau cho sản xuất nông lâm nghiệp như bảo vệ thực vật, thú y, giống cây trồng... Khuyến nông cần phối hợp với họ để tạo điều kiện cho những dịch vụ đó được cung cấp đầy đủ, đúng lúc, đúng chỗ theo nhu cầu của nông dân.

- *Các cơ quan y tế*: Khi phối hợp cơ quan y tế, cán bộ khuyến nông sẽ nắm được các vấn đề liên quan đến sức khỏe của nông dân, tình hình kế hoạch hóa gia đình, đặc biệt là tình trạng dinh dưỡng của các bà mẹ và trẻ em. Phát triển nông, lâm nghiệp và vấn đề dinh dưỡng là hai vấn đề liên quan chặt chẽ với nhau. Vì vậy cán bộ khuyến nông cần liên hệ thường xuyên với các cơ quan y tế để có thể thực hiện các chương trình khuyến nông phù hợp với tình hình y tế và sức khỏe của người dân địa phương.

- *Trường phổ thông các cấp*: Phân động học sinh tại các trường học ở nông thôn sẽ trở thành những nông dân trong tương lai. Cán bộ khuyến nông cần phối hợp với nhà trường để sớm trang bị cho học sinh những kiến thức về đất đai, cây cỏ, ý thức bảo vệ môi trường sinh thái, yêu quý thiên nhiên.

- *Các tổ chức quần chúng và phi chính phủ*: Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên... v.v. là những tổ chức có cùng mục tiêu giáo dục với khuyến nông. Khi phối hợp với họ, khuyến nông có thể giúp đỡ họ phát triển được những chương trình hành động mang tính cộng đồng.

Tóm lại, hợp tác chặt chẽ giữa khuyến nông với những cơ quan nói trên sẽ tránh được hiện tượng làm lại những việc người khác đã làm và tạo ra những cơ hội để phối hợp hài hòa các chương trình phát triển nông thôn khác nhau.

6. Khuyến nông làm việc với các nhóm đối tượng khác nhau

Ở nông thôn không phải mọi hộ nông dân đều có những vấn đề như nhau. Những hộ có nhiều đất, nhiều vốn, lao động... thường ham muốn áp dụng những cách làm ăn mới. Những hộ có ít nguồn lực thường thận trọng hoặc dè dặt hơn. Vì vậy không thể chỉ có duy nhất một chương trình khuyến nông cho tất cả mọi người. Cần xác định những nhóm nông dân có nguồn lực và lợi ích khác nhau để phát triển những chương trình khuyến nông phù hợp với điều kiện của từng nhóm.

7. Nguyên tắc không bao cấp nông dân có hỗ trợ

Bao cấp là cho không nông dân. Thực hiện khuyến nông không cho toàn bộ mà chỉ có thể trợ giúp một phần về mặt kinh tế. Nhìn chung khuyến nông hiện nay không bao cấp toàn bộ

nh- ng có sự hỗ trợ. Hỗ trợ những gì nông dân không thể có, hoặc có đ- ọc nh- ng rất khó khăn, hay cần phải có thời gian dài.

Ví dụ: Ng- ời nông dân tham gia tập huấn, tham quan học tập... th- ờng không phải đóng góp kinh phí

Khuyến nông không bao cấp mà chỉ có hỗ trợ một phần còn liên quan đến tâm lý của con ng- ời. Th- ờng thì những gì tự mình làm ra rất trân trọng

8. Nguyên tắc công khai, công bằng

Tính công bằng trong khuyến nông thể hiện ở chỗ công bằng giữa các địa ph- ơng và công bằng giữa nông dân trong cùng địa ph- ơng. Các địa ph- ơng có điều kiện nh- nhau hoặc t- ơng đồng nh- nhau cần đ- ọc sự quan tâm của khuyến nông nhà n- ớc nh- nhau

IV. Lịch sử phát triển khuyến nông ở một số n- ớc trên thế giới và Việt Nam

1. Vài nét về khuyến nông một số n- ớc trên thế giới

Tổ chức và nội dung hoạt động của hệ thống khuyến nông các n- ớc th- ờng xuyên có sự thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế, nên nội dung này chỉ giới thiệu vài nét nổi bật về hoạt động khuyến nông, kết quả sản xuất nông nghiệp, trong đó có vai trò khuyến nông của một số n- ớc

1.1. Pháp.

Thế kỷ 15 - 16 đánh dấu một mốc đầu tiên trong lịch sử phát triển khoa học Pháp, vì một số công trình đã đ- ọc bắt đầu ở thời kỳ này nh- tác phẩm "Ngôi nhà nông thôn" của Enstienne và Liebault nghiên cứu về kinh tế nông thôn và khoa học nông nghiệp. Tác phẩm "Diễn tr- ờng nông nghiệp" của Oliver de Serres đề cập đến nhiều vấn đề trong nông nghiệp nh- cải tiến giống cây trồng vật nuôi.

Đến thế kỷ 18 cụm từ phổ cập nông nghiệp (Vulgization Agricole) hoặc chuyển giao kỹ thuật đến ng- ời nông dân (Transfert des Technologies au Payan) đ- ọc sử dụng phổ biến.

Giai đoạn từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay (1914 – 1918). Trung tâm CETA (Centre d'Etuder Techniques Agricoles) nghiên cứu kỹ thuật nông nghiệp đầu tiên đ- ọc tổ chức do sáng kiến của nông dân vùng Pari hoạt động với nguyên tắc:

- Ng- ời nông dân có trách nhiệm và chủ động trong công việc
- Sáng kiến từ cơ sở.
- Hoạt động nhóm rất quan trọng.

Đây là một ph- ơng pháp hết sức độc đáo thời bấy giờ, ng- ời nông dân đ- ọc quyền tham gia tích cực vào công việc của nông trại, họ chủ động tìm ra các giải pháp thích hợp với sự hỗ trợ của các kỹ s- nông nghiệp.

1.2. Mỹ.

Năm 1845 tại Ohio, N.S. Townshend Chủ nhiệm khoa Nông học đề xuất việc tổ chức những câu lạc bộ nông dân tại các quận, huyện. Những câu lạc bộ này sinh hoạt định kỳ hàng tháng, nghe giảng về những chủ đề khoa học kỹ thuật nông nghiệp, nghe báo cáo, đi tham quan thực tế tại những trang trại. Đây là tiền thân của giáo dục sơ đẳng về khuyến nông tại Mỹ.

Năm 1853, Edward Hitchcock, chủ tịch trường Đại học Amherst và là thành viên của ủy ban Nhà nước Bang Massachusetts đã có nhiều công lao đào tạo khuyến nông cho nông dân và học sinh, sinh viên. Ông cũng là người sáng lập ra Hội nông dân và Học viện nông dân

Năm 1891 Bang New York dành một nghìn Đô la cho khuyến nông đại học.

Năm 1892 Trường Đại học Chicago, Trường Wisconsin bắt đầu tổ chức chương trình khuyến nông học đại học.

Năm 1907, 42 trường Đại học trong 39 Bang đã thực hiện công tác khuyến nông.

Năm 1910, 35 trường Đại học đã có Bộ môn khuyến nông.

Năm 1914 Tổ chức khuyến nông được hình thành chính thức tại Mỹ, giai đoạn này có 8.861 hội nông dân với khoảng 3.501.150 hội viên.

Mỹ là quốc gia có 6% dân sống bằng nghề nông nghiệp, nhưng nền nông nghiệp Mỹ được xếp vào nhóm những nước nông nghiệp phát triển. Nhiều sản phẩm nông nghiệp của Mỹ chiếm lĩnh thị trường thế giới như ngô, đậu tương (sản lượng đậu tương năm 1985 đạt 55 triệu tấn, năm 2001 đạt 70 triệu tấn, xuất khẩu đậu tương lớn nhất thế giới 16,9 triệu tấn/năm, đạt khoảng 54% lượng đậu tương xuất khẩu của thế giới; ngô năm 2000-2001 đạt sản lượng 335 triệu tấn, xuất khẩu 70 triệu tấn, đạt khoảng 69% lượng ngô xuất khẩu của thế giới)

1.3. Anh.

Những năm 1866 – 1868 thuật ngữ “Extension” và “Agricultural Extension” được sử dụng ở Anh. James Stuart thành viên của trường Đại học Cambridge giảng bài cho Hiệp hội phụ nữ và Câu lạc bộ của những người làm việc ở miền Bắc nước Anh. Và James Stuart thường được coi là “người cha đẻ của phổ cập đại học”. Năm 1876 Trường Đại học Luân Đôn và năm 1878 Trường Đại học Oxford cũng dạy theo chương trình đào tạo này và từ năm 1880 hoạt động này trở thành một phong trào.

Từ 1950 trở đi có nhiều tổ chức khuyến nông được thành lập ở Mỹ La Tinh, Caribe, một số nước Châu Á, Châu Úc và Châu Phi.

Hoạt động khuyến nông ở Châu Âu, Ostraylia, New Zealand, Canada có nhiều điểm tương tự như Pháp, Anh, Mỹ tuy có khác nhau chút ít. Hoạt động dịch vụ khuyến nông thường bắt đầu từ các hội nông nghiệp, nó được giao trách nhiệm cho một cơ quan thuộc bộ nông nghiệp.

1.4. Ấn Độ

Hệ thống khuyến nông ấn Độ đ-ợc thành lập t-ơng đối sớm vào năm 1960. Vào thời điểm này tình hình sản xuất nông nghiệp nói chung, l-ơng thực nói riêng của ấn Độ đang là vấn đề bức xúc. Nền nông nghiệp thì nghèo nàn, lạc hậu, l-ơng thực thiếu thốn. Tr-ớc thực trạng nh- vậy, Chính phủ ấn Độ có chủ tr-ơng quyết tâm giải quyết vấn đề l-ơng thực. Sự gia đời của hệ thống khuyến nông ấn Độ lúc này là cần thiết và tất yếu.

Sự thành công của nông nghiệp ấn Độ những năm sau đó có vai trò đóng góp đáng kể của khuyến nông. Khi nói tới ấn Độ phải nói tới thành tựu của 3 cuộc cách mạng

- Cách mạng xanh: Đây là cuộc cách mạng tiêu biểu nhất. Thực chất của cuộc cách mạng xanh là cuộc cách mạng về giống cây l-ơng thực; lúa n-ớc, lúa cạn, lúa mỳ, ngô, khoai...Hàng loạt các giống lúa thấp cây, năng suất cao ra đời... đã làm tăng vọt năng suất và sản l-ợng l-ơng thực của ấn Độ

- Cách mạng trắng: Là cuộc cách mạng sản xuất sữa bò, sữa trâu... Nơi nơi trên đất n-ớc ấn Độ đều có nhà máy sữa. Khuyến nông có vai trò cực kỳ quan trọng nh- vấn đề giải quyết đầu vào; vốn sản xuất, giống trâu, bò sữa, kỹ thuật chăn nuôi và giải quyết đầu ra, thu gom tiêu thụ sản phẩm, chế biến sản phẩm từ sữa...

- Cách mạng nâu: Sau cuộc cách mạng trắng tiếp đến là cuộc cách mạng về sản xuất thịt xuất khẩu

1.5. Thái Lan

Thái Lan là quốc gia nông nghiệp với khoảng 60% dân số sống bằng nghề nông nghiệp. Điều kiện tự nhiên gần t-ơng đồng với Việt Nam. Thái Lan là quốc gia hoạt động khuyến nông cũng khá tiêu biểu. Hệ thống khuyến nông nhà n-ớc đ-ợc thành lập năm 1967. Về thành tựu của khuyến nông Thái Lan có thể thể hiện ở mấy điểm sau:

Hàng năm nguồn vốn cho khuyến nông khá lớn, khoảng 120 - 150, thậm chí đến 200 triệu USD. L-ợng kinh phí này gấp 20 lần kinh phí khuyến nông hàng năm của Việt Nam.

Nhiều năm nay Thái Lan là quốc gia đứng thứ nhất về xuất khẩu l-ơng thực trên thế giới (khoảng 7 triệu tấn gạo/ năm)

Hiện nay Thái Lan rất coi trọng chất l-ợng giống cây trồng, sản xuất rau quả an toàn, phát triển nuôi trồng thủy sản.

1.6. Trung Quốc

Trung Quốc là quốc gia có đất đai rộng thứ 4 trên thế giới và có dân số đông nhất thế giới. Hệ thống khuyến nông của Trung Quốc đ-ợc thành lập năm 1970. Nh-ng công tác đào tạo khuyến nông Trung Quốc rất đ-ợc quan tâm từ sớm

- Năm 1928 Viện Đại học nông nghiệp tỉnh Triết Giang thành lập phân khoa khuyến nông.

- Năm 1929 Chính phủ Trung Quốc đã xác định: Ngành khuyến nông do các cơ quan nông nghiệp phụ trách, đặt tiêu chuẩn cải thiện phương pháp sản xuất nông nghiệp, gia tăng năng suất, cải thiện tổ chức nông thôn và sinh hoạt nông dân, phổ biến tri thức về khoa học nông nghiệp, thành lập các hợp tác xã nông dân sản xuất và tiêu thụ.

- Năm 1933 Trường Đại học Kim Lăng (Nay là trường Đại học Nam Kinh) có khoa khuyến nông.

- Từ 1951 - 1978 Trung Quốc tổ chức hợp tác xã và Công xã nhân dân, nên giai đoạn này khuyến nông chỉ triển khai đến hợp tác xã. Nội dung khuyến nông giai đoạn này coi trọng phổ biến đường lối, chủ trương nông nghiệp của Đảng và Nhà nước cũng như chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp, xây dựng các mô hình điểm trình diễn đến tham quan học tập và áp dụng.

- Sau năm 1978 tổ chức sản xuất nông nghiệp Trung Quốc có thay đổi theo hướng phát triển kinh tế nông hộ song song với kinh tế tập thể hoá quốc doanh.

- Năm 1991, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn. Trung Quốc rất coi trọng khoa học công nghệ nông nghiệp và giáo dục khuyến nông; xây dựng khu sản xuất trình diễn; đưa cán bộ nông nghiệp xuống nông thôn, thực hiện thực tế sản xuất nông nghiệp...

Có thể nói những năm gần đây, nông nghiệp Trung Quốc khá phát triển. Hiện nay Trung Quốc có 3 mũi nhọn về nông nghiệp được thế giới thừa nhận, đó là:

+ *Lúa lai*: Trung Quốc nghiên cứu lúa lai từ năm 1964 và thành công năm 1986. Đây là một thành công rực rỡ. Ngày nay ta nói sứ mạng lịch sử của cuộc "cách mạng xanh" đến nay đã tột đỉnh. Khi mà sản xuất nông nghiệp cây lúa đạt năng suất thấp dưới 5 tấn thóc/ha, thì thành công của "cách mạng xanh" đã giúp các nước tăng năng suất sản lượng lúa bằng các giống lúa thấp cây, chống đổ, chịu thâm canh tăng năng suất và sản lượng. Khi mà năng suất lúa của nhiều nước đạt 5 - 8 tấn/ha, để tăng năng suất cao hơn nữa trên 8 tấn/ha thì hiệu quả áp dụng những giống lúa tiến bộ thông thường không thể có được. Công nghệ sản xuất lúa lai cho phép chúng ta có thể nâng cao năng suất lúa nước đạt trên 8 tấn/ha không phải là vấn đề khó.

+ *Thú y và dụng cụ thú y*: Công nghệ sản xuất dụng cụ thú y của Trung Quốc phát triển mạnh, sản xuất số lượng nhiều, giá rẻ, sử dụng tiện lợi. Trung Quốc đã sáng tạo ra nhiều loại thuốc có tác dụng phòng chống dịch hại ứng dụng trong chăn nuôi, tăng sức đề kháng, kích thích cho các vật nuôi sinh trưởng phát dục mạnh.

+ *Nuôi trồng thủy sản*: Đây cũng là thế mạnh của Trung Quốc như nuôi trai lấy ngọc, nuôi các loài thủy sản quý hiếm như ba ba, lươn, ếch... Nhiều loài thủy sản của Trung Quốc độc quyền sản xuất giống như nuôi trai lấy ngọc, sản xuất cá giò, cá song...

2. Lịch sử khuyến nông Việt Nam

- Nhìn lại lịch sử nước ta thấy khuyến nông Việt Nam đã có từ thời Vua Hùng với nông nghiệp nước Văn Lang và nền văn minh lúa nước. Các vua Hùng cách đây hơn 2000 năm đã trực

tiếp dạy dân làm nông nghiệp, gieo hạt, cấy lúa, mở cuộc thi để các Hoàng tử, Công chúa có cơ hội trở tài, chế biến các món ăn độc đáo bằng nông sản tại chỗ. Tục truyền Vua Hùng V-ơng n-ớc Văn Lang đã dạy dân xã Minh Nông (Vĩnh Phúc) cấy lúa. Sau đó không lâu cây lúa đã là cây trồng chủ lực. Ng-ời Văn Lang thờ Thần Nông, vị thần nông nghiệp của ng-ời Việt cổ.

- Để tỏ rõ sự quan tâm tới nông nghiệp. Vua Lê Đại Hành (979 – 1008) là ông Vua đầu tiên đích thân đi cày ruộng tịch điền ở Đọi Sơn, Bản Hải thuộc vùng Duy Tiên, Nam Hà ngày nay.

- Các vua nhà Lý (1009 – 1056) rất coi trọng nghề nông và đã đề ra nhiều chính sách chăm lo phát triển nông nghiệp, nhiều lần vua cày ruộng tịch điền và thăm nông dân gặt hái. Sách Đại Việt sử ký toàn th- ghi lại sự kiện năm Mậu dần (1038) Vua Lý Thái Tông ngự ở Bó Khẩu lập đàn tế thần nông và cày ruộng tịch điền. Khi có ng-ời trong các quan lại can Vua không nên làm việc của nông phu, Lý Thái Tông trả lời “Trẫm không tự mình cày ruộng thì lấy gì làm xôi cúng, lấy gì để x-ớng xuất thiên hạ”; nói xong Vua đẩy 3 đ-ờng cày.

- Năm 1266 nhà Trần đã thành lập 3 tổ chức: "Hà đê sứ"; "Đồn điền sứ"; "Khuyến nông sứ". Đứng đầu mỗi tổ chức đều có quan triều đình đảm nhiệm. Hà đê sứ là tổ chức chuyên chăm lo đắp đê phòng chống lũ lụt. Đồn điền sứ là tổ chức chuyên lo việc quản lý đất đai. Khuyến nông sứ chăm lo đến công tác giúp dân sản xuất nông nghiệp.

- Triều vua Lê Thái Tông. Triều đình đặt chức Hà Đê sứ và khuyến nông sứ đến cấp phủ, huyện và từ năm 1492 mỗi xã có một Xã tr-ởng phụ trách nông nghiệp và đê điều. Triều đình ban bố chiếu khuyến nông, chiếu lập đồn điền và lần đầu tiên sử dụng từ “Khuyến nông” trong Bộ luật Hồng Đức.

- Triều nhà Nguyễn đã định ra chức đình điền. Nguyễn Công Trứ đ-ợc giao chức vụ này, ông đã có công khai khẩn đất hoang để lập ra hai huyện Tiền Hải (Thái Bình) và Kim Sơn (Ninh Bình).

- Thời Vua Quang Trung (1788 – 1792); Từ năm 1789 sau khi thắng giặc ngoại xâm. Quang Trung ban bố ngay “Chiếu khuyến nông” nhằm phục hồi dân phiêu tán, khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, sau 3 năm những đất đai hoang hoá đã đ-ợc phục hồi, sản xuất phát triển.

Về kỹ thuật nông nghiệp và hoạt động khuyến nông ông cha ta đã có nhiều chủ tr-ơng, biện pháp đúng đắn nh- đắp đê trị thủy, xây dựng hệ thống thủy nông, chọn lọc ra nhiều giống cây trồng vật nuôi, công cụ thích hợp cho từng vùng sinh thái. Những kinh nghiệm làm nông nghiệp cũng đã đ-ợc đúc kết thành những câu ca dao, bài hát để nhớ, để truyền khẩu mang đặc tính khuyến nông Việt Nam.

- Thời kỳ Pháp thuộc (1884 – 1945); Thực dân Pháp thực hiện chính sách đồn điền thuộc quyền chiếm hữu của bọn thực dân, các quan lại, địa chủ. Hàng vạn ng-ời Việt Nam bị ép làm phu, làm lính trong các đồn điền đó, đời sống của họ vô cùng cực khổ nh- nô lệ thừa x- a, bọn chủ đồn điền nh- các ông vua bà chúa.

+ Thời kỳ này Việt Nam cũng đã nhập một số cây trồng mới nh- Cà phê (1857), Cao su (1897), Khoai tây, rau ôn đới, Súp lơ, Su hào... lợn Yoorsai, gà Rôtri, gà Plymut...

+ Trong giai đoạn này Việt Nam đã xuất khẩu đ- ợc một số nông sản nh- gạo 967.000 tấn (năm 1919), xuất cảng 70.417 tấn nhựa cao su (1920 – 1929). Điều đó cũng nói lên rằng phát triển nông nghiệp và khuyến nông thời kỳ này chủ yếu phục vụ cho chính sách thuộc địa phong kiến của thực dân pháp. Ng- ời Pháp tổ chức các Sở canh nông ở Bắc kỳ, các Ty khuyến nông ở các tỉnh. Hàng năm tổ chức thi đấu xảo các sản phẩm nông nghiệp quý, vài năm một lần nh- thi các giống bò sữa, giống ngựa tốt.

- Năm 1938 thành lập tr- ờng đào tạo kỹ s- canh nông để đào tạo các kỹ s- ngành nông nghiệp.

- Từ sau cách mạng tháng 8 năm 1945 đến 1958. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới nông nghiệp, ng- ời kêu gọi quốc dân "Tăng gia sản xuất! tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa! đó là những việc cấp bách của chúng ta lúc này". Nghe theo lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch, toàn dân bắt tay vào khôi phục kinh tế, phát triển sản xuất. Vụ mùa Đông - xuân năm 1945 – 1946 đã thắng lợi rực rỡ, sản l- ợng ngô tăng gấp 4 lần, khoai lang tăng gấp 5 lần, tổng sản l- ợng hoa mầu quy thóc bình quân hàng năm 133.100 tấn đến mùa xuân 1946 đã đạt 505.000 tấn, tăng gấp 4 lần.

- Từ 1958 – 1975: Nông nghiệp miền Bắc Việt Nam phát triển trong sự tác động trực tiếp của mô hình Hợp tác xã nông nghiệp. Từ tổ đổi công (1956) đến hợp tác xã bậc thấp năm 1960, đến hợp tác xã bậc cao (1968) đến hợp tác xã toàn xã (1974).

+ Ph- ơng pháp hoạt động khuyến nông giai đoạn này chủ yếu là cán bộ truyền đạt chủ tr- ơng, chính sách của Đảng, Nhà n- ớc hay tiến bộ kỹ thuật thông qua Ban quản trị Hợp tác xã rồi từ đó đến ng- ời nông dân. Thành lập các đoàn cán bộ nông nghiệp ở Trung - ơng, cấp tỉnh, huyện về chỉ đạo sản xuất ở cơ sở.

+ Về thành tích đã đạt đ- ợc: Lúa chiêm đã đ- ợc thay thế bằng lúa xuân, năng suất cao hơn. Thái bình là tỉnh đầu tiên đạt 5 tấn thóc/ ha năm 1966. Đến năm 1974 toàn miền Bắc đã đạt 5 tấn thóc/ ha trên đất cấy 2 vụ lúa. Năm 1988 huyện H- ng Hà tỉnh Thái Bình là huyện đầu tiên đạt 10 tấn thóc/ ha. Về chăn nuôi có phong trào nuôi lợn hai máu, Móng cái x Yoocsai; Lợn ỉ x Becsai, nuôi bò lai sind, gà công nghiệp...

- Thời kỳ 1976 – 1988: Nông nghiệp Việt Nam đ- ợc thống nhất thành một mối, tiềm năng và thế mạnh của hai miền Nam Bắc đ- ợc bổ sung cho nhau và cùng nhau phát triển theo một đ- ờng lối chung là hợp tác hoá nông nghiệp. Song, diễn biến tình hình có nhiều phức tạp, do sự tác động của quan hệ sản xuất tập thể và mô hình quản lý kế hoạch hoá tập trung. Nhiều thiếu sót đã nảy sinh trong quản lý kinh tế và quản lý nông nghiệp đã làm cho nông nghiệp phát triển

chậm lại, đời sống nông thôn nảy sinh nhiều v-ớng mắc, nông dân không yên tâm sản xuất và sinh sống.

- Tr-ớc thực trạng suy thoái kinh tế những năm cuối thập kỷ 70 và đầu năm 1980 nói chung và nông nghiệp nói riêng, ngày 13/01/1981 Chỉ thị 100 CT/TW của Ban bí th- Trung - ơng Đảng về “cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và ng- ời lao động trong hợp tác xã nông nghiệp” đ- ợc ban hành (gọi tắt là khoán 100). Với mục đích phát triển sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế trên cơ sở lôi cuốn mọi ng- ời hăng hái lao động. Hợp tác xã nông nghiệp chỉ quản lý 5 khâu: đất, n- ớc, giống, phân bón và bảo vệ thực vật, còn toàn bộ các khâu khác khoán cho nhóm và ng- ời lao động. Khoán 100 mặc dù ch- a phải là mô hình mới về tổ chức và quản lý nông nghiệp, mà mới chỉ là cải tiến hình thức khoán, từ khoán việc sang khoán sản phẩm, từ khoán đội sang khoán hộ. Đây cũng đ- ợc coi là sự đột phá đầu tiên vào cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, sản xuất tập thể. Vì vậy có thể coi là “chìa khoá vàng” để mở ra thời kỳ mới của sản xuất nông nghiệp Việt Nam.

+ Tiến bộ lớn nhất sau khoán 100 là sản xuất l- ơng thực lần đầu tiên kể từ khi nông nghiệp tập thể hoá, (1958) Việt Nam đã đạt tốc độ tăng tr- ờng sản l- ơng l- ơng thực cao hơn tốc độ tăng dân số (l- ơng thực tăng 5%, dân số tăng 2,3%, l- ơng thực bình quân trên đầu ng- ời tăng 273 kg/ng- ời/năm 1981 tăng lên 304 kg/ng- ời/năm, 1985. Chăn nuôi phát triển ổn định nhất là chăn nuôi gia đình. Song, những kết quả đạt đ- ợc của khoán 100 không bền vững. Từ năm 1986 sản xuất nông nghiệp bắt đầu chững lại và giảm sút, sản l- ơng l- ơng thực năm 1986 đạt 18,37 triệu tấn, năm 1987 giảm còn 17,5 triệu tấn, trong khi đó dân số tăng gần 1,5 triệu ng- ời.

- Nghị quyết 10 của Bộ chính trị Trung - ơng Đảng cộng sản Việt Nam khoá VI (5/4/1988) về “Đổi mới quản lý trong nông nghiệp” nhằm giải phóng sản xuất trong nông thôn đến từng hộ nông dân, khẳng định hộ xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ ở nông thôn (gọi tắt là khoán 10)

- Từ năm 1988 đến nay: Khoán 10 đã đem lại hiệu quả nhanh chóng tạo ra b- ớc ngoặt mới trên mặt trận nông nghiệp. Hộ nông dân đã trở thành đơn vị sản xuất tự chủ, hộ nông dân có quyền sử dụng ruộng đất lâu dài 20 năm, có quyền thuê thêm lao động, có quyền phát huy vốn và vật t- kỹ thuật, chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, có t- cách pháp nhân trong quan hệ hợp đồng sản xuất kinh doanh.

- Ngày 2/3/1993 Chính phủ ra Nghị định 13/CP về “Quy định công tác khuyến nông”. Ngày 2/8/1993 ban hành Thông t- liên bộ số 02 cụ thể hoá việc thực hiện Nghị định 13/CP. Bắt đầu hình thành hệ thống khuyến nông từ Trung - ơng đến địa ph- ơng. Kết quả đạt đ- ợc của nông nghiệp từ sau khi có đ- ờng lối đổi mới là rất rõ nét, nói riêng về sản xuất l- ơng thực, diện tích, năng suất, sản l- ơng tăng đều qua các năm. Tr- ớc năm 1988 Việt Nam là n- ớc thiếu l- ơng thực phải nhập khẩu hoặc đ- ợc viện trợ, thì đến năm 1989 đã xuất khẩu 1,4 triệu tấn gạo, năm 1990 là 1,6 triệu tấn, năm 1992 là 1,9 triệu tấn, năm 1994 là 2 triệu tấn và từ năm 1996 đến nay Việt

Nam bình quân hàng năm đều xuất khẩu gạo trên 3 triệu tấn. Năm 2005 xuất khẩu 5,2 triệu tấn gạo đạt kim ngạch xuất khẩu 1,4 tỷ USD.

Khi đánh giá về những thành tựu đạt được trong sự nghiệp đổi mới kinh tế Việt Nam, các nhà kinh tế thế giới đều thống nhất nhận định: Thành công lớn nhất là nông nghiệp, điều đó hoàn toàn đúng. Nông nghiệp Việt Nam bắt đầu đổi mới cơ chế quản lý từ sau Nghị quyết 10. Nếu trước đổi mới nông nghiệp Việt Nam mang tính tự cung tự cấp, lương thực thiếu từ năm này sang năm khác, thì từ sau đổi mới Việt Nam không chỉ đủ lương thực, thực phẩm cho 80 triệu dân trong nước, mà còn dư thừa để xuất khẩu hàng năm từ 2 – 3 triệu tấn gạo, hàng trăm nghìn tấn thịt, rau, quả thu về cho đất nước hàng tỷ USD. Tình trạng thiếu lương thực đã được đẩy lùi và không còn khả năng tái diễn trên diện rộng. Một nền nông nghiệp hàng hoá đã hình thành với những sản phẩm xuất khẩu nổi tiếng thế giới như: gạo, cà phê, cao su, hạt tiêu, chè...

V. Vai trò và phẩm chất của nông viên cán bộ khuyến nông

1. Vai trò của cán bộ khuyến nông

Cán bộ khuyến nông có trách nhiệm cung cấp thông tin, giúp nông dân hiểu được và giám quyết định về một vấn đề cụ thể như: áp dụng một cách làm ăn mới, gieo trồng một loại giống mới ... Khi nông dân quyết định, cán bộ khuyến nông phải chuyển giao kiến thức để nông dân áp dụng thành công cách làm ăn mới đó. Như vậy, vai trò của cán bộ khuyến nông là đem kiến thức đến cho nông dân và giúp họ sử dụng kiến thức đó. Điều quan trọng hơn là phải làm sao cho nông dân ngày càng tin tưởng vào năng lực của chính họ, tự tổ chức lấy các hoạt động kinh tế của gia đình và tham gia ngày càng tích cực vào các chương trình khuyến nông. Muốn thế, cán bộ khuyến nông phải thường xuyên hỗ trợ và động viên nông dân phát huy những tiềm năng và sáng kiến của họ, giúp nông dân phân tích các tình huống để chủ động giải quyết lấy những vấn đề trong cuộc sống. Mặt khác, khi làm công tác khuyến nông, cán bộ khuyến nông phải dựa vào đường lối, chính sách hiện hành của Đảng và Nhà nước trong đường hướng phát triển nông, lâm nghiệp và nông thôn.

Cán bộ khuyến nông phải phân tích tình huống của nông dân trước khi quyết định cách tốt nhất để giúp đỡ họ. Một cán bộ khuyến nông thực thụ sẽ có những vai trò như sau đối với nông dân:

- Nông viên thông tin - Nông viên đào tạo - Nông viên tổ chức - Nông viên lãnh đạo
- Nông viên quản lý - Nông viên cố vấn - Nông viên cung cấp - Nông viên bạn

Điều đó cho chúng ta thấy vai trò rất đa dạng của cán bộ khuyến nông trong sự nghiệp phát triển nông thôn. Là nông viên phải hiểu được tầm quan trọng của mình và luôn sẵn sàng đánh giá các tình huống, phân tích các vấn đề để nhập vai một cách đúng đắn và linh hoạt.

2. Kiến thức, năng lực và phẩm chất cá nhân

2.1. Kiến thức

Một cán bộ khuyến nông rất cần các kiến thức trong nhiều lĩnh vực nh- :

- *Kiến thức về mặt kinh tế, kỹ thuật, kinh doanh và quản lý kinh tế nông nghiệp*: Cán bộ khuyến nông phải đ- ọc đào tạo đầy đủ về các lĩnh vực kỹ thuật nông, lâm nghiệp trong phạm vi trách nhiệm công tác của mình nh- : kỹ thuật lâm sinh, nông học, nông lâm kết hợp, công nghệ chế biến nông, lâm, thủy sản, đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia, lập kế hoạch, theo dõi và đánh giá dự án; tiếp thị các sản phẩm nông, lâm, thủy sản, các quy luật kinh tế, cung - cầu, giá cả ...

- *Kiến thức xã hội học và đời sống nông thôn*: Cán bộ khuyến nông phải hiểu đ- ọc những vấn đề liên quan đến xã hội nhân văn của đời sống nông thôn, vai trò của giới nơi mình đang công tác, chú trọng đến những phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa và những giá trị tinh thần của cộng đồng ng- ời dân. Đặc biệt là kiến thức truyền thống của cộng đồng. Ngày nay ng- ời ta thừa nhận rằng những kiến thức của nông dân là cực kỳ quan trọng để phát triển một nền nông, lâm nghiệp bền vững. Phát triển tri thức của nông dân để họ tự đ- a ra quyết định đúng đắn là một nhiệm vụ quan trọng của cán bộ khuyến nông. Bởi vì, sự thông thái của những ng- ời dân là nguồn lực chính của sự phát triển.

- *Kiến thức về đ- ồng lối và chính sách của Nhà n- ớc*: Cán bộ khuyến nông phải nắm đ- ọc đ- ồng lối và những chính sách cơ bản của nhà n- ớc về phát triển nông, lâm nghiệp và nông thôn. Đồng thời, cũng phải biết đ- ọc những vấn đề khác có liên quan và ảnh h- ưởng đến đời sống nông thôn nh- các ch- ơng trình phát triển, ch- ơng trình tín dụng và các thủ tục về pháp lý và hành chính ở nông thôn.

- *Kiến thức về giáo dục ng- ời lớn*: Do khuyến nông là một tiến trình giáo dục mà đối t- ợng là nông dân, cán bộ khuyến nông phải biết cách tiếp cận của giáo dục ng- ời lớn, các hoạt động nhóm và cách tiếp cận có sự tham gia để thúc đẩy sự tham gia của ng- ời dân nông thôn. Khả năng chọn lựa, phối hợp tốt nhất các ph- ơng pháp lấy ng- ời học làm trung tâm, thích hợp với các nhóm học đặc biệt, phải nắm đ- ọc những kỹ thuật lôi cuốn sự tham gia của ng- ời dân vào các ch- ơng trình khuyến nông.

2.2. Năng lực cá nhân

Năng lực cá nhân cần thiết đối với một cán bộ khuyến nông là:

- *Năng lực tổ chức và lập kế hoạch*: Cán bộ khuyến nông phải có khả năng lập kế hoạch các hoạt động khuyến nông và tổ chức thực hiện những kế hoạch đó. Họ cũng phải biết cách quản lý một cách có hiệu quả văn phòng và các hoạt động khuyến nông của văn phòng mình.

- *Năng lực truyền đạt thông tin*: Cán bộ khuyến nông phải có khả năng nói và viết vì họ sẽ phải sử dụng thường xuyên những kỹ năng này để giao tiếp với dân khi làm khuyến nông, nhất là phải có được kỹ năng giao tiếp hai chiều.

- *Năng lực phân tích và đánh giá*: Cán bộ khuyến nông phải có khả năng đánh giá tình huống mà họ sẽ đối mặt hàng ngày, khả năng thông lượng và giải quyết các mâu thuẫn. Nhận thức và hiểu rõ được các vấn đề trong công việc để có thể đề xuất được những hành động kịp thời và hợp lý.

- *Năng lực lãnh đạo*: Cán bộ khuyến nông phải tự tin và biết tin tưởng vào những nông dân mà mình đang phục vụ. Là người phải gương mẫu trước quần chúng và có khả năng lãnh đạo quần chúng thực hiện các chương trình khuyến nông.

- *Năng lực sáng tạo*: Cán bộ khuyến nông thường làm việc trong những điều kiện độc lập, ít chịu sự giám sát của cấp trên. Vì vậy, người cán bộ khuyến nông phải có khả năng sáng tạo và tin tưởng vào việc làm của mình chứ không phải lúc nào cũng dựa vào sự chỉ đạo của cấp trên.

2.3. Phẩm chất cá nhân

Phẩm chất cá nhân là những đức tính tốt mà mỗi người làm khuyến nông đều phải có. Đó cũng là những điều người ta buộc phải đánh giá khi tuyển lựa cán bộ khuyến nông. Những phẩm chất đó bao gồm:

- Sẵn sàng làm việc ở những vùng nông thôn xa xôi hẻo lánh với tinh thần vì dân.

- Lòng tin vào công tác khuyến nông, tin tưởng người nông dân. Cán bộ khuyến nông phải là người mà cấp trên tin nhiệm mỗi khi giao việc và cũng được nông dân tin tưởng khi họ đưa ra những lời khuyên.

- Lòng nhân đạo, tình cảm yêu mến đối với bà con nông dân, đặc biệt là đồng bào người dân tộc thiểu số. Cán bộ khuyến nông phải biết thông cảm với những ước muốn và những tình cảm của bà con nông dân. Khi làm việc với nông dân, cán bộ khuyến nông phải biết tôn trọng và lắng nghe ý kiến của người dân.

- Tin tưởng vào những năng lực của chính mình và quyết tâm làm được một điều gì đó để góp phần vào sự nghiệp phát triển nông thôn. Vì làm việc trong điều kiện độc lập và có ít sự giám sát của cấp trên, nếu không tin tưởng vào chính bản thân mình và không có lòng quyết tâm, họ sẽ khó có thể làm tốt vai trò của một cán bộ khuyến nông thực thụ.

3. Khả năng nói trước quần chúng

Nói trước quần chúng là một kỹ năng mà người cán bộ khuyến nông phải thường xuyên rèn luyện. Một trong những công việc chính của cán bộ khuyến nông là truyền đạt thông tin. Điều đó đòi hỏi cán bộ khuyến nông phải thường xuyên tiếp xúc với nhiều người để giải thích một vấn đề nào đó, trình bày một ý tưởng hay tham gia vào một cuộc thảo luận nhóm... khả năng nói

tr-ớc quần chúng sẽ giúp ng-ời cán bộ khuyến nông truyền đạt thông tin đến ng-ời nghe một cách có hiệu quả.

4. Cách tiếp cận và làm việc với lãnh đạo địa ph- ơng

Một khuyến nông viên giỏi phải luôn biết cách tiếp cận và sử dụng những nguồn lực sẵn có ở địa ph- ơng trong công tác khuyến nông, biết động viên khuyến khích họ tham gia công tác khuyến nông và phát triển cộng đồng. Làm khuyến nông không chỉ có các cán bộ khuyến nông mà cần phải mở rộng và phát triển mạng l- ới khuyến nông viên cơ sở, họ có thể là các cán bộ thôn bản hoặc công tác đoàn thể ở địa ph- ơng.

Trong công tác khuyến nông tại cơ sở nên chú trọng xây dựng mối quan hệ của mình với lãnh đạo địa ph- ơng. Đó là những mối quan hệ cá nhân quan trọng và luôn th- ờng trực giúp đỡ các hoạt động khuyến nông. Thông th- ờng, khuyến nông có thể hợp tác với lãnh đạo địa ph- ơng theo những ph- ơng thức sau:

- Tuyển lựa họ làm khuyến nông viên theo hình thức tự nguyện, sau đó đào tạo tập huấn cho họ về ph- ơng pháp khuyến nông, một số kỹ thuật cơ bản về cây trồng, vật nuôi, cách tổ chức một cuộc trình diễn hoặc cách điều hành một cuộc họp.
- Thông báo cho họ biết những hoạt động khuyến nông và những đề xuất xây dựng một ch- ơng trình mới. Cung cấp các tài liệu khuyến nông cho họ. Đến thăm hỏi họ một cách đều đặn.
- Khuyến khích họ chủ động tham gia và đi đầu trong các ch- ơng trình khuyến nông

5. Kỹ năng viết báo cáo.

Viết báo cáo là một kỹ năng cần thiết mà ng-ời cán bộ khuyến nông phải rèn luyện cho mình. Để có một kỹ năng viết báo cáo tốt cần có những nguyên tắc sau:

- Chuẩn bị đầy đủ thông tin và các loại số liệu để đ- a lên báo cáo.
- Lập dàn ý cho bản báo cáo, báo cáo sẽ gồm nội dung gì? Sẽ đ- ọc báo cáo nh- thế nào?..
- Sắp xếp các nội dung báo cáo theo một trình tự logic: phần giới thiệu chung, mục đích báo cáo, nội dung báo cáo, kết luận và những đề xuất.
- Nên báo cáo ngắn gọn, xúc tích chính xác và dễ hiểu. Các báo cáo không nên quá dài mà cần ngắn gọn, nên tăng c- ờng sử dụng hình thức bảng, biểu trong báo cáo

Ch- ong 4

Tổ chức đào tạo trong khuyến nông

I. Việc học của ng- ời lớn tuổi

1. Các hình thức thu thập kiến thức của con ng- ời

1.1. Do đào tạo không chính thức

Đào tạo không chính thức là những tri thức của mỗi con ng- ời thu nhận và tích lũy đ- ợc do họ đúc rút đ- ợc từ thực tế cuộc sống, đấu tranh, lao động sản xuất. Nó là cơ sở của sự năng động và sáng tạo, đó chính là các kinh nghiệm trong sản xuất và đời sống

1.2. Do đào tạo chính quy

Đào tạo chính quy là những tri thức con ng- ời có đ- ợc do quá trình đào tạo có tr- ờng, có lớp, có giáo viên, đào tạo có ch- ơng trình bài bản

1.3. Do đào tạo phi chính quy

Đào tạo phi chính quy có phần đối ng- ợc với đào tạo chính quy. Đào tạo phi chính quy không có tr- ờng lớp cụ thể nh- đào tạo chính quy nh- ng vẫn có ng- ời học, ng- ời dạy; chủ yếu ng- ời dạy dạy theo yêu cầu của ng- ời học

2. Khái niệm cơ bản về việc học của ng- ời lớn tuổi

Sự học tập của trẻ em đ- ợc định h- ớng vào việc giáo viên truyền đạt kiến thức cho học sinh. Sự học tập của ng- ời lớn là quá trình ng- ời dạy tạo cơ hội cho ng- ời học lĩnh hội những kiến thức, kỹ năng và nhận thức. Dạy học ng- ời lớn và quan niệm về sự học tập của ng- ời lớn, đ- ợc Malcolm Knowles xác định dựa trên sự thừa nhận rằng ng- ời lớn muốn học. Khác với trẻ em trong tr- ờng học, đa số ng- ời lớn có thể kiểm soát và tự quyết định việc họ có đến học hay không, tiếp tục hay là thôi học. Chính vì vậy ng- ời giáo viên sáng suốt và có kinh nghiệm sẽ phải dựa vào những đặc điểm việc học của ng- ời lớn để thiết kế bài giảng và tìm những ph- ơng pháp giảng cho phù hợp.

Tr- ớc đây ph- ơng pháp đào tạo và học tập đ- ợc coi là một chiều, thụ động, mang tính độc thoại. Còn hiện nay công tác đào tạo giáo dục đã coi ng- ời học là nhân vật trung tâm. Trong ph- ơng pháp giảng dạy cho ng- ời lớn tuổi, hoặc trong công tác khuyến nông thì điều này càng đ- ợc coi trọng và phải luôn luôn lấy nông dân (ng- ời học) làm trung tâm, còn cán bộ khuyến nông (giảng viên) là ng- ời hỗ trợ, ng- ời thúc đẩy, ng- ời h- ớng dẫn quá trình học tập, khuyến khích họ tích cực tham gia giải quyết vấn đề và chia sẻ quá trình học tập.

Trong khi giảng dạy cho nông dân không nên chỉ độc thoại giảng viên nói, học viên ghi chép, mà cần sử dụng nhiều ph- ơng pháp nh- thuyết trình, trao đổi chia sẻ kinh nghiệm, th- ờng xuyên đặt các câu hỏi để tăng c- ờng quá trình động não của cả ng- ời học và ng- ời giảng. Nêu các tình huống để ng- ời học tự giải quyết vấn đề, ra các bài tập thực hành...

3. Đặc điểm chung của ng-ời học lớn tuổi

- *Ng-ời lớn có những kỹ năng và kinh nghiệm nhất định trong công việc của họ:* Đối với ng-ời nông dân họ là những ng-ời lao động trực tiếp, hàng ngày công việc của họ là đồng ruộng, chuồng trại... nên các việc của nhà nông nh- cày, bừa, gieo trồng... họ làm rất tốt. Hoặc nhiều nông dân có những kinh nghiệm rất quý nh- biết sử dụng các kinh nghiệm dân gian trong việc phòng chống một số bệnh cho gia súc, gia cầm, hay việc sử dụng thuốc thảo mộc để phòng chống sâu bệnh hại cho cây trồng... Nếu cán bộ khuyến nông biết khai thác các thông tin, học hỏi kinh nghiệm này của họ thì sẽ giúp ích rất nhiều trong công việc của mình.

- *Ng-ời lớn có cách nhìn nhận riêng của họ:* Họ tự ý thức đ-ợc t-ơng lai, tự đánh giá đ-ợc khả năng của họ: Ng-ời nông dân có cái nhìn rất thực tế, họ không có ảo t-ởng viển vông, vì thế họ sẽ hiểu là họ cần học gì để phục vụ trực tiếp cho nông trại của họ, các kỹ thuật đó có phù hợp với điều kiện của họ không? Công việc đó có thể tăng năng suất không? Có làm cho cuộc sống của họ đ-ợc cải thiện không?

- *Ng-ời lớn có tinh thần trách nhiệm với ng-ời khác:* Sống trong cùng một thôn xóm, họ có mối quan hệ họ hàng, láng giềng lâu đời, có truyền thống “Lá lành đùm lá rách”, “Tối lửa tắt đèn có nhau” họ sẵn sàng giúp đỡ nhau lúc khó khăn hoạn nạn. Tuy nhiên họ lại có mối quan tâm cạnh tranh, họ cũng không mong muốn ai hơn mình, nên họ cũng muốn làm sao để gia đình mình có thể khá hơn các hộ khác. Vì thế, đôi khi họ muốn giữ lại các bí quyết riêng cho mình, không muốn san sẻ cho hàng xóm. Do đó, trong công tác khuyến nông cần khuyến khích các mặt tích cực của họ và hiểu những hạn chế của họ để khắc phục.

- *Ng-ời lớn học đ-ợc những gì họ đã nhìn thấy:* Ng-ời nông dân tiếp thu rất nhanh chóng và có thể áp dụng ngay những mô hình tốt, những điều họ tai nghe mắt thấy.

- *Ng-ời lớn có phẩm chất cá nhân:* Ng-ời nông dân có thể có hạn chế về mặt kiến thức, nhận biết xã hội, họ có thể chậm tiếp thu những kiến thức mới... Vì thế, ng-ời cán bộ khuyến nông không nên có thái độ chỉ trích, chê bai họ mà nên dùng những lời lẽ dễ động viên họ, thuyết phục họ hoặc những lời khuyên có ích đối với họ.

- *Thị lực kém:* Do tuổi cao họ có thể không nhìn tốt nên họ viết cũng khó khăn. Do vậy, trong đào tạo cho ng-ời lớn tuổi cần viết chữ to hoặc dùng tranh ảnh để họ xem.

- *Nghe ít chính xác:* Cũng do tuổi cao nên việc nghe của ng-ời lớn tuổi cũng không tốt. Vì vậy, trong đào tạo cho ng-ời lớn tuổi cần nói to hơn, nhắc đi nhắc lại nhiều lần để họ nhớ.

- *Trí nhớ có thể bị giảm:* Phần lớn nông dân là ng-ời cao tuổi họ đã nghỉ học từ lâu, nên việc tiếp thu bài học cũng khó khăn hơn.

- *Viết khó:* Do tuổi cao lại ít khi cầm bút nên việc ghi chép của họ cũng khó khăn hơn. Vì thế trong đào tạo nên nói chậm để họ có thể ghi kịp.

4. Những đặc điểm tâm lý của ng-ời nông dân Việt Nam

4.1. Những phẩm chất tích cực của nông dân Việt Nam

+ Giàu lòng yên ổn, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, vào chế độ xã hội chủ nghĩa.

+ Cần cù tiết kiệm: Do điều kiện tự nhiên của Việt Nam khá khắc nghiệt nắng, hạn, lũ lụt, thiên tai xảy ra nhiều; đất chật người đông nên nông dân phải làm lụng vất vả quanh năm mới đủ ăn. Đức tính cần cù đã được thể hiện trong các câu thơ như :

"Một nắng hai sương"

"Thức khuya dậy sớm"

"Bán mặt cho đất, bán lưng cho trời"...

+ Thông minh, sáng tạo, tôn trọng và kế thừa kinh nghiệm của ông cha ta trong sản xuất nông nghiệp. Nhiều câu tục ngữ, ca dao đã và đang tồn tại tới ngày nay như :

"Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa"

"Đầu mùa lúa úa mùa cau"...

+ Kính trọng người già, yêu quý trẻ em: Xuất phát từ tình cảm uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây nên họ luôn kính trọng lễ phép với người già. Cũng từ tình mẫu tử, huyết thống và ý nghĩa xã hội của việc nuôi dạy con cái trưởng thành, nên người Việt Nam luôn quan tâm chú ý đến tương lai của con trẻ, coi sự trưởng thành của lớp trẻ là niềm tự hào, niềm vinh dự của gia đình, của dòng họ, của đất nước.

+ Có truyền thống nhân ái đoàn kết, tình làng nghĩa xóm, truyền thống này được thể hiện thông qua các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm, trong mối quan hệ "lá lành đùm lá rách"

4.2. Một số điểm hạn chế của nông dân Việt Nam

+ Tính bảo thủ cá nhân, tính ỷ lại hẹp hòi, tính địa phương chủ nghĩa, tính trách nhiệm cá nhân yếu.

+ Nặng về tình cảm, chủ quan, nhẹ về tính tất yếu khách quan. Tính pháp luật trong cuộc sống bị coi nhẹ, ngại đấu tranh trực diện.

+ Thiếu kinh tế yếu, nặng về thiếu kinh nghiệm. Kém về năng lực tổ chức, ít cải tiến và ngại áp dụng công nghệ mới.

+ Chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng nho giáo "Trọng nam khinh nữ", người phụ nữ không phát huy được vai trò cũng như năng lực trí tuệ để góp phần xóa đói giảm nghèo, giảm tỷ lệ tăng dân số. Đây cũng là vấn đề có ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển chung của xã hội nông thôn hiện nay.

5. Động lực thúc đẩy người lớn đi học

- Họ có nhu cầu giải quyết vấn đề hiện tại của cuộc sống.

- Họ mong muốn có thêm được những kiến thức

- Giúp cho gia đình làm ăn có hiệu quả hơn.

- Để làm g- ơng cho con cái trong gia đình.
- Để mở rộng mối giao tiếp trong xã hội, trong cộng đồng.
- Để có một địa vị hay vị trí trong xã hội
- Tăng c- ờng việc ứng sử có hiệu quả.

6. Ng- ời lớn học tốt nhất khi nào?

- Ng- ời lớn chỉ muốn học một cách tự giác không muốn bị ép buộc. Họ tham gia tích cực trong quá trình học tập, không nhận thông tin một cách thụ động. Họ có trách nhiệm về việc học tập của chính mình.

- Ng- ời lớn sẽ học khi cảm thấy có nhu cầu. Họ muốn biết nội dung học sẽ giúp họ nh- thế nào cho điều kiện hiện tại, chứ họ ít quan tâm đến điều gì đó mà vài chục năm sau mới có tác dụng

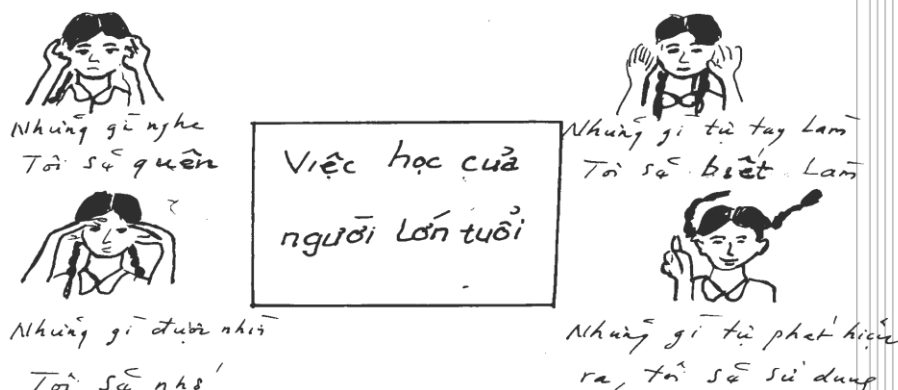
- Ng- ời lớn học thông qua thực hành. Ng- ời lớn mong muốn đ- ọc tham gia các hoạt động thực hành, luyện tập. Ng- ời lớn muốn có sự h- ớng dẫn cụ thể, chứ không phải đi học để lấy điểm số. Điều quan trọng đối với họ là học đ- ọc gì, học để có thể áp dụng đ- ọc vào thực tế điều kiện của gia đình họ, học để về làm, nên họ mong muốn đ- ọc h- ớng dẫn cụ thể chi tiết. Vì vậy giáo viên h- ớng dẫn thực hành hơn là nói suông. Trong quá trình học tập, đào tạo cần phải tạo cơ hội cho học viên tiếp thu đ- ọc kiến thức, kỹ năng và nhận thức.

- Học bằng cách giải quyết các vấn đề thực tế. Họ mong nhận đ- ọc những vấn đề thực tế liên quan đến kinh nghiệm và cuộc sống hàng ngày của họ. Có những ví dụ thực tiễn, vấn đề sử dụng phải phản ánh thực tiễn, phù hợp và đáp ứng đ- ọc những yêu cầu của thực tiễn.

- Học thông qua kinh nghiệm. Ng- ời nông dân có nhiều kinh nghiệm và những kinh nghiệm này có thể là vốn quý nếu họ có nhiều cơ hội liên hệ những điều đang học với điều họ đã biết.

- Học trong hoàn cảnh phù hợp. Nếu môi tr- ờng càng giống tr- ờng học bao nhiêu thì ng- ời lớn càng cảm thấy tình trạng bị coi nh- là trẻ con bấy nhiêu. Vì vậy, môi tr- ờng học cần bố trí bàn ghế chỗ ngồi sao cho thoải mái và tự nhiên để tạo ra bầu không khí gần gũi giữa giảng viên và ng- ời học.

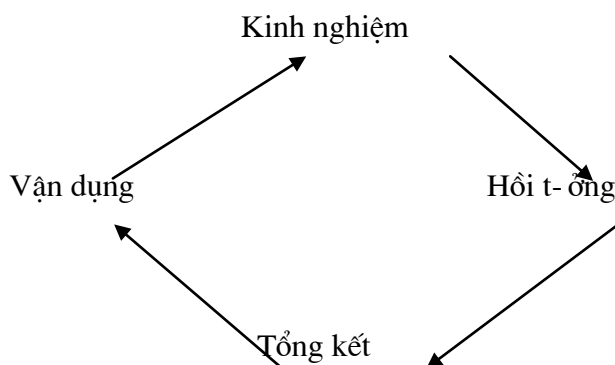
- Ng- ời lớn dễ tiếp thu với ph- ơng pháp đa dạng và phong phú. Các bài giảng phải linh hoạt, có thể lồng ghép giữa bài giảng bằng lời và các tranh ảnh hoặc sử dụng các dụng cụ trực quan. Sự học tập cần phong phú. Sự phong phú đó có tác dụng kích thích. Nó là ý t- ưởng tốt để huy động cả 5 giác quan của học viên, đặc biệt là thị giác, thính giác và xúc giác. Sự thay đổi nhịp độ và sự phong phú của cách thức học tập sẽ giúp giảm nhẹ tình trạng chán ngán, mệt mỏi đầu óc.



Hình 6: Đặc điểm của ng- ời học lớn tuổi

7. Cách học của ng- ời lớn tuổi

Học qua kinh nghiệm. Ng- ời lớn tuổi học hỏi trong suốt cả cuộc đời của họ. Trong cả quá trình đó thông qua những kinh nghiệm của bản thân, họ đúc rút, tổng kết và vận dụng những bài học đó ở tầm cao hơn vào các hoạt động sản xuất. Prerera đã đ- a ra chu trình học tập qua kinh nghiệm nh- sau:



Sơ đồ 15: Chu trình học tập qua kinh nghiệm

Học tập qua kinh nghiệm đ- ọc định nghĩa là một quá trình học thông qua những kinh nghiệm trực tiếp của bản thân, từ các hoạt động thực tiễn trong cuộc sống, những kinh nghiệm đó đ- ọc phân tích, tổng kết và quay trở lại áp dụng vào các hoạt động thực tiễn.

Ví dụ về chu trình học tập qua kinh nghiệm:

Gia đình ông Nam nhận hợp đồng trồng và chăm sóc 2 ha rừng cây bản địa. Sau khi trồng xong 1 thời gian ông tiến hành chăm sóc cây thông qua việc làm cỏ lần thứ nhất. Sau đợt chăm sóc trời nắng dài và đa số cây con ở lô đầu bị chết, trong khi một số lô khác tỉ lệ chết thấp hơn. Suy nghĩ về cách chăm sóc thời gian tr- ớc ông thấy ở lô đầu cách làm cỏ khác so với các lô khác. Các lô sau ông để lại các cây có tán nhiều hơn. Qua quan sát thực tế đó ông cho rằng trong thời kỳ chăm sóc ban đầu, các cây con cần phải có tán che, không phải cứ làm sạch cỏ và phát hết các cây bụi là cây rừng phát triển tốt hơn đối với loại cây bản địa đó. Bài học kinh nghiệm đó ông áp dụng cho lần chăm sóc sau đó.

II. Công tác đào tạo trong khuyến nông

Một trong những nội dung cơ bản của khuyến nông là công tác đào tạo. Khi nói đến khuyến nông là nói đến đào tạo. Đào tạo bao gồm đào tạo cán bộ khuyến nông và đào tạo nông dân.

+ Đào tạo cán bộ khuyến nông th- ờng là đào tạo các tiểu giảng viên khuyến nông. Những học viên học tập để sau này đào tạo các tiểu giảng viên hoặc trực tiếp đào tạo nông dân. Nó có vai trò rất quan trọng để triển khai và mở rộng nhanh chóng phạm vi áp dụng một đổi mới trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng và phát triển nông thôn.

+ Đào tạo nông dân th- ờng là các lớp tập huấn về chuyển giao kỹ thuật hay nâng cao năng lực trong quản lý, trang bị các kiến thức về thị tr- ờng, Marketing...

Hiện nay việc đào tạo trong khuyến nông đều áp dụng hình thức đào tạo phi chính quy đối với ng- ời lớn tuổi. Với ph- ơng pháp giảng dạy tích cực, có sự tham gia của học viên, lấy ng- ời học làm trung tâm.

1. Sự khác nhau giữa đào tạo trong khuyến nông và đào tạo học sinh

Những năm tr- ớc đây ph- ơng pháp dạy học chủ yếu là dựa vào kiến thức của ng- ời đào tạo. Ng- ời học chỉ có vai trò thụ động, tiếp thu những kiến thức đó, kiến thức chủ yếu đi theo h- ớng một chiều

Có thể so sánh sự khác nhau trong việc đào tạo khuyến nông và đào tạo học sinh qua một số chỉ tiêu nh- sau

Bảng 7: Những khác biệt giữa đào tạo khuyến nông và học sinh

Các tiêu chí	Đào tạo khuyến nông	Đào tạo học sinh
Đối t- ợng học	Ng- ời lớn, thanh niên đã tr- ởng thành	Trẻ em, thanh niên
Trình độ học viên	Không đồng đều	T- ợng đối đồng đều
Số l- ợng ng- ời	ít, th- ờng là 15-20 ng- ời	Nhiều hơn
Nhận thức	Chậm hơn	Nhanh hơn
Sự tham gia	Tự nguyện	Bắt buộc
Cách học	Chủ động	Thụ động
Mục đích học	Để giải quyết các vấn đề hiện tại	Chuẩn bị cho cuộc sống
Hình thức học	Không chính quy	Chính quy
Nội dung học	Theo yêu cầu	Đ- ợc định sẵn
Thời gian học	Không cố định, dựa vào nội dung và yêu cầu của học viên	Đ- ợc sắp xếp sẵn, quy định cụ thể
Địa điểm học	Linh hoạt, bất cứ nơi nào có thể	Tại tr- ờng, lớp cố định

Vai trò giáo viên	Là ng-ời thúc đẩy, hỗ trợ	Quyết định mọi vấn đề
Ph-ong pháp dạy học	Thúc đẩy, dạy thực hành là chính	Thuyết trình, dạy lý thuyết là chính
Văn bằng	Có hoặc không có văn bằng, chứng chỉ	Có văn bằng, chứng chỉ

2. Khái niệm về đào tạo có sự tham gia của học viên

1. Đào tạo tích cực lấy ng-ời học làm trung tâm: với trọng tâm là kinh nghiệm của học viên

Học viên đ-ợc đánh giá theo những kiến thức hiện có của họ và trên cơ sở kinh nghiệm cá nhân

2. Đào tạo tích cực cuốn hút các học viên tích cực tham gia khám phá những ý t-ởng và nguyên lý mới

- Giảng viên h-ớng dẫn việc phân tích những kiến thức hiện có và giới thiệu những kiến thức mới

- Học viên quyết định những kiến thức nào là bổ ích nhất và cách tốt nhất để gắn kết những kiến thức đó vào cuộc sống.

3. Đào tạo tích cực có tính chất chuyển đổi đối với cá nhân cũng nh- cộng đồng.

- Mục đích cơ bản của đào tạo tích cực là coi đào tạo phải là một công cụ cho việc thay đổi xã hội

- Đào tạo tích cực thách thức những ý t-ởng đã đ-ợc chấp nhận và giúp học viên nhận ra rằng họ có khả năng đem lại những thay đổi. Giáo viên đánh giá cao kinh nghiệm của học viên và giúp học viên nâng cao kiến thức. Mục đích cuối cùng là học viên có thể tìm ra những ph-ong pháp mới để làm việc và hợp tác cùng nhau v-ợt qua các trở ngại.

3. Các yếu tố cơ bản của ph-ong pháp có sự tham gia

3.1. Cùng tham gia:

Cùng tham gia một cách đơn giản có nghĩa là sự chia sẻ hoặc đóng góp. Học viên đ-ợc tham gia vào toàn bộ quá trình học tập; tự xác định nhu cầu học tập và trình bày mục đích của mình trong khoá học; thảo luận cách thức tiến hành các hoạt động học tập và lựa chọn ph-ong pháp phù hợp; học viên đánh giá quá trình học tập và cùng chịu trách nhiệm về kết quả học tập.

3.2. Học hỏi lẫn nhau:

Học hỏi lẫn nhau nghĩa là các học viên cùng nhau tích cực trao đổi về quan điểm, ý kiến và kinh nghiệm của mình. Trong quá trình đó, mọi ý kiến, quan điểm đ-ều đ-ợc tôn trọng và có giá trị nh- nhau. Nhiệm vụ của ng-ời giảng viên ở đây chỉ là cung cấp các kiến thức cơ bản và các bài tập s- phạm, hỗ trợ học viên trình bày và phân tích các quan điểm của họ, đi đến sự đồng thuận nhất trí

3.3. Trực quan hoá:

Trực quan hoá là một thành phần rất quan trọng trong quá trình giảng dạy. Các ý kiến, quan điểm đ- ọc viết lên thẻ, sau đó ghim lên bảng và đ- ọc sắp xếp theo một cấu trúc nhất định. Trực quan hoá bổ sung cho văn nói, l- u giữ phần trình bày và thảo luận của buổi học. Trực quan hoá cũng giúp học viên tăng thêm khả năng tiếp thu thông tin vì nhận biết bằng mắt rồi chuyển tải tới bộ não tốt hơn qua hệ thống thính giác. Hơn nữa trực quan hoá góp phần hạn chế những bất cập về ngôn ngữ, bởi vì nó giúp cho học viên còn ngại phát biểu tr- ớc lớp có thể trình bày quan điểm, ý kiến của mình lên thẻ.

4. Vai trò của ng- ời giáo viên khuyến nông

Giáo viên là ng- ời tạo điều kiện cho việc học tập của học viên. Vai trò của giáo viên là trình bày thông tin hoặc kỹ năng hoặc tạo ra hoàn cảnh mà trong đó có thể xảy ra sự khám phá, tìm tòi cho học viên. Vai trò cụ thể của giáo viên đ- ọc thực hiện nh- là :

- Ng- ời lãnh đạo nhóm: với mục đích duy trì cho các thành viên trong nhóm làm việc và đảm bảo cho việc học luôn đ- ọc tiến triển.
- Ng- ời giáo viên: tác nhân của sự thay đổi.
- Ng- ời trong thành viên của nhóm: cùng chịu trách nhiệm với nhóm.
- Ng- ời là thính giả ngoài nhóm: là ng- ời lắng nghe các thành viên của nhóm thảo luận và trình bày các thành quả học tập của họ

5. Yêu cầu của giáo viên khuyến nông

Từ những đặc điểm học tập của ng- ời lớn tuổi, chúng ta thấy rằng đối với ng- ời lớn, dạy học thực nghiệm, tức là thử nghiệm trực tiếp hoặc thực hành những ý t- ưởng, quy tắc, quy trình, ... sẽ giúp cho việc ghi nhớ và sử dụng những kiến thức trong t- ơng lai tốt. Do vậy việc dạy học nên tuân theo một số yêu cầu sau:

- Chú trọng vào các ví dụ thực tiễn và các vấn đề cụ thể một cách chuẩn xác.
- Nhấn mạnh tính ứng dụng của việc học vào công việc thực tế của học viên.
- Th- ờng liên hệ việc đào tạo với những mong đợi của học viên.
- Tạo cơ hội để học viên sử dụng các kinh nghiệm chuyên môn, thực tế của mình vào quá trình học hỏi.
- Lắng nghe tích cực các phản ứng và các câu trả lời của học viên.
- Khuyến khích học viên suy nghĩ, động não.
- Luôn khen ngợi kịp thời những tiến bộ của học viên.
- Luôn h- ớng học viên tới những mục tiêu thực tế có thể đạt đ- ọc
- Luôn đối xử với học viên đúng nh- ng- ời lớn tuổi
- Tôn trọng các quan điểm của học viên, không chê bai các ý nghĩ của học viên
- Luôn tạo ra không khí cởi mở, tin cậy trong khi học

- Linh hoạt khi thay đổi ph- ơng pháp và trình tự
- Có kỹ năng viết, vẽ

6. Những nguyên tắc của quá trình dạy học trong khuyến nông

TS. John Collum đ- a ra 1 số nguyên tắc của quá trình dạy học để bảo đảm tính hiệu quả của nó nh- sau:

- Quá trình dạy - học càng sống động thì hiệu quả càng cao.
- Học thông qua hành
- Môi tr- ờng hợp lý tạo điều kiện thúc đẩy quá trình dạy - học.
- Ng- ời học phải sẵn sàng và chuẩn bị tốt cho học tập
- Kết hợp hài hoà giữa học lý thuyết và thực hành
- Tính liên hệ: thông qua các ví dụ, các mối liên hệ để liên kết các vấn đề với nhau
- Nội dung học tập cần thích hợp và phù hợp với các đối t- ợng.
- Ôn tập: quá trình học cần nhắc đi nhắc lại nhiều lần.
- Huy động tính tổng hợp các giác quan:
- Từng b- ớc: Học từ đơn giản đến phức tạp, dạy theo từng b- ớc

7. Một số kỹ năng trong giảng dạy khuyến nông

Để giảng dạy có hiệu quả, giáo viên cần chú ý đến 1 số kỹ năng cơ bản nh- sau:

-Điều chỉnh thần kinh: Để giảm trạng thái mất bình tĩnh trong quá trình dạy học cần

- + Chuẩn bị kỹ l- ợng nội dung bài giảng
- + T- ờng t- ợng bạn đã có một buổi dạy rất tốt tr- ớc đó
- + Thở sâu một chút tr- ớc khi trình bày
- + Giới thiệu tốt nhất ngay từ ban đầu
- + Suy nghĩ d- ối lớp học là bạn bè thân thiện

- Ngôn ngữ lời nói: lời nói phải dễ hiểu, mạch lạc, khúc triết sẽ giúp cho học viên dễ nghe, dễ hiểu, dễ tiếp thu

- + Tốc độ nói phải vừa phải, có ngữ điệu, nhấn mạnh vào những nội dung cần thiết
- + Âm l- ợng: nên nói rõ ràng, đủ độ nghe
- + Tần suất: không nên nói quá nhanh hay quá chậm
- + Ngắt quãng: sau một câu hay một đoạn nên nghỉ
- + Từ đệm: tránh nói các từ đệm không cần thiết nh- : thì là, rất chi là...
- + Phát âm: cần phát âm chuẩn xác
- + Từ lặp: không nên nói lặp nhiều lần một câu.

- Ngôn ngữ trang phục, cử chỉ: phải gây đ- ợc ấn t- ợng ngay từ đầu thông qua ăn, mặc, trang điểm; ăn mặc phải chỉnh tề hoà đồng với nông dân, không quá lòe loẹt khác ng- ời hay quá sang trọng.

- T- thế vận động tay chân:

+ T- thế đứng: cần thoải mái, không gò bó

+ Vận động của tay, chân: nên thoải mái, không nên gây chú ý vào các cử động thừa

+ Vận động của cơ thể: vận động theo t- thế thoải mái

- Quan sát:

+ Nên nhìn thẳng vào học viên và lớp học

+ Biểu hiện của nét mặt: không nên quá nghiêm trang hay đau buồn, luôn tỏ ra thoải mái, tự tin

+ Thái độ: điềm tĩnh, tự nhiên

- Cách đặt câu hỏi: cần nêu những câu hỏi mở, tạo ra sự thảo luận sâu...

8. Lựa chọn ph- ơng pháp giảng dạy

Việc lựa chọn ph- ơng pháp giảng dạy có thể đ- ọc dựa trên các căn cứ sau:

- Việc lựa chọn ph- ơng pháp cần dựa vào các mục tiêu đào tạo, thời gian và các nguồn lực.

Ví dụ đối với việc đào tạo kỹ thuật trồng cây thì ph- ơng pháp trình diễn tại hiện tr- ờng là có hiệu quả nhất.

- Các thành viên mang tới khoá đào tạo những kiến thức vốn có và những kinh nghiệm công tác của họ. Những điều đó rất có ý nghĩa cho quá trình học tập của họ và những ng- ời khác.

- Việc học hiệu quả nhất khi ng- ời học đ- ọc khuyến khích tham gia một cách tích cực vào quá trình học hỏi.

Do vậy, không có ph- ơng pháp đơn lẻ nào đ- ọc xem là tốt nhất; thông th- ờng việc phối hợp các ph- ơng pháp trong quá trình giảng dạy sẽ đem lại hiệu quả rất cao.

9. Một số ph- ơng pháp giảng dạy có thể áp dụng trong khuyến nông

9.1. Ph- ơng pháp giảng bài

Giảng bài là một ph- ơng pháp huấn luyện truyền thống, ít đ- ợc áp dụng trong đào tạo và chuyển giao kiến thức cho nông dân. Tuy nhiên một số chủ đề mới vẫn có thể sử dụng ph- ơng pháp này. Thông th- ờng giảng bài đ- ợc áp dụng trong tr- ờng hợp cần giới thiệu những kiến thức cho học viên về một vấn đề nào đó. Có thể đ- ợc thực hiện theo ph- ơng pháp diễn giải (trực tiếp) hay quy nạp (gián tiếp). Ph- ơng pháp diễn giải nêu ra các khái niệm, định nghĩa... tr- ớc sau đó giải thích bản chất và sự vận hành của nó. Ph- ơng pháp quy nạp nêu lên các hiện t- ợng, các biểu hiện, sau đó khái quát thành các định nghĩa, các quy luật.

* *Ưu điểm* của ph- ơng pháp giảng bài là tiết kiệm đ- ợc thời gian, thích hợp với lớp có nhiều học viên, sử dụng ph- ơng tiện giảng dạy hiện đại, dễ kiểm tra và tổ chức thực hiện

* *Nh- ợc điểm*: thông tin mang tính một chiều, không có kỹ năng thực hành

Một bài giảng tốt bao gồm 2 giai đoạn: chuẩn bị và trình bày

* *Chuẩn bị*

Việc chuẩn bị một bài giảng cần l- u ý những điểm quan trọng sau:

- Ng- ời nghe: tìm hiểu tất cả những điều có thể biết về ng- ời nghe, tuổi, trình độ, kiến thức của họ về chủ đề và những mối quan tâm đặc biệt của họ.

- Mục tiêu: xác định bản chất và phạm vi kiến thức của ng- ời nghe cần đạt.

- Những điểm cụ thể: xem xét những điểm cụ thể về kiến thức, mà bạn nghĩ là quan trọng để hình thành mục tiêu; giới hạn từ 4 hoặc 5 điểm thông tin quan trọng trong một bài giảng.

- Vật liệu: thu thập những tài liệu có thể trợ giúp cho những điểm cần nhấn mạnh và chọn những tài liệu có thể trình bày trong thời gian cho phép, theo trật tự về mức độ quan trọng.

- Dụng cụ trực quan: xem xét lại những dụng cụ thích hợp cho bài giảng, có liên quan đến chủ đề và có thể đ- ợc dùng để củng cố cho chủ đề.

Việc tổ chức sử dụng các tài liệu phù hợp theo trình tự sẽ trợ giúp cho những điểm chính của bài giảng. Xem lại và sắp xếp lại theo một trật tự có tổ chức tốt về thông tin.

* *Trình bày*

Nên đặt câu hỏi sau khi trình bày, tạo cơ hội để đánh giá xem ng- ời học đã nắm đ- ợc vấn đề nh- thế nào và những điểm nào ng- ời học còn ch- a rõ. Câu hỏi đặt ra không phải chỉ là câu hỏi trả lời ngay, mà có thể là câu hỏi cho thảo luận hoặc giao bài tập...

Bảng 8: So sánh hiệu quả của bài giảng

Một bài giảng tẻ nhạt	Một bài giảng hào hứng, sôi nổi
Giảng viên không giới thiệu rõ chủ đề, không nêu rõ mục đích	Giảng viên nêu rõ đ- ợc điều mà nông dân sẽ đạt đ- ợc trong bài giảng

Giảng viên nói khó hiểu và dùng những thuật ngữ quá khoa học, quá chuyên môn, nh- ng lại không giải thích chúng	- Giảng viên khuấy động tính tò mò của nông dân bằng các câu hỏi lý thú - Giảng viên dùng các thuật ngữ quen thuộc và giải thích cẩn thận có minh hoạ
Giảng viên không có đủ kiến thức hay thông tin mới, các thông tin ít có ý nghĩa	Giảng viên biết gắn giữa lý thuyết và thực tế vào bài giảng. Thông tin đ- ọc cập nhật
Học viên ngồi nghe một cách thụ động, ng- ời giảng cứ nói đều đều	- Giảng viên khuyến khích mọi ng- ời tích cực tham gia bằng cách đặt các câu hỏi và thúc đẩy thảo luận - Tóm tắt đ- ọc nội dung chính của bài giảng để nông dân dễ nhớ

*** Giảng dạy thông qua việc sử dụng các dụng cụ trực quan**

Một bài giảng không có sự trợ giúp của các dụng cụ trực quan, thì sẽ không thực sự mang lại hiệu quả cao và hiện nay ít đ- ọc áp dụng. Giảng bài kết hợp với các sơ đồ, biểu đồ và những minh hoạ sẽ cho hiệu quả truyền đạt thông tin cao.

Sử dụng các dụng cụ trực quan một mặt giúp cho những ng- ời tham gia đều bị lôi cuốn vào một tiến trình của hoạt động sôi nổi, tất cả đều đ- ọc đ- a ra ý kiến của mình và mọi ý kiến đ- a ra đều có giá trị nh- nhau. Mặt khác, ph- ơng pháp lại giảm bớt đ- ọc sự trùng lặp và lập luận dài dòng. Ph- ơng pháp trực quan và có sự tham gia tích cực của học viên tạo ra bầu không khí hợp tác, trao đổi kiến thức và kinh nghiệm một cách cởi mở.

- Những vật liệu chủ yếu bao gồm nh- : tranh ảnh, băng vi deo, bảng ghim, ghim giấy, thẻ đ- ọc làm bằng giấy hoặc bìa có màu sắc khác nhau, bút dạ, băng dính, kéo, keo dán, th- ớc kẻ, giấy A₀ ...

9.2. Ph- ơng pháp huấn luyện tại hiện tr- ờng

Là ph- ơng pháp huấn luyện học viên thực hành sao cho có kết quả ngay trong chính công việc của họ. Giảng viên h- ớng dẫn các thao tác công việc, huấn luyện họ làm đ- ọc và làm thành thạo các thao tác

*** Các b- ớc tiến hành**

B- ớc 1: Lập kế hoạch

- Xác định rõ kỹ năng cần trình diễn (tên kỹ năng, sản phẩm cuối cùng, tiêu chuẩn về cỡ kích và chất l- ợng)
- Phân chia quá trình thực hiện kỹ năng thành các b- ớc
- Sắp xếp các b- ớc theo một trình tự nhất định
- Chuẩn bị các điều kiện vật chất và môi tr- ờng làm việc cần thiết cho trình diễn
- Thực hành trình diễn thử cho thành thạo

B- ớc 2: Tiến hành huấn luyện

- Nêu rõ mục đích: nói với học viên rõ ràng cái gì sẽ đ- ọc trình diễn, sản phẩm của nó là gì? nêu khái quát quá trình trình diễn.
- Nêu lên mối liên hệ giữa kỹ năng sắp thực hiện với kỹ năng liên quan với nó tr- ớc và sau này.
- Bao quát toàn bộ lớp để đảm bảo mọi ng- ời đều nghe và nhìn thấy.
- Giới thiệu các thao tác và làm mẫu
- Mỗi lần chỉ trình diễn một b- ớc
- Trình diễn các b- ớc theo trình tự đã sắp xếp
- Những điểm chốt cần dừng lại, đặt câu hỏi để đảm bảo học viên có thể theo dõi
- Sau khi làm mẫu xong, chọn một học viên làm thử
- Kiểm tra lại bằng các câu hỏi nh- : những điểm chủ chốt cần ghi nhớ là gì? mục đích của kỹ năng này là gì? những b- ớc nào là quan trọng nhất? vì sao?

B- ớc 3: Sau trình diễn

- Chọn học viên làm lại theo sự h- ớng dẫn của giáo viên
- Chọn học viên khác làm theo h- ớng dẫn của một học viên khác
- Học viên tự thực tập cho đến khi làm đ- ợc.

9.3. Ph- ơng pháp cùng tham gia

Giảng viên cần rèn luyện kỹ năng huấn luyện cho các học viên hăng hái, tích cực tham gia thảo luận, đóng vai trong quá trình đào tạo. Thảo luận nhóm cho phép học viên trao đổi ý t- ờng với nhau và với giáo viên. Do vậy thảo luận nhóm kích thích suy nghĩ của từng cá nhân học viên, tạo cho học viên một cảm giác về trách nhiệm và mong muốn đóng góp.

Một số gợi ý về kỹ năng khi tiến hành thảo luận nhóm

- Thu thập càng nhiều thông tin càng tốt
- Tạo bầu không khí thoải mái ngay từ đầu cuộc thảo luận
- Trình bày vấn đề thật ngắn gọn, rõ ràng
- H- ớng cuộc thảo luận vào chủ đề đã chọn
- Luôn khuyến khích học viên đ- a ra quan điểm của mình
- Điều khiển nhóm làm sao để trong một khoảng thời gian chỉ có một ng- ời nói
- Luôn đặt các câu hỏi mở cho học viên khi vấn đề nào còn ch- a rõ

9.4. Hội thảo đầu bờ

Là hình thức huấn luyện bằng việc trao đổi kinh nghiệm để đánh giá giải quyết các vấn đề ngay trên hiện tr- ờng. Nó có tác dụng trên hai mặt là nâng cao kinh nghiệm và giải quyết các vấn đề cụ thể cho học viên. Hội thảo đầu bờ còn là quá trình học hỏi kinh nghiệm giữa các học viên

10. Đánh giá khoá đào tạo

10.1. Mục đích đánh giá khoá đào tạo

- Đánh giá khoá đào tạo là bước cuối cùng trong chu trình đào tạo, để xem xét xem liệu một chương trình đào tạo có thành công hay không. Đánh giá là một quá trình quan trọng liên tục. Người ta thường nghĩ đánh giá là giai đoạn cuối của phát triển chương trình. Mặc dù vậy, trong thực tế nó diễn ra suốt toàn bộ quá trình phát triển chương trình. Đánh giá là việc kiểm tra giá trị của chương trình đang được sử dụng gồm cả bản chất của các nội dung và cả mục đích của chương trình giáo dục, đào tạo.

- Đánh giá là để biết việc học xảy ra như thế nào, việc học đã đem lại sự khác biệt gì cho người học trong cuộc sống, công việc và mối quan hệ của họ với những người khác.

- Đánh giá là để xem xét các chương trình có giá trị như thế nào đối với những người tham gia và phát triển nó, xem chương trình tốt đến mức nào, có thể cải thiện nó như thế nào cho những người học hiện tại và tương lai.

- Đánh giá đào tạo có thể giúp xác định mục tiêu đào tạo sắc bén hơn, tránh được những nội dung đào tạo không cần thiết, đảm bảo các phương pháp đào tạo đáp ứng được yêu cầu của các học viên, gắn họ với những nhu cầu đào tạo của họ và giảm được chi phí đào tạo.

- Đánh giá cũng có thể mang tính tổng kết hoặc định hướng. Đánh giá mang tính tổng kết thường tập trung vào xem các mục đích và mục tiêu đã đạt được chưa và thường được thực hiện sau khi kết thúc chương trình,

- Đánh giá mang tính định hướng là quá trình liên tục đánh giá đi, đánh giá lại tiến độ đã thực hiện được trong suốt khoá học. Việc đánh giá mang tính định hướng thường xuyên là cần thiết trong suốt khoá học, để xem đã đi đến đâu và còn bao nhiêu cần phải đi tiếp nữa. Bằng cách làm nổi bật những lĩnh vực thành công của khoá học và xác định những phần cần thay đổi, chỉnh sửa cho khoá học được tốt hơn. Mục đích của đánh giá mang tính định hướng là cung cấp cơ sở để cải thiện khoá học, xác định những nhu cầu sửa đổi và tất nhiên sẽ tạo nền tảng cho việc lập kế hoạch trong tương lai. Nó là một quá trình liên tục xem xét những điều đã trải qua và đưa đến hành động tương lai.

10.2. Nội dung và mức độ đánh giá khoá đào tạo

Đánh giá khoá đào tạo chính là việc xem xét các kết quả của quá trình dạy và học so với các mục tiêu đặt ra. Như vậy, đánh giá không chỉ có nghĩa là xem xét xem liệu khoá học có thành công hay không, mà nó còn có ý nghĩa cho việc hiểu được mức độ thành công và những điều cần phải thay đổi hoặc làm tốt hơn. Các kỹ thuật đánh giá được dùng nhằm để tìm ra:

- Các hoạt động học xảy ra như thế nào
- Các phương pháp giảng dạy được dùng có hiệu quả như thế nào
- Mỗi phần học khác nhau trong quá trình huấn luyện có lợi ích và hiệu quả thế nào.
- Kỹ năng thúc đẩy của cán bộ đào tạo có giúp ích cho quá trình học hỏi không

- Các mục tiêu đã phù hợp ch- a
- Các học viên có cảm thấy hài lòng không
- Những kiến thức, kỹ năng và thái độ thu nhận đ- ợc trong quá trình học có đ- ợc áp dụng trong công việc của ng- ời học và các hoàn cảnh khác không.
- Các điều kiện học tập có tốt không

Theo Donald Kirkpatrick, mức độ thành công của khoá đào tạo đ- ợc đo bằng ít nhất 4 cấp độ khác nhau. Mỗi cấp độ đều có những tiêu chí để đánh giá riêng, các tiêu chí này nên đ- ợc xem xét trong suốt và sau quá trình đào tạo.

a. Đánh giá về phản ứng

Đây là cách dễ nhất để đo l- ờng mức độ thành công của khoá đào tạo, đơn giản bằng cách hỏi các thành viên tham gia họ cảm thấy thế nào về khoá đào tạo. Dữ liệu đánh giá về phản ứng của học viên nên đ- ợc thu thập cả trong và cuối khoá học ngay tại lớp học. Các dạng và câu hỏi đơn giản có thể giúp thực hiện việc đánh giá một cách dễ dàng.

Ví dụ: Đánh giá về khoá đào tạo “ Thiết lập v- ườn - ươm cây chè Shan tuyết” 90% các thành viên tham gia khoá học cảm thấy hài lòng, 10% cảm thấy bình th- ờng.

b. Đánh giá về sự thu đ- ợc kiến thức, kỹ năng

Với cấp độ đánh giá này sẽ cho biết đ- ợc những mục tiêu của khoá học tập đạt đến mức nào? Để đánh giá tốt, thì tr- ớc khoá học nên đặt ra các mục tiêu thực tế ít nhất là về mặt kiến thức, kỹ năng. Trong suốt quá trình học, học viên phải luôn đ- ợc kiểm tra.

Ví dụ: Sau khoá học 100% học viên nắm đ- ợc các kiến thức cơ bản về tạo lập v- ườn - ươm và có thể thực hiện đ- ợc những kỹ thuật v- ườn - ươm chè (gieo - ươm, đóng bầu, xử lý hạt...).

c. Đánh giá về khả năng vận dụng

Đánh giá về khả năng vận dụng cho ta biết đ- ợc đã đạt mục tiêu đào tạo đến đâu? Có bao nhiêu kiến thức và kỹ năng ở học viên mà bạn trông đợi đ- ợc áp dụng sau đó? Cần bao nhiêu thời gian để mỗi kỹ năng đ- ợc thể hiện.

Việc thu thập số liệu và khả năng vận dụng trong công việc chỉ có thể đ- ợc làm sau khoá học. Thực chất ý nghĩa ở đây là việc có thực sự áp dụng một kỹ năng sau khi đ- ợc đào tạo không

Ví dụ: sau 3 tháng có 75% các thành viên đ- ợc đào tạo sẽ sử dụng các kỹ thuật v- ườn - ươm đ- ợc đào tạo cho v- ườn - ươm của mình.

d. Đánh giá về kết quả và tác động của khoá đào tạo

Đánh giá về kết quả và tác động của khoá đào tạo để biết đ- ợc mục đích của khoá đào tạo đã đạt đến đâu? Kết quả thực sự của một khoá đào tạo quan trọng hơn bất cứ một tiêu chí nào. Nếu ng- ời đ- ợc đào tạo làm tốt trong quá trình đào tạo, nh- ng không sử dụng các kỹ năng học đ- ợc để đạt tới kết quả, thì việc đào tạo là không thành công.

Việc thu thập dữ liệu “kết quả” và tác động chỉ có thể thực hiện sau khi đào tạo, trong công việc thực tế và đó là một công việc hết sức khó khăn.

Ví dụ: Trong vòng 5 tháng kể từ khi kết thúc khoá học, thôn đã thiết lập được 5 vườn - om theo đúng kỹ thuật và số lượng và chất lượng cây con đảm bảo.

10.3. Các công cụ đánh giá phản ứng

Các phương pháp phản ánh và đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ của một chu trình đào tạo sẽ giúp cho nhóm giảng viên kiểm soát được quá trình học tập, đồng thời học viên sẽ được chia sẻ những tâm tư, nguyện vọng và ý kiến với cả lớp. Đánh giá giữa kỳ nhằm xem xét xem khoá học đã đi đúng hướng chưa, vì thế có thể thay đổi và bổ sung thêm những nội dung quan trọng. Cùng nhau kiểm soát quá trình học tập là trách nhiệm chung của cả tập thể lớp học.

- Ngờn ta có thể xem xét đánh giá phản ứng của học viên về khoá học thông qua:

+ Thảo luận trên lớp

+ Nói chuyện thân mật

+ Phỏng vấn cá nhân học viên

+ Sử dụng các biểu mẫu đánh giá

- Một số công cụ đánh giá phản ứng trong đào tạo khuyến nông có thể được sử dụng như sau:

a. Biểu đồ khí thế

- Là biện pháp đơn giản giúp học viên đánh giá ngày học hôm đó qua tâm trạng của mình

- Các giảng viên tiếp thu những ý kiến từ phía học viên và điều chỉnh chương trình cho những ngày tiếp theo phù hợp với yêu cầu của học viên

* Thời gian đánh giá: Vào cuối mỗi ngày học hoặc một tiết học

* Cách tiến hành:

- Chuẩn bị trước một biểu đồ

- Giới thiệu biểu đồ với học viên ngay từ buổi học đầu tiên

- Nhắc học viên nhớ đánh giá bằng chấm trên biểu đồ. Có thể dùng các chấm tròn khác nhau để phân biệt ý kiến của nam giới và nữ giới

- Hãy làm sáng tỏ những kết quả đánh giá, đặc biệt là những ô thể hiện tâm trạng không vui của học viên

* Vật liệu: Một biểu đồ đã được kẻ sẵn và các chấm tròn (hai màu)

Ví dụ: Biểu đồ khí thế học tập

	☹ ☹	☹	😊	😊	😊😊
Ngày thứ1					

Ngày thứ 2					
Ngày thứ 3					
Ngày thứ 4					

b. Nhóm phản ánh

- Nhóm gồm một số học viên trong lớp có nhiệm vụ tóm tắt lại những hoạt động đã diễn ra và đưa ra những ý kiến nhận xét cho ngày học hôm tr-ớc.

- Nhóm còn có trách nhiệm điều hành các hoạt động diễn ra trong ngày

* Thời gian: Ngay khi bắt đầu ngày học

* Cách thức tiến hành

- Giới thiệu và giải thích cho học viên về mục tiêu và nhiệm vụ của nhóm phản ánh

- Mỗi buổi sáng sẽ bắt đầu bằng phần trình bày của nhóm phản ánh

- Nhiệm vụ của nhóm phản ánh: Nhóm phản ánh gồm ít nhất 2 ng-ời, một ng-ời chịu trách nhiệm phần trình bày, một ng-ời chịu trách nhiệm chọn nhóm phản ánh mới

+ Tóm tắt lại những hoạt động đã diễn ra của ngày hôm tr-ớc

+ Điều gì quan trọng nhất đối với bạn

+ Bạn có thích ph-ơng pháp giảng dạy không, tại sao?

+ Tâm trạng của cả lớp thế nào? (bằng cách phân tích biểu đồ khí thế học tập)

+ Chọn ra một nhóm phản ánh mới

+ Có những trò chơi, bài tập khởi động tạo không khí vui vẻ cho lớp học

c. Đánh giá bằng thẻ

- Học viên có thể phản ánh sau khi khoá học kết thúc

- Đ- a ra những ý kiến khen ngợi và phê bình từ phía học viên

- ý kiến phản ánh của từng cá nhân đ- ợc chia sẻ cùng cả lớp

* Cách tiến hành

- Viết câu hỏi đánh giá lên thẻ: ví dụ: điều gì tôi thích nhất; điều gì tôi không thích; điều gì cần cải tiến...

- Đ- a ra các câu hỏi và giải thích cho học viên cách thức tiến hành

- Phát thẻ và bút cho học viên

- Dành 10 - 15 phút để các học viên tự suy nghĩ và viết lên thẻ

- Đợi cho đến khi tất cả mọi ng-ời đều đã viết xong ý kiến thì thu lại thẻ

- Giảng viên đọc to các ý kiến trên các thẻ và gắn lên bảng

- Nhóm ý kiến có chung nội dung xếp vào một nhóm

- Kết quả đánh giá sẽ đ- ợc bình luận tr- ớc lớp

d. Đánh giá bằng biểu

- Đây là ph-ơng pháp đánh giá nhan và có thể thảo luận sâu hơn

*** Cách tiến hành**

- Chuẩn bị một bảng (hay một tờ giấy khổ lớn) trên đó ghi sẵn các câu hỏi đã chuẩn bị trước

- Giải thích phương thức đánh giá bằng chấm điểm

- Giải thích ý nghĩa của các ký hiệu nh- +; *; -...

- Có thể đánh giá bằng nhiều cách

+ Từng cá nhân đánh giá trên giấy và sau đó thu thập lại, gắn lên bảng ghim

+ Lần lượt từng người lên đánh giá trên cùng một bảng, lưu ý bảng lên quay về phía sau người học viên (đánh giá kín)

+ Tất cả mọi người cùng đánh giá một lúc lên bảng (đánh giá mở)

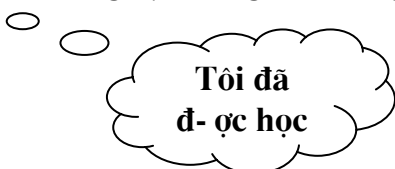
- Xem lại kết quả đánh giá và mọi người cùng bình luận

Ví dụ

Cảm tưởng chung của tôi về khoá học

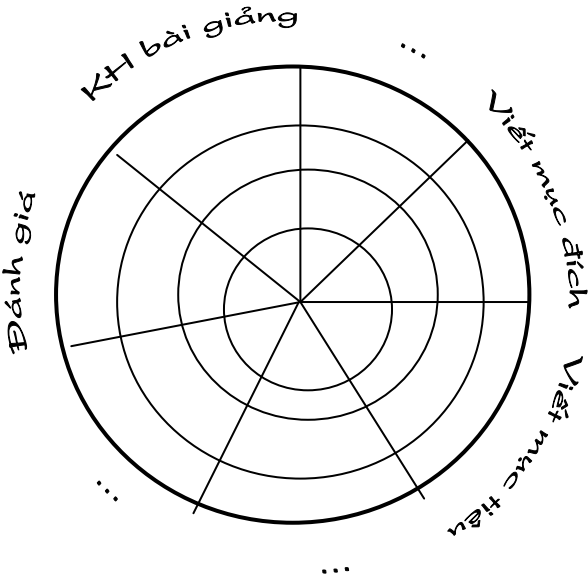
Nội dung đánh giá	Rất tốt **	Tốt *	T.bình +	ít -	Rất ít o
Phù hợp về nội dung					
Phương pháp giảng dạy					
Đóng góp của các thành viên tham gia					
Phòng học					
...					
...					

*** Một số công cụ đánh giá khoá học khác**



Tôi thích/ tôi học đ- ọc	Tôi không thích/ phản ứng
-	-

Quá ít	ít	Vừa phải	Nhiều	Quá nhiều



Cảm t-ởng chung của tôi về khoá học

Chủ đề	Mới	Bổ ích, cần thiết	Thích thú

III. Điều tra đánh giá nhu cầu đào tạo

1. Vai trò của điều tra đánh giá nhu cầu đào tạo

Tr-ớc đây, theo cách tiếp cận cũ việc đánh giá nhu cầu đào tạo không hề quan trọng trong đào tạo của khuyến nông. Ng-ời ta chỉ thực hiện các khoá đào tạo theo kế hoạch đã định tr-ớc, hoặc theo những kế hoạch chuyển giao công nghệ đã thực hiện ở đó. Hiện nay, việc đào tạo trong khuyến nông đ-ợc dần chuyển sang cách tiếp cận có sự tham gia. Điều tra đánh giá nhu cầu đào tạo là một b-ớc rất quan trọng. Đánh giá nhu cầu đào tạo là một công cụ có giá trị để biết về những ng-ời tham gia tr-ớc khi đào tạo. Nó cho phép ng-ời cán bộ đào tạo biết tr-ớc những thông tin về các chủ đề cần đ-ợc thảo luận và làm thế nào để thực hiện nó. Việc đánh giá nhu cầu đào tạo có hiệu quả sẽ thúc đẩy việc huấn luyện lấy ng-ời học làm trung tâm, và xây dựng đ-ợc những khoá học dựa trên các kiến thức và kinh nghiệm của ng-ời học. Cần l- u ý rằng, đánh giá nhu cầu đào tạo nhằm tìm ra những kiến thức, kỹ năng mà ng-ời học cần chứ không phải cái mà chúng ta có thể cung cấp cho họ. Đánh giá nhu cầu đào tạo bao gồm nhiều b-ớc, với sự tham gia của nhiều đối t-ợng khác nhau (ng-ời dạy, ng-ời học, ng-ời xây dựng ch-ương trình, ng-ời dân, nhà tài trợ và ng-ời sử dụng kết quả đào tạo...).

2. Các b-ớc thực hiện trong điều tra đánh giá nhu cầu đào tạo

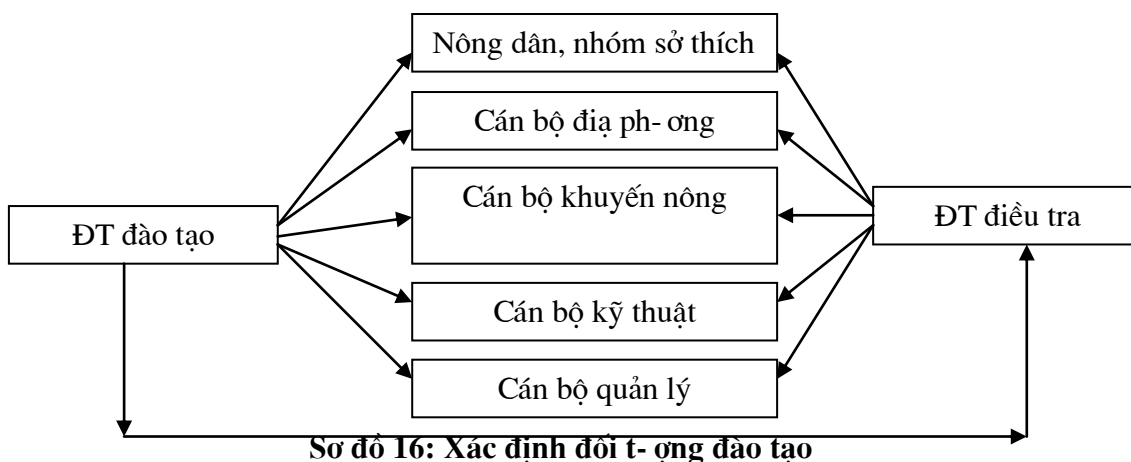
2.1. Xác định đối t-ợng đào tạo và đối t-ợng điều tra

Trong b-ớc này cần xác định:

- Ai cần đào tạo?
- Mục tiêu và động cơ đào tạo của họ là gì?

- Các loại đối tượng cần điều tra là ai?

Quá trình được thực hiện thông qua sơ đồ sau:



Xác định đối tượng đào tạo trước hết cần trả lời câu hỏi: ai cần đào tạo? Trước khi tiến hành xác định đối tượng điều tra cần làm rõ và phân loại các đối tượng đào tạo, theo sơ đồ trên. Ví dụ có các đối tượng như: nông dân, cán bộ địa phương, cán bộ khuyến nông v.v. Trên cơ sở phân loại đối tượng đào tạo, sẽ xác định đối tượng điều tra phỏng vấn, bao gồm số lượng, cơ cấu theo lứa tuổi, kinh nghiệm, giới, nghề nghiệp v.v

Ví dụ: Lập bảng như sau:

Bảng 9: Danh sách người được phỏng vấn

Họ và tên	Giới	Tuổi	Nghề nghiệp	Chức vụ	Dân tộc	Đơn vị công tác

2.2. Xác định nội dung điều tra

Nội dung điều tra, đánh giá nhu cầu đào tạo cần làm rõ :

- Phân tích công việc họ đang và sẽ làm
- Những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần phải có để thực hiện công việc đó
- Những kiến thức, kỹ năng và thái độ hiện đã có
- Những khoảng trống về kiến thức, kỹ năng và thái độ cần phải được đào tạo.

Xây dựng khung nội dung điều tra có thể theo biểu sau

Ví dụ

Bảng 10: Khung nội dung điều tra về....

Đối tượng điều tra.....

Các loại	Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
----------	-----------	---------	---------

công việc	Hiện có	Nhu cầu	+/-	Hiện có	Nhu cầu	+/-	Hiện có	Nhu cầu	+/-

2.3. Lựa chọn ph- ơng pháp điều tra

Để thu thập đ- ọc các thông tin trên, có thể sử dụng các ph- ơng pháp nh- phát phiếu điều tra, phỏng vấn, thảo luận và hội thảo.

a. Phát phiếu điều tra

Trong ph- ơng pháp này ng- ời ta xây dựng sẵn các mẫu biểu và các câu hỏi kèm theo để gửi trực tiếp qua con đ- ờng b- u điện hay công văn cho đối t- ượng điều tra. Sau một thời gian các mẫu điều tra đ- ọc thu hồi lại và các chuyên gia sẽ phân tích nhu cầu đào tạo.

b. Phỏng vấn trực tiếp

Ph- ơng pháp này đ- ọc tiến hành bằng cách tiếp xúc trực tiếp với đối t- ượng để thu thập thông tin

c. Thảo luận nhóm và hội thảo

Thảo luận nhóm giúp cho việc khai thác các thông tin về đối t- ượng đào tạo và xây dựng một mối quan hệ hòa hợp giữa các thành viên và ng- ời cán bộ thúc đẩy. Hội thảo là ph- ơng pháp khai thác và phân tích các thông tin về nhu cầu đào tạo d- ối nhiều góc độ khác nhau. Giới hạn của ph- ơng pháp này là gia tăng thêm thời gian và nguồn lực trong việc thu thập các thông tin.

2.4. Tổ chức quá trình điều tra

- Thành lập tổ điều tra khoảng 3 - 4 ng- ời có các chuyên môn khác nhau nh- lâm nghiệp, nông nghiệp, chăn nuôi... Trong đó có ít nhất một nhân viên có chuyên môn hoặc kinh nghiệm về phát triển ch- ơng trình đào tạo

- Tập huấn ph- ơng pháp cho các thành viên của nhóm điều tra.

- Phân công trách nhiệm trong tổ điều tra cho các công việc nh- ng- ời phỏng vấn, ng- ời quan sát, ng- ời ghi chép, ng- ời thúc đẩy...

- Xây dựng kế hoạch thực hiện (thời gian, số l- ợng, vật liệu, phân chia trách nhiệm).

- Thực hiện điều tra đánh giá.

2.5. Phân tích và tổng hợp thông tin

Sau khi điều tra và khảo sát, các thông tin rời rạc đ- ọc tổng hợp và phân tích theo các chủ đề d- ối dạng các biểu mẫu. Quá trình phân tích và tổng hợp thông tin bao gồm:

- Tổng hợp thông tin trên hiện tr- ờng.

+ Tổng hợp bảng, biểu liên quan đến đối t- ượng điều tra

+ Tổng hợp bảng, biểu liên quan đến tổ chức các khoá đào tạo

- Phân tích và tổng hợp các thông tin theo các biểu mẫu.

Vấn đề quan trọng nhất là làm thế nào phân tích và tổng hợp đ-ợc thông tin mang tính đại diện cao nhất từ nhiều nguồn thông tin khác nhau. Để thể hiện vấn đề này ng-ời ta có thể sử dụng tần suất xuất hiện của thông tin đó trong toàn bộ quá trình.

Ví dụ: Phân tích nhu cầu về kỹ năng trong xây dựng và quản lý v-ườn - ươm hộ gia đình cho đối tượng nông dân ta có bảng sau

Bảng 11: Tổng hợp các nhu cầu trong xây dựng v-ườn - ươm trè

Nhu cầu về kỹ năng	Số l-ợng ng-ời đề xuất
1. Thiết kế đ-ợc một v-ườn - ươm đơn giản	12/20
2. Xử lý đ-ợc hạt giống cây trè	18/20
3. Đóng đ-ợc bầu	5/20
4. Cây và chăm sóc đ-ợc cây mầm	10/20
5. Xử lý đ-ợc đất - ươm cây giống	12/20

2.6. Hội thảo đánh giá

Sau khi phân tích tổng hợp các thông tin, ng-ời ta tiến hành hội thảo đánh giá. Mục đích của hội thảo nhằm:

- Trình bày kết quả điều tra tr-ớc nhóm
- Đề xuất các khoá đào tạo và thảo luận, thống nhất với các thành viên tham gia.

L-ưu ý trong hội thảo cần phải mời đầy đủ các thành viên tham gia vào quá trình điều tra và những ng-ời sẽ liên quan tới các b-ớc của cả chu trình đào tạo. Nhờ đó, tranh thủ đ-ợc ý kiến và sự ủng hộ của các thành viên trong các b-ớc thực hiện sau này. Cuối hội thảo cần thống nhất đ-ợc các khoá đào tạo và nội dung dự thảo, nên lập theo kiểu biểu

Ví dụ

Bảng 12: Các khoá học và nội dung đào tạo đ-ợc đề xuất

Các khoá đào tạo	Nội dung	Hình thức	Đối tượng	Thời gian	Địa điểm

2.7. Viết báo cáo đánh giá nhu cầu đào tạo

IV. Thiết kế khóa đào tạo ngắn hạn

Nội dung và ph-ương pháp thiết kế khoá đào tạo ngắn hạn bao gồm

1. Xác định tên khóa đào tạo

Tên khóa đào tạo thể hiện mục tiêu và nội dung chính cần đào tạo. Tên khóa đào tạo phải ngắn gọn, dễ hiểu.

Ví dụ: Phòng, chống bệnh cho lợn nái

Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây vải

2. Xác định địa điểm, thời gian đào tạo

- Địa điểm đào tạo ở đâu
- Thời gian nào bắt đầu, khóa đào tạo kéo dài trong bao lâu

3. Xác định lý do phải tổ chức khóa đào tạo

Cần làm rõ lý do tổ chức khóa đào tạo là xuất phát từ nhu cầu của ai, ai là người đề xuất và chủ trì-ong thực hiện khóa đào tạo này?

4. Phân tích đối tượng đào tạo

Trong phân tích đối tượng đào tạo cần làm rõ:

- Ai là những học viên tham gia khóa đào tạo (số lượng học viên, tuổi, phân bố nam, nữ, nghề nghiệp và vị trí của họ...),
- Những điểm yếu của học viên là gì? (thiếu kinh nghiệm, thiếu kiến thức cơ bản ...),
- Tại sao họ tham gia khóa đào tạo? (nhu cầu, những mong đợi, động cơ...),
- Học viên có thể tham gia đóng góp gì cho khóa đào tạo (kinh nghiệm, những kỹ năng đặc biệt...).
- Học viên học tốt nhất khi nào? (cách học, thời gian...)

5. Xác định mục tiêu của khóa đào tạo.

Xác định mục tiêu của khóa đào tạo là việc nêu rõ sau khi học xong khóa học, học viên sẽ biết được gì về mặt kiến thức, hoặc họ có khả năng làm được gì, khả năng áp dụng vào điều kiện cụ thể đến đâu.

Để xác định một mục tiêu là đã đạt được hay chưa, thì cần phải thấy được những thay đổi trong hành vi của người học. Để đánh giá được điều này đã xảy ra hay chưa thì cần có bằng chứng. Muốn làm được điều đó, cần phải sử dụng động từ trong mục tiêu, có nghĩa là phải sử dụng một ý diễn đạt khẳng định rằng người học có thể làm được gì sau quá trình học tập

Các mục tiêu phải “SMART”, tức là cụ thể, đo được, đạt được, thực tế, có giới hạn về thời gian.

S – Specific (cụ thể)

M – Measurable (có thể đo đếm được)

A – Achievable (có thể đạt được)

R – Realistic (thực tế)

T – Time bound (có giới hạn về thời gian)

Theo các nhà giáo dục có các loại mục tiêu, ứng với 3 lĩnh vực học tập nh- sau:

- Lĩnh vực về kiến thức
- Lĩnh vực về kỹ năng
- Lĩnh vực về thái độ

Cần xác định rõ mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể. Mục tiêu chung thể hiện những đóng góp của khóa đào tạo cho một hoạt động nào đó, trong khi mục tiêu cụ thể cần làm rõ những yêu cầu của đối tượng học có thể làm đ-ợc cái gì trong một điều kiện nhất định với một yêu cầu chất l-ợng hay số l-ợng nào đó.

6. Xây dựng ch- ơng trình đào tạo

Xây dựng ch- ơng trình đào tạo bao gồm việc xác định các chủ đề chính, mục tiêu cần đạt đ-ợc, nội dung từng chủ đề, ph- ơng pháp và thời gian phân bố giữa lý thuyết và thực hành.

Ví dụ:

Bảng 13: Khung ch- ơng trình đào tạo

Chủ đề	Mục tiêu cụ thể	Nội dung	Ph- ơng pháp	Thời gian	
				Lý thuyết	Thực hành

Khi xây dựng ch- ơng trình đào tạo cần chú ý tới 2 yếu tố là lựa chọn nội dung và thứ tự sắp xếp nội dung.

•Lựa chọn nội dung

Nội dung đ- a vào đào tạo phải căn cứ vào nhu cầu đào tạo và xem xét đến các mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ.

- Về kiến thức, cần xem xét các loại kiến thức gì để đáp ứng nhu cầu của ng- ời học. Trong kiến thức nên chia làm 3 loại: phải biết, nên biết, biết thì tốt... Tất cả các kiến thức mà học viên phải biết cần đ-ợc đ- a vào nội dung tập huấn, các kiến thức khác có thể trực tiếp đ- a vào hay đ- a vào d- ới dạng tài liệu tham khảo.

- Trong kỹ năng cần xác định rõ các loại kỹ năng nào là cần thiết và trọng điểm, các kỹ năng nào có thể chỉ trình diễn hoặc giới thiệu sơ bộ.

- Về thái độ cần làm rõ những thay đổi gì trong thái độ là cần thiết. Điều này muốn biết phải qua nghiên cứu nhu cầu cụ thể, hoặc qua các điều tra, phỏng vấn và quan sát.

•Sắp xếp thứ tự hợp lý

Có 4 nguyên tắc cơ bản phải tuân theo khi sắp xếp thứ tự nội dung:

- Đi từ đơn giản đến phức tạp

- Bảo đảm tính logic. Có thể theo thứ tự thời gian, theo chủ đề hoặc phụ thuộc vào kiểu học của học viên.
- Đi từ cái đã biết đến cái ch- a biết.
- Giới thiệu nội dung theo yêu cầu thực hiện công việc.

7. Lựa chọn ph- ơng pháp và tài liệu

Trong đào tạo khuyến nông đòi hỏi ng- ời học phải nắm đ- ợc hàng loạt kiến thức, kỹ năng, thái độ trong phạm vi rộng. Nếu ng- ời học đ- ợc tăng quyền, họ sẽ có khả năng tự tổ chức việc học của mình chứ không phải là “những cái bình rỗng” để đổ kiến thức vào đó. Do vậy khi cân nhắc xem sẽ sử dụng ph- ơng pháp dạy học nào, cần phải xác định ngay từ đầu là học viên sẽ học nh- thế nào và chúng ta mong muốn học viên học nh- thế nào?

Một giáo viên tốt cần phải có sẵn trong mình nhiều ph- ơng pháp và biết ở thời điểm nào và ở đâu thì có thể sử dụng chúng có hiệu quả

Các tài liệu lựa chọn th- ờng phải hấp dẫn, thú vị, có tính thử thách lâu bền, về mặt kinh tế có thể thực hiện đ- ợc và phải tổ chức chặt chẽ về mặt nội dung giúp thúc đẩy quá trình học.

Chuẩn bị các tài liệu phát tay sẽ cung cấp cho học viên

Các học thuyết giáo dục hiện đại cho rằng, học viên càng tham gia vào công việc học của họ bao nhiêu, càng có khả năng học đ- ợc bấy nhiêu. Điều này đặc biệt đúng với những học viên lớn tuổi, vì họ có rất nhiều kinh nghiệm khác nhau. Điều này cho thấy rằng việc học là một quá trình có sự tham gia, ở đó vai trò của ng- ời giáo viên có tính thúc đẩy chứ không có tính giáo huấn.

8. Xác định các chỉ số giám sát và đánh giá khóa đào tạo.

Ngay trong giai đoạn thiết kế cần đề ra các chỉ số để làm cơ sở cho việc giám sát và đánh giá khóa đào tạo sau này. Một số chỉ tiêu có thể đ- ợc xác định nh- :

- Sự hài lòng của học viên sau khóa đào tạo
- Những kiến thức, kỹ năng và thái độ thu đ- ợc sau khóa đào tạo.
- Khả năng vận dụng vào công việc của học viên.
- Tác động và ảnh h- ưởng của khóa đào tạo
- Tỷ lệ giảm chi phí cho khóa đào tạo

9. Lập kế hoạch và thời gian biểu cho khóa đào tạo.

Ví dụ: Kế hoạch và thời gian biểu cho khóa đào tạo đ- ợc lập theo khung sau:

Tuần 1

Bảng 14: Thời gian biểu cho tuần

Sáng	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
-							
-							

Chiều							
-							
-							

Tuần 2:

Tuần n:

10. Lập kế hoạch bài giảng:

Đối với mỗi chủ đề cần phân ra các bài giảng cụ thể, mỗi bài giảng có thể lập kế hoạch theo mẫu, biểu sau:

- *Kế hoạch bài giảng:*
 - Tên khóa đào tạo
 - Chủ đề
 - Thời gian
 - Thông tin cần thiết
 - Mục đích bài giảng
 - Mục tiêu học tập
 - Các hoạt động dạy và học
 - Chú ý của giảng viên
 - Tài liệu và vật liệu giảng dạy cần có
 - Đánh giá (tùy chọn)

Bảng 15: Kế hoạch bài giảng

Các phần	Thời gian	Nội dung	Ph- ơng pháp	Vật liệu giảng dạy
Mở bài				
Phần chính				
Kết luận				

Một kế hoạch bài giảng là một mô tả chi tiết quá trình giảng dạy bao gồm:

- Lớp học nào, môn học và chủ đề gì, khi nào bài giảng bắt đầu
- Mục đích chính của bài giảng
- Các mục tiêu chính của bài giảng
- Chia bài giảng thành các phần khác nhau. Về cơ bản, một bài giảng đ- ợc chia làm 3 phần; phần giới thiệu, phần thân bài và phần kết luận. Cần phân bố thời gian hợp lý cho mỗi phần giảng và đảm bảo trùng khớp về mặt thời gian cho toàn bài giảng.
- Lập danh sách các ph- ơng pháp sẽ sử dụng cho mỗi bài giảng.
- Lập danh sách các tài liệu sẽ cần cho mỗi hoạt động.
- H- ớng dẫn để đánh giá việc học đối với bài giảng đó.

11. Xác định cách thức kiểm tra, các công cụ đánh giá khóa đào tạo qua học viên

Xác định hình thức kiểm tra lý thuyết, trình diễn kỹ năng và đánh giá cuối khóa đào tạo phù hợp với thời gian, đối tượng và chủ đề khóa đào tạo.

12. Xác định ngân sách cho một khóa đào tạo ngắn hạn

Ch- ơng 5

lập kế hoạch ch- ơng trình khuyến nông

I. Lập kế hoạch ch- ơng trình khuyến nông

1. Tầm quan trọng của lập kế hoạch khuyến nông

Mọi ch- ơng trình khuyến nông muốn thực hiện có hiệu quả tốt đều phải đ- ợc lập kế hoạch chu đáo. Một ch- ơng trình khuyến nông với những mục tiêu rõ ràng là rất cần thiết cho nông dân, cán bộ khuyến nông và những cơ quan phát triển nông thôn khác.

- Đối với nông dân, ch- ơng trình khuyến nông cho thấy họ nhận đ- ợc những gì từ tổ chức khuyến nông.

- Đối với cán bộ khuyến nông, ch- ơng trình sẽ là cơ sở cho việc lập kế hoạch các hoạt động khuyến nông hàng tuần, hàng tháng và hàng năm.

- Lãnh đạo các cấp có thể căn cứ vào ch- ơng trình để đánh giá hiệu quả công tác của nhân viên hoặc đóng góp ý kiến để hoàn thiện hoặc cung cấp những loại nguồn lực cần thiết để thực hiện ch- ơng trình khuyến nông (nh- con ng- ời, tiền, vật t- ...). Ngoài ra, ch- ơng trình khuyến nông cũng giúp các cơ quan phát triển nông thôn khác phối hợp các hoạt động của họ với khuyến nông.

2. Các hình thức xây dựng kế hoạch ch- ơng trình khuyến nông

Hiện nay có hai kiểu xây dựng ch- ơng trình khuyến nông

- Lập kế hoạch có sự tham gia (theo hình thức từ d- ưới lên): Nông dân cùng với cán bộ khuyến nông xây dựng những kế hoạch phát triển nông nghiệp trên cơ sở những nhu cầu và những tiềm năng ở địa ph- ơng, sau đó yêu cầu cấp trên hỗ trợ để thực hiện.

- Lập kế hoạch theo hình thức truyền thống (theo hình thức từ trên xuống): Trong tr- ờng hợp này các nhà chính sách, các nhà lãnh đạo thiết lập các ch- ơng trình khuyến nông và cán bộ khuyến nông chỉ cần thực hiện những kế hoạch khuyến nông do cấp trên đ- a xuống.

Một ch- ơng trình khuyến nông sẽ thành công nếu biết kết hợp cả hai hình thức lập kế hoạch nói trên. Các ch- ơng trình quốc gia tạo khuôn khổ cho cán bộ khuyến nông xây dựng những ch- ơng trình địa ph- ơng vì nó đề ra những - u tiên mà khuyến nông phải theo. Vì vậy, khi xây dựng các ch- ơng trình khuyến nông địa ph- ơng cần phối hợp hài hoà giữa nhu cầu quốc gia với nhu cầu địa ph- ơng. Một mặt ng- ời cán bộ khuyến nông phải quan tâm đến mục tiêu quốc gia, nh- ng mặt khác cũng phải làm việc với nông dân để cho ch- ơng trình trở thành của dân, phản ánh đúng nhu cầu của họ và những gì họ mong muốn xảy ra tại địa ph- ơng.

Sự tham gia của ng- ời dân trong khi lập kế hoạch là một phần rất quan trọng trong tiến trình giáo dục của khuyến nông. Bởi vì, nó giúp phân tích một cách sát thực hơn tình hình tại chỗ, đồng thời tạo ra động cơ và lòng tin của dân trong việc sử dụng những tiềm năng có sẵn để giải quyết các vấn đề ở địa ph- ơng.

3. Các bước trong lập kế hoạch chương trình khuyến nông

Quá trình lập kế hoạch các chương trình khuyến nông bao gồm 5 bước cơ bản là :

- Phân tích tình hình hiện tại
- Xác định mục tiêu cho chương trình
- Xác định các hoạt động và kế hoạch cần làm
- Thực hiện các công việc theo kế hoạch
- Đánh giá chương trình

3.1. Phân tích tình hình

Giai đoạn phân tích tình hình bao gồm các hoạt động sau

- Thu thập thông tin
- Phân tích thông tin
- Xác định các vấn đề và các tiềm năng

Để làm tốt bước này khuyến nông có thể sử dụng bộ công cụ PRA (đánh giá nông thôn có sự tham gia)

3.2. Xác định những mục tiêu

Sau khi phân tích tình hình để có thể làm được những thay đổi gì ở địa phương bằng các chương trình khuyến nông thì giải pháp, mục tiêu đưa ra phải rõ ràng và thực tế. Muốn vậy nên tiến hành theo các bước sau:

- Xác định mục tiêu: Nếu có thể các mục tiêu nên đưa ra thể hiện bằng các con số cụ thể chứ không thể chỉ là những mục tiêu chung chung. Mục tiêu là cái đích cụ thể để khuyến nông và nông dân phấn đấu. Nó cũng là một tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá tính hiệu quả của các chương trình.

- Tìm kiếm lựa chọn các giải pháp: Cần phân biệt hai loại giải pháp khác nhau đó là giải pháp về mặt kỹ thuật và giải pháp đòi hỏi phải có sự thay đổi về mặt cơ chế.

- Cần lưu ý bất kỳ giải pháp nào đưa ra lựa chọn đều cần thỏa mãn những nhu cầu sau

- + Được nông dân trong vùng chấp nhận

- + Đảm bảo tính đúng đắn về mặt kỹ thuật, tức là đưa ra kiểm nghiệm bằng kinh nghiệm hay nghiên cứu.

- + Phù hợp với chính sách quốc gia và các hoạt động khác tại địa phương.

- + Có thể thực hiện được trong khuôn khổ thời gian và nguồn lực của nông dân cũng như cơ quan khuyến nông.

- + Nằm trong phạm vi trách nhiệm và năng lực của cán bộ khuyến nông

3.3. Xác định các hoạt động

Các mục tiêu sẽ là các căn cứ cụ thể giúp cho cán bộ khuyến nông xác định đưa ra những hoạt động khuyến nông cần phải thực hiện để hướng tới mục tiêu. Đó cũng là cơ sở để khuyến

nông xác định xem nông dân sẽ phải cần đến những kiến thức, những kỹ năng gì, phải sử dụng những ph- ơng pháp khuyến nông nào, phải có những nguồn lực hoặc những hỗ trợ gì của cơ quan khuyến nông hoặc từ những cơ quan khác... Tất cả những vấn đề đó phải đ- ợc tập hợp thành một bản kế hoạch hoàn chỉnh.

3.4. Thực hiện ch- ơng trình

Thực hiện ch- ơng trình tức là tiến hành các hoạt động theo nh- kế hoạch đã đề ra. Tuy nhiên, ngay trong quá trình thực hiện cần luôn theo dõi để đánh giá đúng những tiến bộ đạt đ- ợc và những vấn đề phát sinh, nhằm có những thay đổi thích hợp. Ví dụ nh- thời gian thực hiện một số hoạt động có thể bị thay đổi do thời tiết hoặc do ch- a đủ nguồn lực...

Tóm lại ch- ơng trình khuyến nông phải linh hoạt để cho phép cán bộ khuyến nông có những thay đổi phù hợp với tình hình thực tế.

Ví dụ về xây dựng một hoạt động khuyến nông

Khó khăn: Nhân dân địa ph- ơng hiện đang thiếu l- ơng thực

Tiềm năng: Một số hộ nông dân đã tăng đ- ợc sản l- ợng ngô lên đến 30 - 40% do trồng giống mới và sử dụng phân chuồng bón lót cho ngô. Nhiều gia đình có phân chuồng nh- ng không sử dụng.

Các giải pháp đề xuất:

Giải pháp 1: Tăng diện tích trồng ngô và áp dụng những biện pháp kỹ thuật làm giảm chi phí lao động.

- Khả năng thực thi của giải pháp: không thực hiện đ- ợc vì thiếu đất. Muốn tăng diện tích trồng ngô phải phá thêm rừng.

Giải pháp 2: Khuyến khích nhiều gia đình khá giả trồng thêm nhiều l- ơng thực.

- Không chấp nhận đ- ợc vì những gia đình nghèo không có tiền mua l- ơng thực.

Giải pháp 3: Tạo điều kiện cho nông dân tăng năng suất và sản l- ợng l- ơng thực

- Có thể thực hiện đ- ợc bằng cách sử dụng những giống mới có năng suất cao và bón phân chuồng.

Lựa chọn giải pháp: Sau khi phân tích chọn giải pháp 3

Mục tiêu: Tăng 30% sản l- ợng ngô trên 20% diện tích canh tác ngô hiện có trong năm đầu tiên.

- Mục tiêu tr- ớc mắt: 50% số hộ nông dân sẽ nắm đ- ợc những lợi ích của việc sử dụng phân chuồng. 50% số hộ nông dân sẽ nắm đ- ợc lợi ích của việc sử dụng giống ngô mới. 20% số hộ nông dân sẽ đ- ợc h- ớng dẫn trồng giống ngô mới và sử dụng phân chuồng trong năm đầu tiên.

Kế hoạch công tác:

1. Thiết lập ô trình diễn trồng giống ngô mới cho 10 hộ nông dân.
2. Tổ chức họp tại 10 bản để chiếu phim giới thiệu lợi ích củ việc trồng giống ngô mới và sử dụng phân chuồng.
3. Tổ chức trình diễn ph- ơng pháp bón phân và kỹ thuật trồng giống ngô mới vào thời gian thích hợp.
4. Tổ chức cho nông dân đến thăm các hộ trồng giống ngô mới.
5. Tổ chức trình diễn kết quả trồng giống ngô mới có bón phân chuồng tại một số ô mẫu, có lựa chọn để khuyến khích những hộ nông dân khác trồng giống ngô mới và áp dụng bón phân chuồng trong năm tới.

Những hỗ trợ cần thiết:

1. Chuyên gia trồng ngô tới nói chuyện trong các cuộc họp thôn bản và tham dự các cuộc trình diễn để trả lời những thắc mắc của nhân dân.
2. Cần có đủ giống trong kho của trạm khuyến nông vào thời gian tr- ớc vụ trồng ngô.
3. Chiếu phim VIDEO giới thiệu về giống ngô mới và kỹ thuật bón phân để chiếu cho bà con xem khi tổ chức các cuộc họp thôn bản.
4. Cung cấp tờ rơi h- ớng dẫn kỹ thuật trồng giống ngô mới và kỹ thuật bón phân cho ng- ời dân.

5. Đánh giá

Đánh giá một ch- ơng trình khuyến nông nhằm giúp cho cán bộ khuyến nông xác định đ- ợc các mục tiêu đề ra có đạt đ- ợc hay không, và những lý do gây ra các trục trặc trong khi thực hiện ch- ơng trình. Kết quả của việc đánh giá và phân tích cập nhật tình hình sẽ tạo cơ sở cho khuyến nông xây dựng đ- ợc những ch- ơng trình tốt hơn cho thời gian sau.

Một trong những ph- ơng pháp đánh giá là tìm câu trả lời thích hợp cho những câu hỏi sau: Điều gì đã xảy ra (cả điều tốt và xấu)? Tại sao lại xảy ra những điều đó? Có thể làm những gì để thực hiện các ch- ơng trình trong t- ơng lai tốt hơn?

II. Ph- ơng pháp xác định nhu cầu có sự tham gia của ng- ời dân

1. Khái niệm sự tham gia

Là hoạt động sử dụng ph- ơng pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia của nông dân, nhằm xác định các nhu cầu, thuận lợi, khó khăn trong sản xuất và đời sống.

- Là sự hợp tác của ng- ời dân trong các ch- ơng trình khuyến nông
- Cung cấp những thông tin cần thiết cho việc xác định nhu cầu của ng- ời dân.
- Quyết định các mục tiêu, nội dung ch- ơng trình hoạt động khuyến nông.
- Tổ chức triển khai các hoạt động khuyến nông.

2. Mục đích của việc ng- ời dân tham gia

- Họ có hiểu biết sâu sắc về thôn bản họ, điều kiện sinh sống và hoàn cảnh của ng- ời dân.

- Họ sẽ có động cơ để cộng tác với ch-ơng trình khuyến nông hơn nếu họ đ-ợc chia sẻ trách nhiệm.

- Họ có thể tự đ- ra các quyết định phù hợp.

- Thực hiện quyền dân chủ “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”

- Xác định đúng các nhu cầu của chính họ.

- Xếp thứ tự - u tiên về các nhu cầu trên.

- Giúp cho họ có những hành động cần thiết trên cơ sở tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có của chính họ.

3. Những yêu cầu khi tiến hành xác định nhu cầu

- Tôn trọng các thành viên của cộng đồng.

- Quan tâm đến những gì họ biết, nói, chỉ ra và họ làm.

- Kiên nhẫn chứ không vội vàng.

- Lắng nghe chứ không dạy họ.

- Kiên tốn.

- Sử dụng nhiều ph-ơng pháp để các thành viên cộng đồng có thể diễn đạt, chia sẻ, nâng cao kiến thức của họ..

4. Đặc điểm của xác định nhu cầu có sự tham gia

- Sử dụng nhóm nghiên cứu nhiều chuyên ngành (kinh tế, trồng trọt, chăn nuôi...) bao gồm cả nam, nữ, ng-ời trong và ngoài cộng đồng.

- Sử dụng nhiều nguồn thông tin.

- Phối hợp nhiều kỹ thuật và công cụ.

- Sự bỏ qua tối - u và tính không chính xác nh- ng phù hợp.

- Phân tích tại chỗ.

5. Các nguy hiểm và thiếu sót có thể xảy ra

- Khó tìm đ-ợc đúng nhóm công tác.

- Tiến hành nhanh dễ dẫn đến hời hợt, đại khái.

- Chỉ mong muốn số liệu thống kê và định l-ợng.

- Chỉ thấy từng phần của vấn đề và không có đ-ợc một bức tranh đầy đủ.

- Thiếu sự quan hệ tốt (hiểu biết, thông cảm) với cộng đồng.

- Thất bại trong việc lắng nghe ng-ời dân, thiếu khiêm tốn và tôn trọng dân.

- Giảng dạy, thay vì lắng nghe và học tập ng-ời dân.

- Tăng hy vọng (hứa hẹn) cho cộng đồng nơi thực hiện PRA.

- Nhóm chỉ toàn nam giới mà không chú ý tới phụ nữ.

6. Một số kỹ năng cần có trong quá trình xác định nhu cầu có sự tham gia

6.1. Kỹ năng trong giao tiếp

- Phải cởi mở chân thành, lắng nghe ý kiến ng-ời dân, quan tâm đến những gì mà ng-ời dân đang quan tâm, nói chậm, rõ ràng và dễ hiểu.
- Phải cố gắng nghe hết ý kiến ng-ời dân, tuyệt đối không nên ngắt lời họ, nếu ch- a rõ có thể đ- a ra câu gợi ý để họ trả lời, vừa lắng nghe vừa ghi chép, th- ờng xuyên có cử chỉ bày tỏ sự đồng tình với ý kiến của họ và có lời khen khi cần thiết.
- Cách nêu vấn đề và đặt câu hỏi mở, dễ hiểu, hỏi với thái độ nhẹ nhàng, khiêm tốn, tuân tự từng câu hỏi một, tạo cho ng-ời nghe có điều kiện trả lời và tham gia một cách chủ động, vừa trả lời vừa thảo luận với chúng ta, tránh tình trạng nêu ra câu hỏi liên tục bắt buộc ng-ời dân trả lời
- Cần chủ động mời những ng-ời ít nói, rụt rè để họ bày tỏ ý kiến quan điểm của họ, tránh tình trạng một vài ng-ời nói hết phần ng-ời khác.
- Cần tạo ra sự chú ý của ng-ời nghe, vì chú ý là khởi nguồn của việc quan tâm.
- Khuyến khích sự quan tâm của ng-ời nghe.
- Thuyết phục ng-ời nông dân từ nghe, hiểu đến có hành động cụ thể và làm cho họ tin chắc rằng họ sẽ đ- ợc thoả mãn từ các hành động của họ.
- Cần chú ý đến đặc điểm của dân tộc, tôn giáo, tín ng- ỡng, phong tục tập quán, trình độ văn hoá, tuổi, giới tính để có cách giao tiếp cho phù hợp.
- Cần tránh lối giao tiếp áp đặt, một chiều.
- Các câu hỏi nên là các câu hỏi gợi mở, hoặc các tình huống giả thiết gắn liền với điều kiện hoàn cảnh của địa ph- ơng.

6.2. Kỹ năng trong quá trình thu thập thông tin

*** Các nguồn thông có thể thu thập**

- Các thông tin thứ cấp: nguồn này th- ờng có sẵn ở các phòng ban của huyện nh- tình hình tự nhiên, kinh tế xã hội, tình hình sản xuất, văn hoá, giáo dục, sức khoẻ, dân số... Các số liệu này rất cần cho công tác PRA tr- ớc khi đi xuống cơ sở.
- Các nghiên cứu, ch- ơng trình dự án đã làm tr- ớc đây: khi tiến hành thu thập thông tin nên tìm hiểu trên địa bàn đã có các ch- ơng trình dự án, nghiên cứu nào đã làm tr- ớc đây ch- a, số liệu công bố hay báo cáo của chúng ra sao...chúng ta có thể tận dụng đ- ợc gì, tránh điều gì để tiết kiệm thời gian, sức lao động và kinh phí.
- Các nghiên cứu viên và cán bộ cơ sở: cần dựa vào những ng-ời này để khai thác thông tin vì họ là ng-ời gắn bó trực tiếp với cơ sở, hiểu biết khá rõ điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội ở địa ph- ơng.
- Quan sát bằng mắt: bằng chính mắt mình chúng ta có thể thu thập đ- ợc các thông tin trực giác nh- độ dốc, thảm thực vật, nguồn n- ớc, phân bố dân c- , tình hình sản xuất...

- Đo đạc trực tiếp: Dùng ph-ơng pháp đo đạc trực tiếp khi cần có các thông tin một cách chính xác, chúng ta có thể dùng các dụng cụ nh- cân, đo, đếm... Thông th-ờng dùng cách này khi cần có các số liệu về diện tích, năng suất, sản l-ợng, số đầu gia súc...

- Hiện trạng canh tác và hiệu quả kinh tế của các hệ thống canh tác hiện có.
- Kiến thức và sự hiểu biết của ng-ời nông dân.
- Phỏng vấn nông dân và cán bộ địa ph-ơng.
- Các thí nghiệm trên đồng ruộng của nông dân.

*** Các ph-ơng pháp có thể thu thập**

- Thu thập thông tin không dùng phiếu
 - + Sử dụng kết quả của các thí nghiệm tr-ớc
 - + Sử dụng các dữ liệu thứ cấp
 - + Tìm hiểu quan sát trực tiếp
 - + Đo đạc trực tiếp
- Thu thập thông tin có dùng phiếu điều tra
 - + Phỏng vấn những ng-ời am hiểu nhất về lĩnh vực cần quan tâm
 - + Phỏng vấn bán chính thức nông dân
 - + Phỏng vấn chính thức nông dân
 - + Phỏng vấn nhóm nông dân

*** Kiểm tra thông tin**

Các thông tin sau khi thu thập đ-ợc từ nhiều nguồn cần phải kiểm tra lại các thông tin tr-ớc khi sử dụng. Để kiểm tra các thông tin này chúng ta có thể:

- + Thảo luận các thông tin nghi vấn tại các cuộc họp nhóm để lấy ý kiến thống nhất
- + Đi kiểm tra ngoài thực địa
- + Đối chiếu với bản đồ và các t- liệu sẵn có.
- + Hỏi các chuyên gia hoặc ng-ời am hiểu sự việc
- + Có thể cân đong đo đếm để kiểm tra.
- + Loại bỏ các thông tin trùng lặp, không chính xác.

6.3. Kỹ năng tổ chức cuộc họp nhóm.

Để tổ chức một cuộc họp nhóm có kết quả cần tuân thủ theo 1 số nguyên tắc sau:

- Địa điểm, thời gian, chủ đề cuộc họp phải rõ ràng và phải thông báo tr-ớc cho mọi ng-ời biết
- Nội dung cuộc họp và những vấn đề thảo luận cần đ-ợc chuẩn bị tr-ớc để có sự chủ động về thời gian và trình tự, tránh tản mạn, lạc đề.
- Phân công ng-ời điều khiển cuộc họp, ng-ời th- ký
- Vấn đề nêu ra cần ngắn gọn, dễ hiểu, tránh trù t-ợng

- Nhóm không nên quá lớn từ 15 – 20 ng-ời, thời gian họp từ 1,5 – 2 giờ là vừa.
- Khuyến khích mọi ng-ời trong nhóm tham gia phát biểu ý kiến, tránh để một số ít ng-ời phát biểu quá nhiều.
- Cần phải khéo léo dung hoà các ý kiến đối lập trong cuộc họp
- Sử dụng các công cụ hỗ trợ để cho cuộc họp thêm sinh động và dễ hiểu nh- tranh ảnh, sa bàn, bản đồ...
- Tr-ớc khi chuyển sang vấn đề mới cần tóm tắt nhắc lại những vấn đề đã bàn bạc thống nhất
- Phải chú đặc biệt trong cuộc họp có nhiều ng-ời ở các độ tuổi khác nhau, các giới tính và ngành nghề khác nhau để làm sao mọi ng-ời cảm thông vui vẻ thoải mái
- Cần biết kết thúc cuộc họp đúng giờ.

7. Một số công cụ có thể sử dụng để xác định nhu cầu của ng-ời dân (PRA)

7.1. Phỏng vấn bán chính thức

- Đây là một trong những công cụ chủ yếu của PRA. Có thể tiến hành với nhiều hình thức khác nhau, tùy thuộc vào mục đích và khả năng tập hợp ng-ời đ-ợc phỏng vấn.
- + Có thể tiến hành một cách ngẫu nhiên (không chính thức) bằng cách trò chuyện với nhóm ng-ời tình cờ gặp trong lúc đi quan sát ngoài thực tế
- + Phỏng vấn nhóm chính thức có chuẩn bị tr-ớc
- Các câu hỏi trong khi phỏng vấn th-ờng là chỉ một số chuẩn bị tr-ớc, còn những câu hỏi mới hoặc h-ớng đặt câu hỏi xuất hiện trong khi phỏng vấn kế tiếp những câu trả lời của những ng-ời đ-ợc phỏng vấn.

- Địa điểm phỏng vấn có thể ở trong gia đình hoặc ngoài cánh đồng
- Không nên chỉ phỏng vấn nam giới mà nên phỏng vấn cả nữ giới.

*** Một số b-ớc tiến hành khi phỏng vấn**

- Nhóm phỏng vấn từ 2 – 4 ng-ời có chuyên môn khác nhau.
- Chọn một ng-ời làm nhóm tr-ởng để chủ trì
- Mở đầu phỏng vấn bằng lời chào hỏi và tuyên bố lý do (mục đích) cuộc phỏng vấn
- Phỏng vấn một cách thoải mái, xen kẽ với thảo luận và nhận xét trong khi đặt câu hỏi
- Để cho tất cả các thành viên trong nhóm thực hiện hết nội dung phỏng vấn
- Toàn nhóm ghi chép
- H-ớng vào những câu hỏi quan trọng
- Phỏng vấn nhóm không nên kéo dài quá 2 tiếng
- Phỏng vấn cá nhân không nên quá 1 tiếng
- Dùng các câu hỏi mở: ví dụ điều gì làm cho anh thích giống ngô này?
- Các câu hỏi định h-ớng: ví dụ bao nhiêu công lao động / sào?

- Câu hỏi chỉ đạo: ví dụ giống lúa này trồng ở đây năng suất cao lắm phải không?

*** Một số điều nên tránh trong khi phỏng vấn**

- Không chăm chú nghe
- Lặp lại câu hỏi
- Đặt câu hỏi không rõ ràng
- Ngắt lời hoặc trả lời thay họ
- Đặt câu hỏi chỉ đạo
- Thời gian phỏng vấn quá lâu
- Phản ứng tr- ớc những lời bình luận, tỏ vẻ sốt ruột, không bằng lòng với những ý kiến

khác với ý kiến của mình

7.2. Vẽ sơ đồ thôn bản

*** Mục đích**

- Nhằm đánh giá, phân tích tình hình chung của thôn bản, đặc biệt là hiện trạng sử dụng đất đai, vật nuôi, cây trồng... để đ- a ra đ- ợc những khó khăn từ đó làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp phù hợp cho từng lĩnh vực trong t- ơng lai

*** Các b- ớc thực hiện**

- **B- ớc 1:** Thành lập nhóm nông dân cả nam và nữ từ 5 – 7 ng- ời
- **B- ớc 2:** Địa điểm chọn một nơi cao trong thôn để dễ đi lại và quan sát toàn thôn
- **B- ớc 3:** Cán bộ PRA giải thích rõ mục đích, ý nghĩa và đề nghị nông dân tiến hành các công việc. Bao gồm
 - Đề nghị nông dân phác hoạ sơ đồ lên mặt đất các chi tiết nh- ranh giới thôn, đ- ờng giao thông, sông suối, khu nhà ở, hệ thống thuỷ lợi....
 - Cán bộ PRA tạo điều kiện thúc đẩy ng- ời dân trao đổi, thảo luận...
- **B- ớc 4:** Chuyển sơ đồ thôn bản đã đ- ợc phác hoạ lên giấy khổ lớn (A₀). Tiến hành thảo luận những khó khăn, cơ hội và giải pháp chung cho cả thôn

7.3. Điều tra theo tuyến và xây dựng sơ đồ mặt cắt

*** Mục đích**

- Điều tra theo tuyến để đánh giá tiềm năng sử dụng tài nguyên thiên nhiên của thôn
- Xây dựng các tuyến đi lát cắt sẽ cung cấp hình ảnh sâu sắc về tiềm năng đất đai, cây trồng, vật nuôi... từ đó làm cơ sở để xác định nhu cầu và lập kế hoạch phát triển thôn

*** Các b- ớc thực hiện**

- **B- ớc 1:** Thảo luận trên sa bàn hoặc trên bản đồ, sơ đồ để xác định các h- ớng đi lát cắt, chuẩn bị các dụng cụ địa bàn, sơ đồ, bản đồ các dụng cụ quan sát đo đếm, giấy bút...,

Thành lập các nhóm đi lát cắt, mỗi tuyến từ 5 - 7 ng-ời, cả nam và nữ, các cán bộ PRA có chuyên môn khác nhau từ 3- 4 ng-ời nh- nông nghiệp, lâm nghiệp...

- **B-ớc 2:** Tiến hành đi lát cắt từ vùng thấp đến vùng cao, đến mỗi vùng đặc tr-ng cho cả khu vực thì dừng lại thảo luận. Cán bộ PRA phác hoạ nhanh địa hình và đặc điểm của vùng đó tạo, điều kiện nông dân thảo luận hoặc tiến hành phỏng vấn. Sau đó vẽ sơ đồ mặt cắt của thôn

7.4. Công cụ phân loại, xếp hạng và cho điểm

* Mục đích

Phân loại, xếp hạng và cho điểm có nghĩa là sắp xếp việc gì đó theo một trật tự, một lô gích thông th-ờng. Công cụ này th-ờng đ-ợc áp dụng cùng với các công cụ khác nh- phỏng vấn có chuẩn bị một nửa để tạo ra các thông tin cơ bản chính xác hơn.

- Xây dựng và xếp thứ tự - u tiên các hoạt động
- Đánh giá sở thích của nông dân

* Các b-ớc tiến hành

- Triệu tập nông dân đến địa điểm
- Chào hỏi, giới thiệu, làm quen
- Nêu rõ mục đích cuộc gặp
- Thảo luận với dân về các đối t-ợng cần phân loại
- H-ớng dẫn nông dân cách đánh giá
- Tạo điều kiện cho dân đánh giá và thảo luận
- H-ớng dẫn nông dân phân tích những khó khăn và giải pháp
- Sao kết quả lên giấy khổ to và tổng hợp ý kiến thảo luận
- Chuyển sang đánh giá đối t-ợng khác hoặc kết thúc buổi đánh giá

* Các loại phân loại, xếp hạng

- **Xếp hạng - u tiên:** cho phép PRA xác định nhanh các vấn đề chủ yếu hoặc các - u tiên của dân làng và có thể dễ dàng so sánh các - u tiên của mỗi cá nhân khác nhau. Bỏ phiếu cũng đ-ợc coi là một cách xếp hạng - u tiên. Trình tự nh- sau:

+ Chọn một số vấn đề cần phải sắp xếp lại theo thứ tự - u tiên ví dụ nh- các loại cây trồng, vật nuôi, ... chọn 5 – 7 ng-ời hiểu biết và sẵn sàng thảo luận với chúng ta.

+ Hỏi dân về quan điểm - u tiên của họ về các vấn đề nêu trên: ví dụ nh- khó khăn nhất là khó khăn mà trong đó nếu giải quyết đ-ợc nó sẽ góp phần giải quyết các khó khăn khác, hoặc khó khăn mà việc giải quyết nó ngoài khả năng thông th-ờng của nhân dân và chính quyền địa ph-ơng, cần có sự giúp đỡ từ bên ngoài.

+ Cùng với những ng-ời cung cấp thông tin quyết định xem các chỉ tiêu nào sẽ dùng để xếp hạng hoặc cho điểm.

+ Bắt đầu hỏi ý kiến từng ng-ời về ý kiến của họ. Nền đặt các loại câu hỏi nh- loại nào tốt nhất, loại nào thứ 2... loại nào kém nhất.

+ Tổng hợp tất cả các kết quả đó lên một bảng để so sánh

- *Xếp hạng theo cặp đôi*: Lấy hai vấn đề so sánh với nhau rồi xếp theo thứ tự - u tiên

- *Xếp hạng theo ph-ơng pháp cho điểm từng vấn đề*: nh- kiểu xếp - u tiên nh-ng có thể dùng các viên sỏi, hạt ngô, hạt đỗ... để biểu thị giúp cho ng-ời không biết chữ cũng có thể phân loại xếp hạng đ-ợc. Quy định cho điểm cao nhất có thể là 10, 20 hoặc 100 điểm rồi theo đó mà cho điểm thấp dần. Cách làm nh- sau:

- Sử dụng một bảng gồm các ô vung nh- kiểu bàn cờ. Hàng trên cùng để liệt kê các đối t-ợng để phân loại đánh giá cho điểm

- Các ô vuông bên trái hàng dọc của bảng để liệt kê các tiêu chuẩn phân loại

- Các ô nằm giao giữa các ô liệt kê đối t-ợng và tiêu chuẩn dùng để ghi điểm

- Các ô ở hàng ngang cuối cùng dùng để đánh giá lựa chọn các chỉ tiêu khác

Ví dụ: Tiến hành Phân loại xếp hạng và cho điểm cây ăn quả của thôn Quyết Tiến - xã Định Quả - huyện Thanh Sơn - tỉnh Phú Thọ nh- sau

- *Đề nghị nông dân liệt kê các loài cây ăn quả chủ yếu hiện có trong thôn*

- *Thảo luận nhanh với nông dân về tiêu chuẩn đánh giá dựa vào nhận thức của họ*

- *Viết từng tiêu chuẩn đánh giá vào các ô hàng dọc bên trái*

- *Giải thích cho dân cách cho điểm: so sánh giữa các cây với nhau họ thảo luận và cân nhắc để cho điểm nh- tốt nhất là 10 điểm, kém nhất là 0 điểm*

- *Cán bộ h-ớng dẫn sẽ phỏng vấn sử dụng câu hỏi vì sao, nông dân trả lời cán bộ ghi chép lại*

- *H-ớng dẫn nông dân một tr-ờng hợp giả định nh- nếu bác chỉ đ-ợc trồng 100 cây thì bác chọn những cây nào và số l-ợng mỗi loại là bao nhiêu cây.*

Kết quả đánh giá đ-ợc tổng hợp nh- sau

Bảng 16: Kết quả cho điểm các cây trồng ăn quả ở thôn Quyết Tiến

Chỉ tiêu	Loài cây							
	Vải	Nhãn	Chanh	Cam	Quýt	B- ưởi	Hồng	Na
Giá trị kinh tế cao	9	10	5	8	8	5	9	7
Dễ trồng	10	10	10	7	7	10	6	7
Giống sẵn có	2	5	10	5	3	8	2	4
ít sâu bệnh	10	10	5	6	7	9	10	10
Vốn đầu t- ít	3	3	10	5	5	8	5	8
Dễ tiêu thụ	10	10	5	8	8	6	8	7

Xuất khẩu tốt	8	10	0	0	0	0	0	0
Giả sử đ-ợc trồng 100 cây	30	30	10	10	10	0	0	10
Thuận lợi	Đất đai nhiều, v-òn rộng, nhiều lao động, t-ới tiêu tốt							
Khó khăn	Những hộ nghèo thiếu vốn và cây giống tốt. Sâu bệnh nhiều (sâu đục thân), thiếu hiểu biết về sâu bệnh và cách phòng trừ							
H-ớng giải quyết	Quy hoạch lại v-òn, trồng các cây có giá trị kinh tế cao: vải thiều, nhãn lồng H-ng Yên, cam đ-ờng...							
Thuận lợi khác	Trong thôn đã có một số giống cây nh- b-ởi, cam, nhãn, chanh. Trong xã có một số mô hình v-òn tốt							

III. Xây dựng dự án khuyến nông

Thông th-ờng khi viết một ch-ơng trình hay dự án khuyến nông cần tiến hành theo các phần sau:

1. Khái quát chung

- Tên dự án: Yêu cầu ngắn gọn, cô đọng, xúc tích thể hiện đ-ợc nội dung cơ bản, thậm chí cả địa điểm thực hiện dự án.

- Cấp quản lý: Ghi rõ ngành, cơ quan quản lý xét duyệt dự án.

- Cơ quan chủ quản: là cơ quan có trách nhiệm quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án.

- Cơ quan chủ trì: Là cơ quan có nhiệm vụ chính xây dựng dự án, thực hiện dự án, báo cáo kết quả thực hiện dự án.

- Cơ quan chuyển giao: Là cơ quan nghiên cứu khoa học có đủ năng lực do cơ quan chủ trì tuyển lựa ký hợp đồng chuyển giao kỹ thuật, công nghệ. Cơ quan chuyển giao th-ờng đ-ợc cơ quan chủ trì mời phối kết hợp từ khi xây dựng dự án.

- Cơ quan phối hợp: Là cơ quan có năng lực, có nhiều điều kiện thuận lợi phối hợp tham gia thực hiện các phần của dự án. Th-ờng các cơ quan này ở trong cùng địa ph-ơng tỉnh hoặc huyện.

- Thời gian thực hiện: Thông th-ờng dự án cấp bộ là 2 năm, cấp bộ trọng điểm có thể là 3 năm, 5 năm... Các Ch-ơng trình khuyến nông nhỏ th-ờng là 1 năm.

- Tổng kinh phí: Kinh phí thực hiện dự án cần ghi rõ: Tổng kinh phí, trong đó kinh phí đề nghị cơ quan quản lý cấp, kinh phí của địa ph-ơng có, kinh phí do dân đối ứng

2. Thuyết minh dự án

- Những căn cứ lựa chọn nội dung và địa điểm thực hiện dự án. Nội dung này cần đề cập đầy đủ các thông tin liên quan đến cơ sở khoa học và thực tiễn, tính cần thiết thực hiện dự án

nh- : Các văn bản chủ tr-ong của Đảng, Nhà n-ớc, tỉnh, huyện... liên quan đến dự án; các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hoá, phong tục tập quán... của địa ph- ơng thực hiện dự án.

- Mục tiêu của dự án: Cần nêu rõ, ngắn gọn, xúc tích mục tiêu của dự án. Có thể có mục tiêu dài hạn và ngắn hạn

- Nội dung của dự án: Nêu cụ thể các nội dung của dự án cần thực hiện. Nội dung của dự án nhằm đáp ứng mục tiêu của dự án.

- Những giải pháp thực hiện: Nêu rõ giải pháp về tổ chức thực hiện; giải pháp kỹ thuật; giải pháp lao động; giải pháp khoa học công nghệ; giải pháp vốn; giải pháp vật t- ...

- Tiến độ thực hiện: Nội dung này nêu rõ kế hoạch thực hiện, ai thực hiện, kết quả thực hiện theo từng mốc thời gian.

- Kinh phí: Ghi rõ kinh phí thực hiện cho các nội dung của dự án

- Dự kiến kết quả sẽ đạt đ- ợc cho từng nội dung dự án.

3. Kết luận và đề nghị

- Nêu rõ tính khả thi thực hiện dự án

- ý kiến đề nghị cơ quan quản lý xem xét duyệt chấp nhận dự án

4. Các phụ lục

Phần này chủ yếu là giải trình việc sử dụng kinh phí dự án. Nội dung này cần liệt kê chi tiết sử dụng kinh phí cho mọi hạng mục chi nh- : Kinh phí điều tra xây dựng dự án; kinh phí quản lý dự án; kinh phí xét duyệt và nghiệm thu dự án; kinh phí triển khai dự án; kinh phí tập huấn đào tạo nông dân; kinh phí thuê khoán chuyên môn; kinh phí mua tài sản vật t- ... mọi khoản kinh phí đều phải có số l- ợng, tiêu chuẩn, đơn giá cụ thể.

Ch- ơng 6

Ph- ơng pháp kiểm tra đánh giá có sự tham gia của ng- ời dân

I. Nội dung kiểm tra giám sát có sự tham gia

1. Khái niệm về kiểm tra giám sát

Kiểm tra và giám sát các hoạt động khuyến nông là định kỳ hoặc đột xuất, xem xét tiến trình thực hiện, phát hiện kịp thời các thiếu sót, giúp cho các hoạt động đó đ- ợc thực hiện theo đúng mục tiêu và kế hoạch đã đề ra.

Kiểm tra, giám sát là chức năng của cán bộ khuyến nông ở các cấp, do cấp độ có khác nhau nên chức năng của cán bộ khuyến nông trong việc kiểm tra giám sát cũng đ- ợc đặt ra với mức độ, quy mô khác nhau. Mỗi cấp cán bộ khuyến nông đều phải có trách nhiệm với việc thực thi kế hoạch các hoạt động khuyến nông do mình phụ trách.

Kiểm tra và giám sát là hai quá trình có quan hệ mật thiết với nhau, kiểm tra để biết đ- ợc tiến độ, mặt mạnh, mặt yếu của các hoạt động khuyến nông. Còn giám sát để biết đ- ợc diễn biến, chiều h- ớng hoạt động của các hoạt động và tìm ra biện pháp điều chỉnh.

Quá trình theo dõi giúp nhận ra đ- ợc sự thành công hay thất bại thực tế hay tiềm tàng càng sớm, càng tốt và tạo điều kiện điều chỉnh kịp thời đối với các hoạt động. Do vậy, kiểm tra giám sát có thể coi là hoạt động gắn liền nhằm thúc đẩy các hoạt động khuyến nông theo h- ớng phát triển.

2. Mục đích của kiểm tra, giám sát

Kiểm tra, giám sát là một trong những nhiệm vụ cơ bản của quản lý các hoạt động khuyến nông, mỗi hoạt động đều nhằm đạt đ- ợc các mục đích cụ thể. Trong quá trình triển khai các hoạt động khuyến nông do tác động của nhiều nguyên nhân, có thể từ bên ngoài hoặc bên trong làm cho các hoạt động khuyến nông tiến hành đúng hoặc không đúng kế hoạch ban đầu. Do đó, cán bộ khuyến nông phải kiểm tra giám sát đ- ợc các hoạt động này, từ đó có h- ớng điều chỉnh nhằm thúc đẩy các hoạt động theo đúng kế hoạch, phù hợp với thực tế và đạt đ- ợc hiệu quả cao. Việc kiểm tra, giám sát hoạt động khuyến nông phải đạt đ- ợc các mục đích sau:

- Xem xét mức độ thực hiện kế hoạch của các hoạt động đã đề ra có đúng kế hoạch hay không? Nguyên nhân chủ quan, khách quan?
- Phát hiện các vấn đề không phù hợp, mặt mạnh, mặt yếu trong các hoạt động khuyến nông, những vấn đề phát sinh... để có biện pháp điều chỉnh bổ sung nhằm thúc đẩy hoạt động đúng tiến độ, phù hợp với thực tế và có kết quả.
- Giúp cho các tổ chức, cá nhân luôn bám sát mục tiêu, nội dung, tiến độ hoạt động của dự án hay ch- ơng trình khuyến nông nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động.
- Giúp cho cán bộ khuyến nông và nông dân tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động khuyến nông nâng cao kiến thức về lĩnh vực này, dựa trên cơ sở rút kinh nghiệm qua các lần kiểm tra

tr-ớc, từ đó củng cố nhiều hơn cho việc thúc đẩy các hoạt động khuyến nông một cách có hiệu quả trong hiện tại và t-ơng lai.

- Thông qua tổng kết rút kinh nghiệm về kiểm tra, giám sát các hoạt động khuyến nông có thể đề xuất, hoàn thiện biện pháp kiểm tra giám sát phù hợp với từng loại hoạt động riêng lẻ cũng nh- các hoạt động tổng thể.

- Thu thập đầy đủ các thông tin, số liệu cần thiết để phục vụ cho các báo cáo về sau

3. Lợi ích của kiểm tra, giám sát có sự tham gia

Trong quá trình kiểm tra, giám sát không những chỉ có cán bộ dự án hay ch-ơng trình, hoặc Ban quản lý mà còn có sự tham gia của ng-ời dân địa ph-ơng, những ng-ời đ-ợc h-ởng lợi từ các ch-ơng trình, dự án. Việc tham gia của ng-ời dân trong kiểm tra giám sát có những lợi ích sau:

- Cho phép các nhóm liên ngành, nhà nghiên cứu khuyến nông, các nhà lập kế hoạch chính sách, cán bộ lãnh đạo các cấp... có thể làm việc trong môi tr-ờng nhạy cảm trực tiếp với nông dân và cộng đồng địa ph-ơng tại hiện tr-ờng, đồng ruộng... mỗi thành viên của nhóm sẽ sử dụng các chuyên môn khác nhau của họ để phát triển các ph-ơng h-ớng hành động trong các cuộc kiểm tra giám sát với ng-ời dân địa ph-ơng.

- Ng-ời dân có thể cung cấp tổng hợp nhiều thông tin bổ ích mà trong các báo cáo còn thiếu, hoặc làm rõ thêm các nội dung trong các báo cáo định kỳ quý, hay hàng năm

- Họ có thể nhận ra các vấn đề mấu chốt của địa ph-ơng một cách nhanh chóng, cùng các chuyên gia phân tích đánh giá tình hình nhận ra những khó khăn và cho phép họ tìm ra h-ớng giải quyết phù hợp với điều kiện địa ph-ơng

- Có thể trực tiếp kiểm tra đánh giá sự tác động qua lại của ch-ơng trình khuyến nông với cộng đồng địa ph-ơng về các mặt kinh tế, xã hội, môi tr-ờng

4. Một số yêu cầu của quá trình kiểm tra, giám sát

- Lập kế hoạch kiểm tra, theo dõi giám sát ngay từ đầu. Việc thiết kế một hệ thống theo dõi cụ thể cho một ch-ơng trình khuyến nông, hay một dự án là rất cần thiết trong giai đoạn hình thành, hay giai đoạn thực hiện ban đầu. Một thiết kế tốt là đ-ợc dựa trên hệ thống rõ ràng các mục tiêu và các chỉ số có thể đo l-ờng đ-ợc

- + Ph-ơng pháp kiểm tra giám sát cần đ-ợc xác định thiết kế đồng bộ ngay từ b-ớc xây dựng kế hoạch, thực hiện và đ-ợc sử dụng suốt trong quá trình thực hiện

- + Sử dụng đồng bộ cùng một mẫu cơ bản cho các báo cáo

- Đối với các dự án n-ớc ngoài, việc kiểm tra giám sát cần có sự tham gia của ng-ời dân và đại diện của các bên đối tác

- + Các cơ quan nhà n-ớc là những ng-ời không liên quan trực tiếp tới việc thực hiện dự án sẽ theo dõi những can thiệp từ bên ngoài dự án.

+ Các nhà quản lý dự án trong n-ớc và n-ớc ngoài (tức là nhóm quản lý dự án) sẽ giám sát dự án từ bên trong

+ Những ng-ời đ-ợc h-ớng lợi và các nhóm bị tác động khác sẽ theo dõi sự can thiệp khi họ tham gia vào quá trình thực hiện dự án và sử dụng các dịch vụ của dự án.

- Kiểm tra, giám sát phải đánh giá đ-ợc những thành công, những kết quả đạt đ-ợc, những tác động của dự án ở từng thời điểm hoặc từng giai đoạn.

- Phát hiện những nhân tố, yếu tố mới, những vấn đề phát sinh, những sai lệch có thể xảy ra trong quá trình thực hiện ch-ơng trình khuyến nông hay dự án. Xác định những nguyên nhân tác động đến các nhân tố đó.

- Đề xuất hoặc đ-ưa ra những lời khuyên cụ thể cho từng hoạt động, giúp cho ch-ơng trình khuyến nông hay dự án có thể khắc phục, điều chỉnh các hoạt động và ph-ơng pháp tiếp cận để dự án đạt đ-ợc các mục tiêu dự kiến.

5. Các công cụ để kiểm tra, giám sát

- Sổ ghi chép là công cụ quan trọng nhất của cán bộ khuyến nông và ban quản lý thôn bản, sổ đ-ợc dùng để ghi chép lại các thông tin về các hoạt động xảy ra trong thôn bản và để báo cáo. Việc ghi chép đòi hỏi phải kịp thời, trung thực, chính xác. Cán bộ khuyến nông là ng-ời chịu trách nhiệm về ghi chép và quản lý sổ sách.

- Có thể thiết lập sổ ghi chép ở nông hộ để họ tự ghi chép các kết quả thử nghiệm hay chi phí cho sản xuất của nông hộ. Qua các sổ sách ghi chép của hộ giúp cán bộ khuyến nông biết đ-ợc họ đã thực hiện công việc nh- thế nào. Các sổ ghi chép ở nông hộ th-ờng phải đơn giản, các chỉ tiêu theo dõi cần rõ ràng, dễ thực hiện thì ng-ời dân mới có thể ghi chép đầy đủ

- Trong điều kiện cho phép có thể dùng t- liệu ảnh để ghi lại các hoạt động (đặc biệt là các hoạt động xây dựng mô hình qua các thời gian) để làm cơ sở đánh giá sau này.

- Ngoài ra còn có các công cụ: Số liệu thứ cấp, thảo luận nhóm, phỏng vấn nông hộ, quan sát trực tiếp, xây dựng các biểu đồ...

6. Các b-ớc trong việc kiểm tra, giám sát

6.1. Xác định mục đích kiểm tra giám sát

Công việc này hết sức quan trọng vì trong khuyến nông có nhiều hoạt động khác nhau và mong muốn đạt đ-ợc các mục đích khác nhau, trong mỗi lần kiểm tra, giám sát chỉ có thể giới hạn ở một số hoạt động. Do vậy, mục đích của việc kiểm tra, giám sát là nhằm làm rõ cần kiểm tra cái gì, thu thập thông tin nào? phục vụ cho ai? kết quả thu đ-ợc sử dụng nh- thế nào?

6.2. Xác định hoạt động cần kiểm tra.

Thông th-ờng các hoạt động cần kiểm tra giám sát đã đ-ợc lập kế hoạch từ đầu năm và đ-ợc cụ thể hoá cho từng tháng, từng quý. Tuy nhiên, trong mỗi lần kiểm tra, giám sát cần xác định cụ thể hoạt động cần kiểm tra, giám sát trong lần này là hoạt động nào, sau đó phân tích mỗ

sẽ hoạt động đó thành các hoạt động riêng lẻ, nhằm thuận tiện cho việc xây dựng các nội dung cũng như các chỉ tiêu để kiểm tra giám sát. Tùy mục đích, thời gian và yêu cầu của mỗi cuộc kiểm tra, giám sát mà có thể kiểm tra giám sát toàn bộ các hoạt động hoặc từng hoạt động riêng lẻ đó.

6.3. Xác định thành phần tham gia kiểm tra giám sát

Việc xác định thành phần kiểm tra giám sát phải căn cứ vào:

- Chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức tham gia kiểm tra giám sát.
- Mối quan hệ giữa hoạt động được kiểm tra, giám sát với các tổ chức, cơ quan liên quan.
- Tính đặc thù của mỗi lần kiểm tra, giám sát và đặc điểm của hoạt động được kiểm tra giám sát.

Thành phần của đoàn kiểm tra giám sát thường được cơ quan, tổ chức kiểm tra giám sát lựa chọn cho phù hợp trong mỗi lần kiểm tra giám sát, nhằm phát huy hết khả năng của họ và nâng cao hiệu quả của việc kiểm tra giám sát.

6.4. Xác định thời gian kiểm tra, giám sát

Kiểm tra, giám sát định kỳ: là việc kiểm tra, giám sát thường xuyên định kỳ vào các tháng, quý, năm theo kế hoạch đã được lập sẵn từ đầu năm. Đối tượng của các cuộc kiểm tra giám sát này thường là các hoạt động diễn ra thường xuyên, đều đặn hoặc các hoạt động quan trọng của chương trình hay dự án

Kiểm tra, giám sát không định kỳ: là cuộc kiểm tra, giám sát được tiến hành vào thời điểm đột xuất, không được xác định trước trong kế hoạch hoạt động của chương trình khuyến nông hay dự án. Đối tượng tập trung chủ yếu vào các hoạt động khuyến nông mang tính bất thường hoặc những hoạt động phát sinh trong quá trình thực hiện. Các cuộc kiểm tra, giám sát này thường được tiến hành trong các trường hợp sau:

- + Cần thu thập thông tin, số liệu để báo cáo cấp trên.
 - + Sau khi hoàn thành các hoạt động khuyến nông hoặc sau những đợt thiên tai, dịch bệnh.
 - + Đơn vị thực hiện các hoạt động khuyến nông gặp khó khăn cần xem xét.
 - + Xem xét các vấn đề nảy sinh ngoài các hoạt động khuyến nông đã định sẵn và tác động của chúng đối với các hoạt động khuyến nông.
 - + Có các vấn đề bất chắc xảy ra trong quá trình triển khai các hoạt động khuyến nông
- * *Khi xác định thời điểm kiểm tra, giám sát cần chú ý các vấn đề sau:*
- + Thời điểm kiểm tra giám sát phải là thời điểm thích hợp nhất để kiểm tra giám sát, dễ dàng nhận thấy được kết quả hoạt động cần kiểm tra, giám sát. Ví dụ kiểm tra giám sát các ô mẫu nên chọn vào thời điểm các ô mẫu đã cho kết quả hoặc vào thời điểm các ô mẫu đã tiến hành ở những khâu chủ yếu.

+ Thời gian kiểm tra giám sát (là khoảng thời gian tính từ thời điểm bắt đầu đến thời điểm kết thúc cuộc kiểm tra giám sát) không nên quá dài cũng không nên quá ngắn, nhằm mục đích vừa đạt hiệu quả vừa tiết kiệm.

6.5. Xác định địa điểm kiểm tra giám sát

Địa điểm kiểm tra, giám sát có thể ở tổ dự án tỉnh, Ban khuyến nông huyện, làng khuyến nông tự quản hoặc các hộ nông dân. Việc xác định địa điểm kiểm tra giám sát cần tùy thuộc vào:

- + Chức năng của cơ quan, tổ chức kiểm tra, giám sát.
- + Mục đích nội dung, đối tượng hoạt động sẽ được kiểm tra, giám sát.
- + Cơ quan, cá nhân thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát.

6.6. Chuẩn bị các điều kiện vật chất và tổ chức kiểm tra, giám sát.

Các điều kiện vật chất bao gồm chi phí ăn ở đi lại, văn phòng phẩm... các điều kiện tính toán từ trước khi xây dựng kiểm tra giám sát. Các điều kiện vật chất này cần căn cứ vào các yếu tố như: số người, số ngày, định mức chi tiêu...

II. Phương pháp kiểm tra, giám sát

1. Phương pháp thu thập thông tin, số liệu

- Thông tin và số liệu phải đảm bảo các yêu cầu sau:
 - + Đầy đủ: có nghĩa là phải phản ánh đầy đủ các nội dung, khía cạnh của các hoạt động kiểm tra giám sát.
 - + Chính xác: Tức là thông tin số liệu phải phản ánh đúng hiện thực khách quan, không thêm bớt, không phản ánh sai kết quả của các hoạt động.
 - + Kịp thời: Tức là thông tin, số liệu phải phản ánh kịp thời hiện trạng các hoạt động, số liệu và thông tin phải đáp ứng được nhu cầu về mặt thời gian cho cơ quan kiểm tra giám sát.
- Để thu thập các thông tin và số liệu có thể sử dụng các nguồn sau:

1.1. Báo cáo hoạt động khuyến nông

Đây là phương pháp đầu tiên để thu thập thông tin, số liệu. Việc nghe báo cáo thực hiện các hoạt động khuyến nông giúp người kiểm tra giám sát thu thập được các thông tin, số liệu cơ bản về tiến trình thực hiện, kết quả hoạt động cũng như là các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động khuyến nông. Báo cáo này do người quản lý cấp cơ sở trình bày, đại diện UBND xã phụ trách nông nghiệp, phụ trách khuyến nông cụm, xã... Khi nghe báo cáo, người kiểm tra giám sát chỉ cần quan tâm đến các hoạt động đang được kiểm tra giám sát để tránh việc lãng phí thời gian. Sau khi nghe báo cáo người kiểm tra giám sát có thể đưa ra một số câu hỏi nhằm làm rõ, bổ sung hoặc phát hiện những nguyên nhân liên quan đến hoạt động cần kiểm tra

1.2. Phỏng vấn trực tiếp

- Phương pháp này được tiến hành bằng cách cán bộ kiểm tra giám sát tiếp xúc trực tiếp với những người trực tiếp thực hiện các hoạt động khuyến nông để thu thập thông tin nhằm mục đích:

- + Tìm hiểu tiến trình thực hiện các hoạt động khuyến nông
- + Xem xét kết quả các hoạt động khuyến nông
- + Tìm hiểu những nguyên nhân và tìm ra các biện pháp thúc đẩy hoạt động khuyến nông
- + Xem xét các vấn đề có liên quan đến hoạt động khuyến nông
- Việc phỏng vấn có thể tiến hành tại cơ quan, hộ gia đình hay tại đồng ruộng, đ- ợc tiến

hành d- ới 2 hình thức sau:

Phỏng vấn chính thức: là ph- ơng pháp phỏng vấn trong đó ng- ời phỏng vấn dùng bộ câu hỏi chi tiết đã đ- ợc xây dựng sẵn liên quan đến mục đích, nội dung của hoạt động kiểm tra giám sát để phỏng vấn

Phỏng vấn bán chính thức (phỏng vấn linh hoạt): Đây là ph- ơng pháp phỏng vấn đ- ợc tiến hành bằng câu chuyện khá cởi mở có tính chất trao đổi giữa ng- ời phỏng vấn và ng- ời đ- ợc phỏng vấn. Phỏng vấn linh hoạt th- ờng đ- ợc bắt đầu bằng những câu hỏi hoặc chủ đề

1.3. Giám sát trực tiếp

Là ph- ơng pháp mà ng- ời kiểm tra giám sát trực tiếp tiếp xúc với đối t- ợng đ- ợc kiểm tra, giám sát để quan sát, xem xét một cách cụ thể các diễn biến hoặc kết quả hoạt động khuyến nông để thu thập thông tin, số liệu. Có các loại giám sát sau:

- + Đo l- ờng trực tiếp, cân đo đong đếm
- + Ghi chép thông tin, số liệu qua sách vở, sơ đồ, chứng từ sổ sách.
- + Quan sát bằng mắt, đ- a ra nhận định
- + Sử dụng các giác quan khác trong quan sát.

1.4. Thảo luận nhóm

Là ph- ơng pháp ng- ời kiểm tra giám sát cùng với những ng- ời thực hiện các hoạt động khuyến nông cùng bàn bạc, thảo luận về một vấn đề nào đó nhằm tìm ra nguyên nhân, giải pháp hoặc thống nhất ý kiến đánh giá nhận định nào đó. Ph- ơng pháp này nhằm mục đích:

- + Thu thập trao đổi thông tin, số liệu giữa ng- ời kiểm tra, giám sát và đối t- ợng đ- ợc kiểm tra giám sát.
- + Bàn bạc về một vấn đề trong hoạt động để thống nhất ý kiến, nhận định.
- + Khẳng định tính đúng đắn kết quả kiểm tra giám sát của hoạt động

1.5. Kiểm tra chéo thông tin

Là ph- ơng pháp mà những ng- ời kiểm tra giám sát kiểm tra lại những thông tin số liệu đã đ- ợc cung cấp để xem xét tính chính xác, khách quan, kịp thời của thông tin, số liệu đã đ- ợc thu thập.

1.6. Nghiên cứu tài liệu có liên quan

Là ph- ơng pháp nhằm thu thập thêm thông tin, số liệu hoặc khẳng định một vấn đề nào đó. Các tài liệu này có thể là:

- + Kế hoạch hoạt động khuyến nông
- + Báo cáo sơ kết các hoạt động khuyến nông
- + Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát của các lần tr- ớc.
- + Các báo cáo, tài liệu có liên quan đến hoạt động khuyến nông đang đ- ợc kiểm tra giám sát

Ngoài các ph- ơng pháp chủ yếu trên còn có các ph- ơng pháp khác nh- : thăm đồng, thăm hộ nông dân, chụp ảnh... Trong thực tế tùy thuộc vào điều kiện cụ thể về thời gian, kinh phí, trình độ của cán bộ mà lựa chọn ph- ơng pháp thu thập thông tin, số liệu thích hợp để đạt đ- ợc mục đích đề ra, tiết kiệm nh- ng vẫn đạt kết quả cao.

2. Nguồn cung cấp thông tin

- Các cơ quan quản lý điều hành các hoạt động khuyến nông ở tỉnh, huyện.
- Các đơn vị thực hiện các hoạt động khuyến nông ở cấp xã, làng, bản.
- Các cá nhân chỉ đạo, phụ trách các hoạt động khuyến nông
- Các nguồn cung cấp thông tin số liệu khác.(báo, đài..)

3. Ph- ơng pháp tổ chức kiểm tra, giám sát

Việc kiểm tra giám sát phải đ- ợc tổ chức khoa học đảm bảo thực hiện đ- ợc mục đích đề ra cùng với việc tiết kiệm thời gian, nhân lực, tài chính. Tổ chức kiểm tra giám sát th- ờng đ- ợc tiến hành nh- sau:

- Nhóm kiểm tra, giám sát th- ờng đ- ợc chia thành 2 – 3 tổ nhỏ, mỗi tổ có nhiệm vụ thực hiện và hoàn thành công việc của mình một cách độc lập.
- Việc kiểm tra giám sát đ- ợc tiến hành đồng thời hoặc riêng rẽ cho từng tổ ở các địa điểm khác nhau
- Các tổ tiếp xúc với tổ chức hoặc cá nhân thực hiện các hoạt động khuyến nông để thu thập thông tin, số liệu bằng các ph- ơng pháp phù hợp.
- Ph- ơng pháp tổ chức kiểm tra, giám sát có thể theo hệ thống dọc từ trên xuống d- ới (Tỉnh – huyện – xã - thôn – hộ nông dân) hoặc theo hệ thống chéo giữa các huyện, các xã, giữa các thôn bản...

4. Tổng hợp kết quả viết báo cáo

Sau mỗi ngày làm việc các nhóm nhỏ nên sắp xếp thời gian để trao đổi rút kinh nghiệm và thông tin cho nhau các kết quả của một ngày làm việc, các phát sinh nếu có, các thay đổi cho phù hợp...

- Thống nhất các chỉ số đánh giá, các nội dung thực hiện
- Thống nhất các nhận định, các giả thiết đ- ợc nêu ra. Xem xét các ảnh h- ưởng của chúng tới hoạt động của ch- ơng trình hay dự án

- Thống nhất và bổ sung các đánh giá về khó khăn, thuận lợi, tồn tại, nguyên nhân, giải pháp khắc phục.

- Thống nhất các hoạt động đề xuất các giải pháp cụ thể cho từng hoạt động

- Phân công các thành viên trong nhóm tổng hợp, xử lý các số liệu, viết từng phần của báo cáo

Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát là báo cáo cuối cùng phản ánh lại toàn bộ kết quả hoạt động kiểm tra giám sát của chương trình khuyến nông hoặc dự án, cùng với những nhận định, giải pháp và kiến nghị điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với thực tế.

Báo cáo kết quả thường do tổ trưởng hoặc trưởng nhóm viết dựa trên kết quả báo cáo tổng hợp của từng thành viên trong nhóm hoặc kết quả thảo luận chung của nhóm.

Báo cáo được viết theo hai cách

* *Báo cáo dưới dạng bài văn*: gồm có

- Lời giới thiệu: cần làm rõ:

- + Lý do kiểm tra

- + Mục đích, mục tiêu kiểm tra giám sát.

- + Hoạt động cần kiểm tra giám sát.

- + Nội dung hoạt động kiểm tra giám sát.

- + Thời gian kiểm tra

- + Địa điểm kiểm tra giám sát.

- + Thành phần kiểm tra giám sát.

- Phương pháp kiểm tra giám sát: cần làm rõ:

- + Phương pháp tổ chức

- + Phương pháp thu thập thông tin, số liệu.

- + Nhận xét chung về tác dụng của việc sử dụng các phương pháp.

- Đánh giá kết quả kiểm tra giám sát (theo từng hoạt động) cần làm rõ:

- + Kết quả đã đạt được bằng cách so sánh thực hiện với kế hoạch. Thông qua mục tiêu và các chỉ số đánh giá.

- + Phân tích những mặt thuận lợi, khó khăn.

- + Phân tích tìm ra nguyên nhân, đề xuất những giải pháp và các dự kiến hoạt động.

- + Tìm hiểu những vấn đề nảy sinh trong thực tế (ngoài kế hoạch) và sự ảnh hưởng của nó tới tiến trình thực hiện chương trình hay dự án.

- Các kiến nghị: cần làm rõ:

- + Biện pháp để thực hiện các giải pháp

- + Dự kiến các hoạt động của chương trình hay dự án trong thời gian tới

- + Sự phối hợp giữa các thành phần trong quá trình thực hiện chương trình hay dự án.

- + Mong muốn kết quả thực hiện trong thời gian tới

- Kết luận cần làm rõ các nội dung:

- + Nhận định chung về kết quả kiểm tra giám sát đã đ- ợc thực hiện
- + Khẳng định sự cần thiết, tính - u việt của hoạt động kiểm tra giám sát đối với việc thúc đẩy hoạt động ch- ơng trình khuyến nông hay dự án
- Cách viết báo cáo này có những nh- ợc điểm sau:
 - + Tốn nhiều thời gian, công sức. Việc tổng hợp thông tin số liệu gặp khó khăn
 - + Dùng nhiều lời văn do đó ng- ời viết báo cáo phải có khả năng tổng hợp, diễn giải cùng với kiến thức văn học
 - + Khó khăn trong việc l- u giữ thông tin, số liệu

Ví dụ 1: Mẫu báo cáo kết quả kiểm tra giám sát

1- Tên dự án

2- Cơ quan chủ trì

3- Tổng quan

Khái quát xuất sứ của dự án, giới thiệu mục tiêu chung và các mục đích dự án cần đạt đ- ợc

- Lý do của đợt kiểm tra giám sát
- Mục đích của kiểm tra giám sát
- Yêu cầu cần đạt đ- ợc
- Các vấn đề giới hạn trong điều tra giám sát

4- Nội dung đánh giá

- Các nội dung chi tiết
- Thời gian
- Địa điểm
- Thành phần đoàn giám sát

5- Ph- ơng pháp

- Ph- ơng pháp thu thập thông tin, các chỉ số chất l- ợng, số l- ợng và các vấn đề khác
- Ph- ơng pháp tổ chức thực hiện

6- Kết quả kiểm tra giám sát

- Kết quả các hoạt động đã thực hiện, so sánh với kế hoạch
- Những thành công, kết quả, các tác động
- Những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân
- Đề xuất các giải pháp
- Các bài học kinh nghiệm

7- Kết luận và đề nghị

8- Các phụ lục

* Báo cáo d- ới dạng bảng

- Ưu điểm
 - + Ngắn gọn, dễ dàng, xúc tích, dễ hiểu, dễ đọc
 - + Tốn ít công sức thời gian
 - + Dễ l- u giữ thông tin, số liệu
- Nh- ợc điểm: Không cung cấp đ- ợc nhiều thông tin xung quanh hoạt động kiểm tra giám sát
 - Trong thực tế cần căn cứ vào
 - + Nhu cầu của cấp trên
 - + Năng lực của cán bộ
 - + Các yêu cầu về thời gian, kinh phí để có thể quyết định viết báo cáo theo dạng nào cho phù hợp

Ví dụ 2: Mẫu báo cáo kết quả tổng hợp kiểm tra giám sát

1-Tên dự án

2-Thời gian kiểm tra giám sát

3- Địa điểm kiểm tra giám sát

4- Thành phần kiểm tra giám sát

5- Các hoạt động đã kiểm tra giám sát

6- Kết quả kiểm tra giám sát

Bảng 17: Kết quả kiểm tra giám sát

Các hoạt động	Mục đích KTGS	Nội dung KTGS	Kết quả đạt đ- ợc	Tồn tại	Khó khăn	Nguyên nhân	Giải pháp	Dự kiến HĐ	Kiến nghị đề xuất
Hoạt động 1									
Hoạt động 2									
Hoạt động 3									
Hoạt động 4									

5. Sử dụng kết quả kiểm tra giám sát

Kết quả kiểm tra giám sát hoạt động khuyến nông hoặc dự án đ- ợc sử dụng nh- sau:

- Đ- a ra các quyết định nhằm tăng c- ờng hiệu quả hoạt động của khuyến nông
- Xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn ở các cấp khác nhau, đặc biệt là các vấn đề liên quan tới tài chính
- Điều chỉnh việc thực hiện hoạt động khuyến nông của đơn vị, cá nhân tham gia

III. Đánh giá các hoạt động khuyến nông

1. Khái niệm

Đánh giá là so sánh những gì đã thực hiện bằng nguồn lực của thôn bản và những hỗ trợ từ bên ngoài với những gì thực sự đã đạt được. Đánh giá để khẳng định sự thành công hay thất bại của các hoạt động khuyến nông so với kế hoạch ban đầu.

2. Mục tiêu của công tác đánh giá

- Đánh giá tiến độ thực hiện và kết quả các hoạt động
- Đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu của các nội dung hoạt động. Điều chỉnh các hoạt động tiếp theo.
- Đánh giá sự tác động, ảnh hưởng của các hoạt động khuyến nông tới đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội
- Đề xuất các hoạt động khuyến nông mở rộng

3. Vai trò của đánh giá

- Đánh giá giúp phát hiện kế hoạch có hoạt động tốt hay không
- Những kết quả đạt được có đúng như mong đợi hay không
- Thông qua việc đánh giá sẽ khẳng định được:
 - + Những hoạt động khuyến nông có phù hợp với điều kiện của thôn bản hay không
 - + Các hoạt động có được thực hiện tốt hay không
 - + Các hoạt động đó có mang lại những thay đổi mà người dân mong đợi hay không

4. Thành phần tham gia đánh giá

- Cán bộ khuyến nông
- Đại diện cộng đồng
- Đại diện ban ngành
- Đại diện các tổ chức quần chúng
- Đại diện chính quyền.

5. Thời điểm đánh giá

- Trong lúc lập kế hoạch: đánh giá hiện trạng, điều kiện tự nhiên, tình hình sản xuất, kinh tế – xã hội của thôn, bản làm cơ sở xây dựng các mục tiêu và các giải pháp hoạt động
- Đánh giá thường kỳ, giữa kỳ, cuối kỳ: đánh giá tiến độ thực hiện kế hoạch, kết quả thực hiện kế hoạch qua từng thời điểm. Thông qua các đợt đánh giá này giúp cho việc bổ sung điều chỉnh các hoạt động để thực hiện mục tiêu kế hoạch
- Đánh giá sau khi thực hiện kế hoạch: đánh giá kết quả đạt được so với mục tiêu dự kiến khi xây dựng kế hoạch.

6. Phương pháp đánh giá

Xây dựng đề c-ong đánh giá phải đ-ợc xây dựng chi tiết, bao gồm:

- + Các nội dung đánh giá
- + Địa điểm đánh giá
- + Thời gian đánh giá
- + Ph-ong pháp đánh giá
- + Thành phần tham gia đánh giá
- Trình bày nội dung của đề c-ong đánh giá để mọi ng-ời thảo luận, bổ sung
- Sau hội nghị thành lập nhóm đánh giá nh- nhóm lập kế hoạch
- Nguyên tắc khi thực hiện đánh giá: trung thực, chính xác
- Cần kết hợp nhiều ph-ong pháp để đảm bảo tính trung thực và chính xác
- + Đánh giá trên hệ thống sổ sách
- + Đánh giá bằng quan sát thực tế
- + Đánh giá qua phỏng vấn trực tiếp
- Tổng hợp kết quả đánh giá qua các bảng biểu và phân tích số liệu thu thập đ-ợc.
- Trình bày kết quả đánh giá tr-ớc hội nghị cộng đồng, mọi ng-ời tham gia đóng góp và đề xuất các giải pháp thực hiện trong t-ơng lai

Bảng 18: Sự khác nhau giữa giám sát và đánh giá

Nội dung	Giám sát	Đánh giá
Mục tiêu	Cả hai đều liên quan đến việc đo l-ờng sự thực hiện so với những mục tiêu đ-ợc xác định ban đầu	
Thành phần nhân sự	Cán bộ quản lý bên trong của các hoạt động	Những ng-ời khách quan ở bên ngoài
Thời gian	Liên tục, định kỳ	Rời rạc, th-ờng là giữa kỳ hoặc khi hoàn thành các hoạt động
Chi tiết	Các chi tiết gần, không tổng quát	Dữ liệu đ-ợc tổng quát lại để nhìn nhận tổng thể các mục tiêu của hoạt động đã đạt đ-ợc
Phạm vi	Nhấn mạnh khu vực trong hoạt động, dự án	Kiểm tra các tác động của hoạt động đến kinh tế, môi tr-ờng và xã hội
Tính cấp bách	Thông tin quản lý cấp bách, phản hồi nhanh để xử lý	ít hơn
Chính sách	Các chính sách và nguyên tắc đ-ợc chấp nhận	Nguyên tắc chính sách đ-ợc kiểm tra và xem xét nếu trong đánh giá thấy cần thiết
Quy mô, mức độ	Liên quan chủ yếu đến các hoạt động đầu vào, kiểm tra các quá trình triển khai	Liên quan đến mục tiêu, mục đích tìm kiếm để nhận dạng và rút ra bài học

7. Các b-ớc tiến hành hoạt động kiểm tra đánh giá các hoạt động khuyến nông

7.1. Công tác chuẩn bị

Căn cứ vào kế hoạch hoạt động khuyến nông để xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá. Kế hoạch phải trả lời đ- ọc các câu hỏi sau:

- Mục đích đánh giá để làm gì
- Đánh giá vấn đề gì
- Kiểm tra đánh giá ở đâu
- Khi nào thì kiểm tra đánh giá
- Sử dụng ph- ơng pháp nào để đánh giá
- Nội dung đánh giá gồm các tiêu thức nào
- Thành phần tham dự đánh giá là ai
- Tài chính phục vụ công tác kiểm tra đánh giá

Khi xây dựng mục tiêu và chỉ tiêu đánh giá phải căn cứ vào mục tiêu của hoạt động khuyến nông

7.2. Tổ chức thực hiện

- Thu thập các thông tin thứ cấp: là các số liệu, thông tin có sẵn nh- số liệu thống kê, các báo cáo định kỳ, các sổ sách kiểm tra hoạt động khuyến nông. Các thông tin này có thể thu thập tại các trung tâm khuyến nông, trạm, trại cơ sở...

- Thu thập các thông tin sơ cấp: Thông qua việc đi thực địa, phỏng vấn, quan sát, sử dụng bộ công cụ PRA..

- Kiểm tra lại các thông tin: những thông tin ch- a rõ ràng cần phải kiểm tra lại. Tăng c- ờng kiểm tra chéo giữa các nguồn thông tin

- Đối với tr- ờng hợp kiểm tra, giám sát có thể xử lý thông tin tại chỗ, đề xuất các biện pháp khắc phục kịp thời, cập nhật thông tin và phản hồi các thông tin tới các cấp hoặc các nơi liên quan.

- Đối với các hoạt động đánh giá cần thiết phải phân tích thông tin ở mức độ cao hơn. Xác định các nguyên nhân thành công và thất bại. Xác định ảnh h- ưởng của các hoạt động khuyến nông tới phát triển kinh tế xã hội của vùng.

- Viết báo cáo đánh giá: báo cáo phải nêu lên đ- ọc kết quả của các hoạt động khuyến nông bao gồm: hiệu quả, yếu tố ảnh h- ưởng, nguyên nhân thành công, thất bại, đ- a ra các đề xuất và bài học kinh nghiệm

- Tổ chức hội thảo để thông qua báo cáo đánh giá, bổ sung ý kiến đóng góp hoàn chỉnh báo cáo.

IV. Xây dựng các tiêu chí giám sát, đánh giá

1. Sự cần thiết và các yêu cầu của các tiêu chí giám sát, đánh giá

1.1. Sự cần thiết

Việc xác định tiêu chí giám sát, đánh giá là rất cần thiết để hoạt động giám sát, đánh giá đạt kết quả tốt. Trước khi tiến hành giám sát, đánh giá phải xây dựng các tiêu chí. Tiêu chí đúng và phù hợp góp phần quyết định kết quả của hoạt động giám sát, đánh giá

1.2. Các yêu cầu

- Phải giám sát, đánh giá được các hoạt động khuyến nông để đề ra các điều chỉnh cần thiết
- Tiêu chí cần cụ thể, dễ hiểu, dễ thực hiện
- Đảm bảo được mục tiêu cần giám sát, đánh giá

2. Các đặc điểm của chỉ tiêu giám sát, đánh giá

- Đối với các chỉ tiêu mang tính định lượng: là các chỉ tiêu đo đếm được cụ thể, các chỉ tiêu này thường được sử dụng để kiểm tra tiến độ công việc ví dụ như số lượng công việc, số người tham gia... hoặc lượng các kết quả đạt được như diện tích gieo cấy, sản lượng đạt được... Thông tin cần cho các chỉ tiêu này có thể được thực hiện qua việc thu thập số liệu qua sổ sách kiểm tra hoặc phỏng vấn, cũng có thể do người trực tiếp trên đồng ruộng và hiện trường như sự sinh trưởng của cây trồng, tăng trọng của vật nuôi, năng suất cây trồng...

- Đối với các chỉ tiêu mang tính định tính: là các chỉ tiêu không thể đo đếm được. Nhóm chỉ tiêu này thường phản ánh chất lượng của công việc dựa trên định tính nhiều hơn như sinh trưởng chậm hay nhanh, màu quả đẹp hay xấu... Đây là những chỉ tiêu quan trọng trong các dự án và hoạt động khuyến nông. Việc xác định những chỉ tiêu này thường thông qua phỏng vấn, quan sát và nhận định của những người tham gia đánh giá và người dân.

3. Các loại chỉ tiêu thường dùng cho hoạt động giám sát, đánh giá

3.1. Các loại chỉ tiêu thường dùng cho hoạt động giám sát

*** Nhóm chỉ tiêu giám sát hoạt động**

- Chỉ tiêu kiểm tra, giám sát nội dung công việc theo kế hoạch: các hoạt động, kế hoạch đã thực hiện, chưa thực hiện.

- Chỉ tiêu kiểm tra sử dụng vốn tín dụng: nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn, kế hoạch số hộ vay và số lượng vay, thực hiện, trả nợ và thời điểm đến hạn, số nợ đọng ở thời điểm cuối kỳ

- Chỉ tiêu kiểm tra các nguồn thu nhập từ hoạt động của dự án hay chương trình khuyến nông: số thu theo kế hoạch, số thu thực tế, số lượng sử dụng.

- Tập huấn kỹ thuật: tên lớp tập huấn, thời gian, số lượng học viên, ý kiến tham gia của người dân về tác dụng của lớp tập huấn, mức độ áp dụng...

*** Nhóm chỉ tiêu cùng tham gia**

- Giám sát về phương pháp: phương pháp lập kế hoạch, phương pháp tổ chức thực hiện và phương pháp đánh giá kết quả hoạt động của chương trình, dự án khuyến nông.

- Giám sát tính minh bạch trong tham gia của cộng đồng.

- Giám sát về tính công bằng trong tham gia của cộng đồng

- Giám sát về chia sẻ nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm trong cộng đồng.

3.2. Các loại chỉ tiêu th- ờng dùng cho hoạt động đánh giá

Đây là các chỉ tiêu mang tính toàn diện hơn. Việc xác định các chỉ tiêu đánh giá phải căn cứ vào mục đích và hoạt động của dự án.

- Nhóm chỉ tiêu đánh giá kết quả các hoạt động khuyến nông theo mục tiêu đã đề ra: diện tích, năng suất, cơ cấu, đầu t-, sử dụng vốn...

- Nhóm chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế của các mô hình hay hoạt động khuyến nông: tổng thu, tổng chi, thu – chi, hiệu quả công lao động, hiệu quả đồng vốn...

- Nhóm chỉ tiêu đánh giá ảnh h- ưởng của dự án hay hoạt động khuyến nông đến đời sống kinh tế, văn hoá xã hội: ảnh h- ưởng đến môi tr- ờng đất (xói mòn, độ phì, độ che phủ...) ảnh h- ưởng đến đời sống (giảm nghèo, tạo công ăn việc làm, bình đẳng giới...)

Các chỉ tiêu đánh giá phục vụ cho quá trình xem xét, phân tích hoạt động khuyến nông với sự tham gia của cán bộ khuyến nông và nông dân. Đánh giá là để khẳng định sự thành công hay thất bại của các hoạt động khuyến nông trên cơ sở kế hoạch ban đầu.

4. Các b- ớc tiến hành xây dựng tiêu chí giám sát, đánh giá

B- ớc 1: Xác định nội dung cần giám sát, đánh giá

- Tìm hiểu nội dung, mục đích, yêu cầu và những kết quả mong đợi của ch- ơng trình khuyến nông hay dự án thông qua nghiên cứu các tài liệu, phỏng vấn ban quản lý dự án và khảo sát thực tế trên hiện tr- ờng.

B- ớc 2: Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá và giám sát sự tham gia của cộng đồng bao gồm các giai đoạn.

- Xác định nhu cầu
- Lập kế hoạch
- Thực hiện kế hoạch

B- ớc 3: Đánh giá thử các chỉ tiêu (thực tế hiện tr- ờng)

B- ớc 4: Hoàn chỉnh hệ thống các chỉ tiêu trên cơ sở thực tế. Xây dựng sổ tay h- ướng dẫn thực hiện việc đánh giá sự tham gia của cộng đồng

5. Các vấn đề đánh giá chung và mối liên hệ của chúng

Xác định các vấn đề cần đ- ợc giải quyết là việc làm cần thiết trong mọi công tác đánh giá. Sau đây là nhóm câu hỏi cơ bản sẽ đ- ợc đặt ra

5.1. Tính thích ứng

Ch- ơng trình khuyến nông hay dự án liệu có ý nghĩa trong hoàn cảnh môi tr- ờng của nó không? Tính thích ứng liên quan đến các chính sách hợp tác, phát triển và liệu mục đích, mục tiêu chung và các kết quả của dự án có phù hợp với các nhu cầu và các mong muốn của những

ng-ời đ-ợc h-ởng lợi và với môi tr-ờng chính sách của ch-ơng trình khuyến nông hoặc dự án hay không

5.2. Sự tác động

Điều gì sẽ xảy ra hoặc có khả năng xảy ra nh- là một kết quả của ch-ơng trình khuyến nông hay dự án? Các tác động liên quan? Liệu có một sự thay đổi tích cực nào tác động lên đời sống xã hội sau khi các can thiệp đ-ợc thực hiện? Khi xem xét cần chú ý tới các tác động đã đ-ợc dự kiến hoặc không đ-ợc dự kiến

5.3. Tính hiệu quả

Mục đích của ch-ơng trình khuyến nông hay dự án đã đạt đ-ợc hay có thể đạt đ-ợc tới mức độ nào và kết quả của nó sẽ đạt đ-ợc ở mức độ nào?

Tính hiệu quả mô tả các kết quả đạt đ-ợc tốt nh- thế nào để giúp cho việc đạt tới mục đích của ch-ơng trình khuyến nông hay dự án.

Đánh giá hiệu quả là một phần việc th-ờng xuyên của quá trình xây dựng kế hoạch và theo dõi các ch-ơng trình khuyến nông hay dự án. Chúng có thể cũng bao gồm trong các đánh giá, đặc biệt là nếu các đánh giá đề cập tới việc thực thi quản lý.

5.4. Tính bền vững

Các yếu tố bền vững đ-ợc đánh giá là: môi tr-ờng chính sách, tính khả thi về kinh tế tài chính, năng lực thể chế và khía cạnh văn hoá - xã hội, sự tham gia và quyền sở hữu, vấn đề giới, môi tr-ờng và công nghệ thích hợp.

Điều gì đã, hay sẽ diễn ra đối với các tác động tích cực của ch-ơng trình khuyến nông hay dự án sau khi sự hỗ trợ từ bên ngoài kết thúc

Đối với một dự án riêng biệt, tính bền vững đ-ợc mô tả nh- là một cấp độ mà ở đó các lợi ích do sự án đem lại sẽ tiếp tục phát huy sau khi hỗ trợ bên ngoài chấm dứt. Đó cũng là một chủ đề trung tâm trong tất cả các công tác đánh giá và liên quan tới tất cả các thành phần của khung lô gích đối với một dự án cụ thể.

Ch-ơng 7

khuyến nông với các nhóm đối t-ợng đặc biệt

I. khuyến nông với ng-ời nghèo

1. Khái niệm về đói nghèo

Khi nghiên cứu về đói nghèo ở mỗi Quốc gia, mỗi tổ chức, trên các phương diện khác nhau như về không gian, thời gian, môi trường, thu nhập ... có quan điểm khác nhau. Do vậy, khái niệm về đói nghèo đưa ra cũng khác nhau.

Theo nghĩa về sinh lý, đói là cảm giác khó chịu khi cần ăn mà không có để ăn, hoặc được ăn nhưng không đủ no. Theo nghĩa về kinh tế - xã hội thì đói là tình trạng thiếu thốn về

l-ong thực và thực phẩm. Để đánh giá thế nào là đói, có thể dùng chỉ tiêu về số lượng lương thực, thực phẩm sử dụng trên đầu người, tương đương với lượng dinh dưỡng tối thiểu, cần thiết để duy trì sự tồn tại và để tái sản xuất sức lao động. Như vậy, khó có sự thống nhất khi có quá nhiều loại lương thực, thực phẩm khác nhau dùng để nuôi sống con người. Do đó các nhà khoa học trên thế giới thống nhất quy đổi ra đơn vị năng lượng là calo. Theo đó, người đói là người mà thu nhập của họ không đủ để có số đơn vị calo tối thiểu cho việc duy trì sự tồn tại và tái sản xuất sức lao động. Các tổ chức quốc tế FAO và WHO đều nhất trí cho rằng, một người trưởng thành sẽ có đủ năng lượng khi đạt được mức calo tiêu thụ bình quân 1 ngày là 2.100 calo. Nếu không đạt được mức đó là đói. Quan niệm này khá hợp lý vì quy đổi được về cùng 1 đơn vị đo chuẩn, mang tính thống nhất, so sánh và lượng hoá được. Tuy nhiên, nó còn những mặt hạn chế nhất định. Vì mức tiêu thụ calo cũng phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thể trạng, giới tính, độ tuổi, thói quen tiêu dùng, điều kiện thời tiết, khí hậu...

Chưa có một định nghĩa duy nhất về nghèo. Tuy vậy, có thể thừa nhận nghèo là tình trạng thiếu thốn ở nhiều phương diện như thu nhập hạn chế, thiếu tài sản để đảm bảo tiêu dùng tối thiểu, thiếu cơ hội để có đủ thu nhập, dễ bị tổn thương trước những đột biến bất lợi, ít có cơ hội tham gia vào các quá trình ra quyết định, có thể bị coi thường, không được coi trọng... Tóm lại, hiểu một cách thông thường nghèo là tình trạng không có hoặc có rất ít những gì thuộc yêu cầu tối thiểu về đời sống vật chất.

Như vậy, đói nghèo là hai cặp phạm trù khác nhau, có điểm chung là đều chỉ rõ tình trạng không đảm bảo những nhu cầu cần thiết, tối thiểu về vật chất. Nhưng khác nhau ở chỗ, đói gắn liền với thiếu ăn, thiếu lương thực, thiếu năng lượng (calo) cần thiết cho sự tồn tại và tái sản xuất sức lao động. Còn nghèo là tình trạng thiếu thốn điều kiện vật chất nói chung, thiếu lượng tài sản tối thiểu phục vụ cho nhu cầu đời sống và sản xuất. Do vậy, đói là mức thấp trong nghèo. Còn nghèo thì chưa chắc đã đói nhưng luôn có nguy cơ bị tụt xuống mức đói.

Hiện nay trên thế giới có một số khái niệm về đói nghèo của một số tổ chức sau

* Ngân hàng Thế giới: Với mục tiêu hàng đầu là đấu tranh chống nạn nghèo khổ ở các nước đang phát triển đưa ra quan điểm đói nghèo tính theo mức là 2.100 calo /người/ ngày. Theo mức đánh giá này để đảm bảo mức 2.100 calo/người/ngày thì cần ít nhất là 1 đô la Mỹ/người/ngày, tức là 360 đô la Mỹ/người/năm. Nếu qui ra tỷ giá của đồng Việt Nam năm 2007 (tính tròn là 1USD = 16.000 VNĐ) t-ong đ-ong 5.760.000đồng /năm/người. Với mức thu nhập này thì tỷ lệ nghèo đói của Việt Nam còn khá lớn.

* Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB): Lại tách riêng đói và nghèo thành hai khái niệm riêng.

- **Nghèo:** Là tình trạng một bộ phận dân cư không có khả năng thoả mãn những nhu cầu cơ bản, tối thiểu của cuộc sống và có mức sống thấp hơn mức sống trung bình của cộng đồng xét trên mọi phương diện. Trong khái niệm nghèo lại chia ra:

+ **Nghèo tuyệt đối:** Là tình trạng một bộ phận dân cư không có khả năng thoả mãn các nhu cầu tối thiểu nhằm duy trì cuộc sống. Nhu cầu tối thiểu là những nhu cầu thiết yếu về ăn, mặc, ở và nhu cầu sinh hoạt hàng ngày như văn hoá, y tế, giáo dục, đi lại, giao tiếp... có nghĩa là không có khả năng đạt đến tiêu chuẩn ít nhất của cuộc sống. Theo quan niệm này thì nghèo tuyệt đối thường chỉ tồn tại ở các nước chậm phát triển và hiếm khi gặp ở các nước phát triển. Hiện nay, Liên Hiệp Quốc vẫn sử dụng chỉ tiêu ngưỡng tiêu dùng 1 Đô la/ngày/người để đo lường mức nghèo đói tuyệt đối.

+ **Nghèo tương đối:** Là tình trạng một bộ phận dân cư có mức sống dưới mức sống trung bình của cộng đồng tại địa phương đang xét. Có nghĩa là không đạt đến tiêu chuẩn sống hiện tại. Như vậy, sự chênh lệch về mức sống của tầng lớp dân cư tạo ra nghèo đói tương đối. Nói cách khác, nghèo đói tương đối là do sự phân phối bất bình đẳng tạo ra. Nhìn chung ở mọi quốc gia trên thế giới, đều tồn tại sự bất bình đẳng trong thu nhập và phân phối thu nhập. Do vậy, khái niệm nghèo đói tương đối được sử dụng rộng rãi ở tất cả các nước trên thế giới.

- **Đói:** Là tình trạng một bộ phận dân cư nghèo, có mức sống dưới mức sống tối thiểu và thu nhập không đảm bảo nhu cầu về dinh dưỡng để duy trì cuộc sống. Đó là những hộ dân cư hàng năm thiếu ăn đứt bữa từ 1 đến 2 tháng, thường xuyên phải vay nợ cộng đồng và thiếu khả năng chi trả.

Tại Hội nghị chống đói nghèo khu vực Châu á Thái bình d-ơng do ESCAP tổ chức tại băng cốc Thái Lan tháng 9/ 1993 đ- a ra định nghĩa “ nghèo là tình trạng một bộ phận dân c- không đ- ọc h- ọc và thoả mãn các nhu cầu cơ bản của con ng- ời mà những nhu cầu này đã đ- ọc xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế xã hội và phong tục tập quán của địa ph- ơng”.

2. Chuẩn mực đói nghèo của Việt Nam

Để xác định được ngưỡng đói nghèo thì vấn đề là phải đ- a ra được chuẩn mực đói nghèo: Chuẩn mực đói nghèo là tổng hợp giá trị tối thiểu mà cá nhân hoặc hộ gia đình ở dưới mức đó được coi là đói nghèo. Chuẩn đói nghèo được biến động theo không gian và thời gian, phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của đất nước trong từng thời kỳ lịch sử. Vì thế, không thể đưa ra một chuẩn mực chung và cố định mà phải xây dựng chuẩn mực đói nghèo với các chỉ tiêu riêng cho từng vùng, từng miền và ở từng thời kỳ lịch sử nhất định của đất nước.

Ở nước ta, theo chuẩn mực đói nghèo do Bộ Lao động - Thương binh và xã hội công bố (BLĐTBXH) kể từ trước năm 2000 chuẩn mực đói nghèo được biểu hiện bằng số kilogram gạo trên đầu người trong hộ trong tháng, hoặc có thể được quy ra số tiền tương ứng. Sau năm 2000 - Bộ LĐTB&XH đã sử dụng chuẩn nghèo, tính bằng tiền. Theo các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội, nước ta đã có những chuẩn mực về nghèo đói như sau:

Bảng 19: Chuẩn đói nghèo của Việt nam qua các giai đoạn

Giai đoạn	Hộ đói		Hộ nghèo		
	Khu vực		Khu vực		
	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn miền núi	Nông thôn đồng bằng	Thành thị
1993 - 1996	Dưới 8kg gạo	Dưới 13kg gạo	Dưới 20kg gạo	Dưới 20kg gạo	Dưới 20kg gạo
1997 - 2000	Dưới 13kg gạo	Dưới 13kg gạo	Dưới 15kg gạo	Dưới 20kg gạo	Dưới 25kg gạo
2001 - 2005			80.000đồng	100.000đồng	150.000đồng
2006 - 2010			200.000đồng	200.000đồng	260.000đồng

3. Các đặc tr- ng của ng- ời nghèo

- Ng- ời nghèo thiếu hẳn một cơ sở hạ tầng kinh tế để xây dựng cơ sở hạ tầng t- ơng lai cho gia đình và thiếu các nguồn lực sản xuất. Ng- ời nghèo ít đ- ọc tiếp cận với các dịch vụ nh- điện, n- ớc sạch, hệ thống giao thông, cơ sở y tế, giáo dục mà hiện nay việc đều t- cơ sở hạ tầng cho nông thôn tỷ lệ còn thấp. Trong các nguồn lực sản xuất thì thiếu đất và vốn đầu t- th- ờng đ- ọc đề cập nhiều trong nghiên cứu đói nghèo

- Cuộc sống của ng- ời nghèo phụ thuộc vào những ng- ời khác (nhất là những gia đình phải đi làm thuê)

- Họ có rất ít cơ hội tiếp xúc trực tiếp với các ch- ơng trình khuyến nông hoặc các dịch vụ phát triển khác của Nhà n- ớc. Họ thiếu hoặc ít đ- ọc tham gia vào các cuộc họp, thiếu các mối quan hệ xã hội và ít có thông tin về chính sách của Nhà n- ớc, đặc biệt là ở các vùng dân tộc thiểu số do trở ngại về ngôn ngữ.

- Họ không có ảnh h- ớng gì hoặc có rất ít đến những quyết định của cộng đồng kể cả những quyết định có thể làm ảnh h- ớng đến cuộc sống của chính gia đình họ. Do có khó khăn về kinh tế nên những ng- ời nghèo hay mặc cảm và tự ty, do đó họ ít có cơ hội tham gia vào công việc của cộng đồng, ít có cơ hội để bày tỏ nguyện vọng, trao đổi, học hỏi về những vấn đề họ quan tâm ở cộng đồng làng xã.

- Họ không có hoặc có rất ít những tổ chức đại diện cho quyền lợi của họ.

4. Khuyến nông với ng- ời nghèo

Trong địa bàn hoạt động của cán bộ khuyến nông có rất nhiều hộ nông dân nghèo. Phân loại hộ nghèo có thể theo tiêu chí của Bộ LĐTB&XH, có thể theo tiêu chí của ch- ơng trình quốc gia về xoá đói giảm nghèo. Song, ở một số ch- ơng trình dự án của các tổ chức phi chính phủ họ

có thể dùng các tiêu chí khác nhau để phân loại hộ giàu nghèo nh- đông con, nhà cửa tạm bợ, thiếu lao động, thiếu các nguồn lực sản xuất nh- đất đai, vốn, kỹ thuật...

Khi bàn đến khuyến nông chúng ta muốn nói đến những tiến bộ kỹ thuật, những sáng kiến, những loại giống mới mà nông dân nói chung có đủ điều kiện và tiềm năng để áp dụng. Tuy nhiên phần lớn các hộ nông dân nghèo họ không có đầy đủ những ph- ơng tiện cần thiết để tiếp cận những ch- ơng trình khuyến nông đó.

Vấn đề đặt ra ở đây là trách nhiệm của ng- ời cán bộ khuyến nông đối với những hộ nông dân nghèo là thế nào? Nhu cầu nâng cao cuộc sống của các hộ nông dân nghèo là một thách thức lớn đối với sự nghiệp phát triển nông thôn nói chung và nhiệm vụ của ng- ời cán bộ khuyến nông nói riêng. Muốn giúp họ có hiệu quả, ng- ời cán bộ khuyến nông cần hiểu đ- ọc những đặc điểm của những nông dân nghèo.

Hãy cố gắng tạo điều kiện giúp đỡ họ trong phạm vi một số hoạt động chính sau:

- *Tổ chức*: nên khuyến khích thành lập các nhóm đại diện cho quyền lợi của các hộ nghèo và hãy giúp đỡ những ng- ời này nh- các nhóm đối t- ơng khác. Có thể động viên họ tham gia vào các nhóm hộ sở thích, hoặc các câu lạc bộ để họ có cơ hội tham gia nhiều hơn vào các hoạt động của cộng đồng. Đối với những hộ nghèo thì cán bộ khuyến nông nên giành cho họ nhiều thời gian hơn so với nhóm khác.

- *Nguồn lực*: Khi có điều kiện nên - u tiên giành những nguồn lực khuyến nông cho những hộ nghèo tr- ớc nh- hỗ trợ cây giống, vật t- ư phân bón, cho vay với lãi suất - u đãi.... Ưu tiên để họ đ- ọc tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật để học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao tính chủ động và khả năng thực hiện các hoạt động của nông hộ.

- *Khuyến khích*: ng- ời nghèo th- ờng có ít động cơ thay đổi hoàn cảnh của mình so với những gia đình khá giả. Cần giúp đỡ họ và làm cho họ thấy rằng khuyến nông thật sự muốn giúp đỡ họ. Hãy khuyến khích, động viên và h- ớng họ quan tâm tới những hoạt động khả thi làm tăng thu nhập cho gia đình họ.

- *Xác định các kỹ thuật phù hợp*: Ng- ời nghèo th- ờng htiếu vốn, thiếu cơ sở vật chất, thiếu kinh nghiệm sản xuất.. do đó việc xác định các kỹ thuật phù hợp với hộ nghèo là cần thiết. Nhiều ch- ơng trình dự án khi triển khai đã đ- a ra những kỹ thuật v- ợt quá khả năng, tiềm lực kinh tế của họ hoặc điều kiện ở địa ph- ơng không cho phép.

Sẽ là sai lầm nếu cho rằng ng- ời cán bộ khuyến nông có thể làm thay đổi cơ bản hoàn cảnh của những hộ nông dân nghèo. Tuy nhiên, chúng ta đang có những thuận lợi cơ bản để giúp đỡ họ. Đó là những chính sách phát triển nông thôn, - u tiên xoá đói giảm nghèo của Đảng và Nhà n- ớc, đó là mạng l- ới khuyến nông đã và đang ngày càng phát triển, đó là tình t- ơng thân t- ơng ái có tính truyền thống của dân tộc ta.

5. Mô hình kỹ thuật đầu t- ư thấp cho ng- ời nghèo

5.1. Thế nào là kỹ thuật đầu t- thấp

Kỹ thuật đầu t- thấp là một kỹ thuật đơn giản, dễ áp dụng, vốn đầu t- thấp, phù hợp với đối tượng là người nghèo.

5.2. Tại sao lại lựa chọn kỹ thuật đầu t- thấp cho người nghèo

Người nghèo thường thiếu vốn, thiếu kỹ thuật và cách thức làm ăn. Vì thế khi đưa một kỹ thuật áp dụng cho người nghèo cần đặt câu hỏi mức đầu t- chi phí cho kỹ thuật thế nào? nguồn vốn đó do nội lực của họ hay phụ thuộc vào bên ngoài? Và nếu nguồn vốn từ bên ngoài không còn nữa thì liệu có thể tiếp tục thực hiện được kỹ thuật đó không. Đối với họ các kỹ thuật không nên quá phức tạp

- Người nghèo cần những kỹ thuật mang lại hiệu quả nhanh, một điều rất quan trọng là làm sao để người nghèo nhận biết được sự thành công càng nhanh càng tốt, khoảng thời gian từ 3 – 5 tháng là tốt nhất, vì người nghèo cần giải quyết những khó khăn trước mắt và từng bước một. Nếu một kỹ thuật cho người nghèo mà phải mất vài năm mới biết kết quả thì có thể sẽ gặp khó khăn nghiêm trọng.

- Tính rủi ro thấp và phù hợp với điều kiện kinh tế của họ. Nếu nhà sản xuất gặp rủi ro thì người giàu có thể xoay sở được tiền bạc để giải quyết khó khăn, nhưng đối với người nông dân nghèo thì họ có thể bị đói và càng khó khăn hơn.

5.3. Tiêu chuẩn để lựa chọn một kỹ thuật đầu t- thấp

- Kỹ thuật cần ít vốn, ít tốn công, nông dân nghèo có thể áp dụng được ngay cả khi không có sự trợ giúp từ bên ngoài.

- Các kỹ thuật phải đơn giản, dễ làm, không đòi hỏi quá phức tạp, kỹ thuật phải phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Thời gian cho sản phẩm không quá dài, khả năng quay vòng vốn phải nhanh.

- Mức độ rủi ro thấp

- Tận dụng được điều kiện sẵn có như đất đai, lao động và những điều kiện tự nhiên khác của địa phương.

II. Khuyến nông và phụ nữ

1. Vai trò của phụ nữ trong gia đình và cộng đồng

Từ trước đến nay, khi lập kế hoạch khuyến nông người ta thường chọn đối tượng chính là nam giới (với ý nghĩa là chủ hộ), còn với những dịch vụ phổ cập ngoài nông, lâm nghiệp như kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng cho trẻ em, xóa mù ... đối tượng lựa chọn thường là phụ nữ. Sự phân chia này (dù chỉ nằm trong khái niệm) không phải bao giờ cũng hoàn toàn thích hợp. Trong thực tế nhiều phụ nữ ở nông thôn vừa là nông dân vừa là chủ nhà thực sự, phụ nữ thường vẫn gánh vác hơn một nửa công việc của gia đình.

Có một thực tế là phần lớn cán bộ khuyến nông là nam giới cho nên có thể họ chưa hiểu được một cách cặn kẽ vai trò của phụ nữ trong xã hội nông thôn.

Có thể hiểu được vị trí của phụ nữ khi đánh giá vai trò của họ trong ba lĩnh vực sau:

- *Kinh tế*: Họ là người sản xuất ra nông thực và những sản phẩm tiêu dùng khác cho toàn thể gia đình. Họ cũng là lực lượng lao động chính trong mọi hoạt động kinh tế.

- *Nội trợ*: Với thiên chức của mình họ vừa là mẹ, vừa là người nội trợ và chịu trách nhiệm trông nom, quản lý tất cả các hoạt động kinh tế trong gia đình.

- *Làm mẹ*: Họ sinh đẻ con cái, nuôi dưỡng và dạy dỗ chúng nên người.

Người cán bộ khuyến nông phải hiểu được ba vai trò cơ bản đó của nữ giới để tạo những điều kiện cần thiết giúp họ tham gia các hoạt động khuyến nông.

Tuy nhiên thực tế nữ giới chưa tạo quá ít điều kiện để tham gia các chương trình khuyến nông, nguyên nhân chủ quan chính làm hạn chế sự tham gia của phụ nữ trong các hoạt động khuyến nông là:

- *Văn hóa*: ở nông thôn, phụ nữ thường bị ràng buộc bởi những tập tục văn hóa phong kiến, ít được học hành nên ngại tiếp xúc với bên ngoài. Tuy rằng ở nước ta, phụ nữ đã được thực sự giải phóng nhưng thói quen từ ngàn xưa vẫn làm cho phụ nữ e dè, ngại tiếp xúc với người lạ.

- *Gánh nặng gia đình*: Đi làm vất vả nặng nhọc khi về nhà phụ nữ thường bị hàng núi công việc đè nặng lên vai, điều đó làm cho họ dù có muốn cũng khó có thời gian tham gia các hoạt động khuyến nông. Chỉ riêng công việc trên nông trường rẫy và ở nhà đã làm cho nhiều chị em không lúc nào được rảnh rỗi.

- *Vị trí*: Nhìn chung ở nông thôn phụ nữ chưa được thực sự bình đẳng như nam giới, nhất là trong các công việc xã hội, vì vậy mà người ta cũng ít mong đợi và khuyến khích chị em đóng những vai trò tích cực hơn trong các hoạt động khuyến nông. Đối với những phụ nữ nghèo thì điều đó lại càng khó khăn hơn.

2. Sự phân công lao động giữa nam và nữ

Khi nói đến phân công lao động theo giới, không có nghĩa là chỉ nói đến việc cày, bừa, cấy, hái trong sản xuất, mà còn phải kể đến cả việc nuôi dạy con cái, nấu nướng, giặt giũ... Việc phân công này không hề đơn giản, nó tùy thuộc rất nhiều vào hoàn cảnh xã hội và văn hoá. Sự phân công này có thể rất linh hoạt và có thể thay đổi theo hoàn cảnh gia đình.

Hoạt động khuyến nông hay dự án phát triển cho một vùng nào đó liên quan nhiều tới sự phân công lao động theo giới ở vùng đó. Phân tích phân công lao động giới để có thể dự báo được ai là người chịu tác động của chương trình hay dự án, để từ đó đưa ra được những biện pháp phù hợp nhằm giúp cho phụ nữ tham gia tốt hơn vào các chương trình khuyến nông.

Khi phân tích phân công lao động theo nam và nữ cần xem xét các khía cạnh sau:

+ Phụ nữ làm những công việc gì, quỹ thời gian của họ được sử dụng ra sao

- + Nam giới làm những công việc gì, quỹ thời gian của họ được sử dụng ra sao
- + Sự phân công lao động này có liên quan gì tới việc đạt được các mục tiêu của hoạt động khuyến nông
- + Hoạt động khuyến nông đã ra có ảnh hưởng gì tới việc sử dụng thời gian của từng giới hay không?

3. Xây dựng các hoạt động khuyến nông dành cho phụ nữ

Làm thế nào để nâng cao sự tham gia của phụ nữ trong các hoạt động khuyến nông? Đây là một nhiệm vụ rất khó khăn đối với cán bộ khuyến nông. Nhưng vì tầm quan trọng của người phụ nữ trong sự nghiệp phát triển nông thôn, cán bộ khuyến nông lại càng cần phải cố gắng tổ chức cho họ tham gia những chương trình này. Đừng bao giờ nghĩ rằng phụ nữ nông thôn thấp kém hơn so với nam giới. Bản thân họ chứa đầy những nghị lực và kỹ năng khác nhau. Hãy cố gắng động viên những khả năng tiềm tàng trong họ. Ví dụ, khuyến khích họ dự các cuộc họp, động viên họ mạnh dạn lên trình bày trình bày trước đám đông. Ưu tiên phụ nữ được tham gia trong các hoạt động đào tạo, các chuyến tham quan, trình diễn, hội thảo đầu bờ ...

Mặc dù đã có những chương trình phổ cập ngoài nông, lâm nghiệp giành riêng cho phụ nữ, cán bộ khuyến nông cần phải coi phụ nữ là một trong những đối tượng chính của khuyến nông ngang bằng với nam giới, để đem đến cho họ những hỗ trợ, những kiến thức và kỹ năng cần thiết nhằm phát triển các hoạt động cải thiện cuộc sống gia đình.

Phụ nữ có những trách nhiệm riêng trong gia đình và xã hội. Cần phải tìm hiểu rõ vai trò của phụ nữ và nhạy cảm đối với những nhu cầu và những vấn đề riêng của họ trước khi đưa họ tham gia các hoạt động khuyến nông.

Cần tổ chức những dự án khuyến nông có tác dụng nâng cao vai trò của phụ nữ trong xã hội nông thôn. Những dự án đó có thể bao gồm:

Những dự án tổ chức: Để xây dựng và củng cố những tổ chức địa phương đại diện cho quyền lợi của phụ nữ và khuyến khích cho chị em tiến hành những hoạt động của riêng mình (ví dụ: Hội phụ nữ, câu lạc bộ phụ nữ, phụ nữ giúp nhau làm kinh tế xóa đói giảm nghèo ...)

Những dự án sản xuất: Để trực tiếp hỗ trợ phụ nữ phát triển những hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp (Ví dụ: khai thác lâm sản ngoài gỗ, duy trì phát triển ngành nghề truyền thống như đan lát, dệt thổ cẩm...)

Những dự án chăm sóc sức khỏe: Để hướng dẫn phương pháp và trang bị cho chị em những phương tiện chăm sóc con cái, các hiểu biết về sức khỏe sinh sản (Ví dụ: chăm sóc sức khỏe, chống suy dinh dưỡng trẻ em ...)

Những dự án tăng thu nhập: Để giúp chị em tăng thu nhập cho gia đình (Ví dụ: chăn nuôi lợn, gà, nuôi ong, trồng cây ăn quả ...)

4. Những lưu ý khi xây dựng các chương trình đào tạo khuyến nông cho phụ nữ

- Chương trình phải đáp ứng được kỹ năng và nhu cầu của phụ nữ
- Cho phép về thời gian để phụ nữ có khả năng học được các kỹ năng mới, thời gian biểu thích hợp với công việc hiện tại phải làm hàng ngày của phụ nữ.
- Cung cấp được những đào tạo trong nông, lâm nghiệp và các hoạt động sản xuất khác, bao gồm cả những chủ đề về chăm lo cho hạnh phúc gia đình
- Chú trọng những hoạt động thực sự mang lại tiềm năng thu nhập cho người dân
- Bảo đảm có được sự tham gia đầy đủ của phụ nữ kể cả những người nghèo, ít được học nhất.
- Sử dụng người đào tạo phải có chuyên môn thành thạo, thông tin cập nhật và lòng nhiệt tình.
- Cung cấp các kinh nghiệm thực hành, thực tế trong quá trình học tập để đổi mới.

Cho đến nay, nam giới với tư cách là người chủ gia đình thường được nhận quá nhiều từ các chương trình khuyến nông. Trong khi đó, hiếm khi phụ nữ được động viên và tạo điều kiện để có một vai trò thực sự ngang bằng với nam giới trong các chương trình khuyến nông. Nhưng trong thực tế, phụ nữ có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp phát triển nông thôn. Nhiệm vụ của cán bộ khuyến nông là phải giúp đỡ để họ có thể có được vai trò xứng đáng với những đóng góp đó.

Mục lục

	Trang
Ch- ơng 1: Giới thiệu chung về khuyến nông.....	1
I. Khái niệm về khuyến nông.....	1
1. Định nghĩa khuyến nông	1
2. Tiến trình của khuyến nông	2
3. Triết lý của khuyến nông	5
4. Mục tiêu của khuyến nông.....	5
5. Quan điểm của khuyến nông	6
II. Vai trò chức năng và nhiệm vụ của khuyến nông.....	6
1. Sự cần thiết của công tác khuyến nông.....	6
2. Vai trò của khuyến nông.....	7
3. Chức năng nhiệm vụ của khuyến nông.....	11
III. Nguyên tắc hoạt động của khuyến nông.....	12
IV. Lịch sử phát triển khuyến nông ở một số n- ớc trên thế giới và Việt Nam.....	16
1. Vài nét về khuyến nông một số n- ớc trên thế giới	16
1. Lịch sử khuyến nông Việt Nam.....	20
V. Vai trò và phẩm chất của ng- ời cán bộ khuyến nông	24
1. Vai trò của cán bộ khuyến nông	24
2. Kiến thức, năng lực và phẩm chất cá nhân	25
3. Khả năng nói tr- ớc quần chúng	27
4. Cách tiếp cận và làm việc với lãnh đạo địa ph- ơng	27
5. Kỹ năng viết báo cáo	28
Ch- ơng 2: Hệ thống tổ chức và hoạt động khuyến nông Việt Nam.....	29
1. Hệ thống tổ chức khuyến nông Việt Nam	29
2. Đặc điểm của khuyến nông Việt Nam.....	33
3. Nhiệm vụ của khuyến nông các cấp	34
4. Nội dung hoạt động khuyến nông.....	36
5. Mạng l- ời khuyến nông cấp làng xã.....	38
6. Các tổ chức tham gia khuyến nông khác	40
Ch- ơng 3: Ph- ơng pháp khuyến nông và một số Kỹ năng cơ bản	41
I. Cách tiếp cận khuyến nông	41
1. Cách tiếp cận từ trên xuống	41
2. Cách tiếp cận từ d- ưới lên có sự tham gia	42
3. Một số hình thức tiếp cận khuyến nông có sự tham gia hiện nay.....	43
II. Ph- ơng pháp khuyến nông tiếp cận nông dân.....	47
1. Ph- ơng pháp khuyến nông cá nhân	47
2. Ph- ơng pháp khuyến nông theo nhóm.....	51
3. Ph- ơng pháp khuyến nông đại chúng.....	60
III. Một số kỹ năng cơ bản trong khuyến nông	64
1. Kỹ năng giao tiếp.....	64

2. Kỹ năng lắng nghe	67
3. Kỹ năng quan sát	67
4. Kỹ năng thúc đẩy	68
Ch- ơng 4: Tổ chức đào tạo trong khuyến nông.....	79
I. Việc học của ng- ời lớn tuổi	79
1. Các hình thức thu thập kiến thức của con ng- ời	79
2. Khái niệm cơ bản về việc học của ng- ời lớn tuổi	79
3. Đặc điểm chung của ng- ời học lớn tuổi	80
4. Những đặc điểm tâm lý của ng- ời nông dân Việt Nam.....	81
5. Động lực thúc đẩy ng- ời lớn đi học.....	82
6. Ng- ời lớn học tốt nhất khi nào	82
7. Cách học của ng- ời lớn tuổi	83
II. Công tác đào tạo trong khuyến nông.....	84
1. Sự khác nhau giữa đào tạo trong khuyến nông và đào tạo học sinh	84
2. Khái niệm về đào tạo có sự tham gia của học viên.....	85
3. Các yếu tố cơ bản của ph- ơng pháp có sự tham gia	85
4. Vai trò của ng- ời giáo viên khuyến nông.....	85
5. Yêu cầu của giáo viên khuyến nông	85
6. Những nguyên tắc của quá trình dạy học trong khuyến nông	85
7. Một số kỹ năng trong giảng dạy khuyến nông	86
8. Lựa chọn ph- ơng pháp giảng dạy	87
9. Một số ph- ơng pháp giảng dạy th- ờng áp dụng trong khuyến nông.....	88
10. Đánh giá khoá đào tạo	91
III. Điều tra đánh giá nhu cầu đào tạo	96
1. Vai trò của điều tra đánh giá nhu cầu đào tạo	96
2. Các b- ớc thực hiện trong điều tra đánh giá nhu cầu đào tạo	96
IV. Thiết kế khóa đào tạo ngắn hạn.....	99
Ch- ơng 5: Lập kế hoạch ch- ơng trình khuyến nông.....	105
I. Lập kế hoạch ch- ơng trình khuyến nông	105
1. Tầm quan trọng của lập kế hoạch khuyến nông	105
2. Các hình thức xây dựng kế hoạch ch- ơng trình khuyến nông.....	105
3. Các b- ớc trong lập kế hoạch ch- ơng trình khuyến nông.....	107
II. Ph- ơng pháp xác định nhu cầu có sự tham gia của ng- ời dân	109
1. Khái niệm sự tham gia	109
2. Mục đích của việc ng- ời dân tham gia	109
3. Những yêu cầu khi tiến hành xác định nhu cầu	109
4. Đặc điểm của xác định nhu cầu có sự tham gia.....	109
5. Các nguy hiểm và thiếu sót có thể xảy ra	110
6. Một số kỹ năng cần có trong quá trình xác định nhu cầu có sự tham gia.....	110

7. Một số công cụ có thể sử dụng để xác định nhu cầu của ng-ời dân.....	112
III. Xây dựng dự án khuyến nông	117
Ch- ơng 6: Ph- ơng pháp kiểm tra đánh giá có sự tham gia của ng- ời dân.....	119
I. Nội dung kiểm tra giám sát có sự tham gia	119
1. Khái niệm về kiểm tra giám sát	119
2. Mục đích của kiểm tra, giám sát.....	119
3. Lợi ích của kiểm tra, giám sát có sự tham gia	120
4. Một số yêu cầu của quá trình kiểm tra, giám sát	120
5. Các công cụ để kiểm tra, giám sát	121
6. Các b- ớc trong việc kiểm tra, giám sát.....	121
II. Ph- ơng pháp kiểm tra, giám sát	123
1. Ph- ơng pháp thu thập thông tin, số liệu.....	123
2. Nguồn cung cấp thông tin.....	126
3. Ph- ơng pháp tổ chức kiểm tra, giám sát	126
4. Tổng hợp kết quả viết báo cáo	126
5. Sử dụng kết quả kiểm tra giám sát	129
III. Đánh giá các hoạt động khuyến nông	130
1. Khái niệm	130
2. Mục tiêu của công tác đánh giá	130
3. Vai trò của đánh giá.....	130
4. Thành phần tham gia đánh giá.....	130
5. Thời điểm đánh giá	130
6. Ph- ơng pháp đánh giá.....	131
7. Các b- ớc tiến hành hoạt động kiểm tra đánh giá các hoạt động khuyến nông.....	132
IV. Xây dựng các tiêu chí giám sát, đánh giá	133
1. Sự cần thiết và các yêu cầu của các tiêu chí giám sát, đánh giá	133
2. Các đặc điểm của chỉ tiêu giám sát, đánh giá.....	133
3. Các loại chỉ tiêu th- ờng dùng cho hoạt động giám sát, đánh giá	133
4. Các b- ớc tiến hành xây dựng tiêu chí giám sát, đánh giá.....	134
5. Các vấn đề đánh giá chung và mối liên hệ của chúng	135
Ch- ơng 7: Khuyến nông với nhóm các đối t- ơng đặc biệt	136
I. khuyến nông với ng- ời nghèo.....	136
1. Khái niệm về đói nghèo.....	136
2. Chuẩn mực đói nghèo của Việt Nam	138
3. Các đặc tr- ng của ng- ời nghèo.....	138
4. Khuyến nông với ng- ời nghèo.....	139
5. Mô hình kỹ thuật đầu t- thấp cho ng- ời nghèo	140
II. Khuyến nông và phụ nữ.....	141
1. Vai trò của phụ nữ trong gia đình và cộng đồng.....	141

2. Sự phân công lao động giữa nam và nữ	142
3. Xây dựng các hoạt động khuyến nông dành cho phụ nữ	142
4. Những lưu ý khi xây dựng các chương trình đào tạo khuyến nông cho phụ nữ	143

Tài liệu tham khảo

1. A.W.Van Den Ban & H.S.Hawkins - Ng-ời dịch: Nguyễn Văn Linh - Khuyến nông, NXB Nông nghiệp, Hà Nội 1998
2. Chanoch Jacoben - Nguyên lý và ph-ơng pháp khuyến nông, NXB Nông nghiệp, Hà Nội 1996
3. Hội thảo quốc gia về khuyến nông, khuyến lâm. Ch-ơng trình phát triển nông thôn miền núi Việt Nam - Thuy Điển, NXB Nông nghiệp, Hà Nội 1998
4. Hội thảo quốc gia về ph-ơng pháp khuyến nông có sự tham gia của nông dân, NXB Nông nghiệp, Hà Nội 2001.
5. Ph-ơng pháp đánh giá nông thôn có ng-ời dân tham gia. NXB Nông nghiệp, Hà Nội 1998
6. Sổ tay ph-ơng pháp thông tin khuyến nông. Dự án tăng c-ường khả năng t- vấn cấp Bộ, NXB Nông nghiệp, Hà Nội 2001
7. Vấn đề giới và công tác phát triển nông thôn. Dự án phát triển lâm nghiệp xã hội Sông Đà, Hà Nội 2001.
8. T.S. Đỗ Tuấn Khiêm; T.S. Nguyễn Hữu Hồng. Giáo trình khuyến nông, Thái Nguyên 2004
9. PGS.T.S Nguyễn Văn Long. Giáo trình khuyến nông. NXB Nông nghiệp, Hà Nội 2006.